HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 77/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án công nhận xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được sửa đổi tại Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Thông báo số 738-TB/TU ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III;

Xét Tờ trình số 339/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III, bao gồm: Triệu Việt Vương, Châu Ninh, Phụ Dực, Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Hoàng Hoa Thám, Lương Bằng, Hưng Phú, Mễ Sở, Việt Yên, Kiến Xương, Vũ Quý, Long Hưng, Hưng Hà, Khoái Châu, Vũ Thư, Ân Thi, Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, Lạc Đạo, Văn Giang, Hoàn Long, Xuân Trúc, Tiên Lữ, Quang Hưng; Báo

cáo thẩm tra số 593/BC-BPC ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án công nhận xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III *(có Đề án kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định và tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Việt Yên là đô thị loại III theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII Kỳ họp thứ Tư nhất trí thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Xây dựng; Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 18:41:29

Trần Quốc Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ VIỆT YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83 /ĐA-UBND	*Việt Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

ĐỀ ÁN
CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

PHẦN I
MỞ ĐẦU

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN.

Xã Việt Yên nằm ở khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên, là địa bàn có vị trí quan trọng trong không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xã có vị trí tiếp giáp với các khu vực phát triển năng động như Yên Mỹ, Hoàn Long, Triệu Việt Vương, Việt Tiến và Nguyễn Văn Linh; đồng thời nằm trong khu vực có hệ thống giao thông đối ngoại và liên kết vùng tương đối thuận lợi, với các tuyến đường cao tốc CT.04 (Hà Nội - Hải Phòng), trục quốc lộ QL.5B, QL.39A và có tính kết nối với các đô thị khác trong tỉnh thông qua và các trục đường tỉnh ĐT.379, ĐT.382; đồng thời tạo cơ hội lớn để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến địa bàn. Xã Việt yên với tổng diện tích tự nhiên là 23,99km2 và quy mô dân số toàn đô thị năm 2025 là 43.933 người. Về tính chất, địa phương được định hướng là đô thị dịch vụ, thương mại, công nông nghiệp chất lượng cao, tập trung phát triển khu công nghệ cao tỉnh Hưng Yên.

Trong quá trình hình thành và phát triển, khu vực Việt Yên đã có sự chuyển biến mạnh mẽ từ không gian sản xuất nông nghiệp truyền thống sang không gian phát triển đa chức năng với sự gia tăng nhanh của các hoạt động công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ. Trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, khu vực xã Việt Yên hiện nay được hình thành từ các địa bàn Yên Phú, Thanh Long và Việt Yên; thực hiện Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025, xã Việt Yên mới được thành lập trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã Việt Yên, Thanh Long và Yên Phú, chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2025. Việc hình thành đơn vị hành chính mới tạo ra một không gian phát triển có quy mô lớn hơn, thống nhất về quản lý và mở rộng dư địa để tổ chức phát triển đô thị.

Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, định hướng mới về phát triển kinh tế - xã hội, sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình mới. Trong bối cảnh đó, xã Việt Yên tiếp tục tập trung triển khai các nghị quyết, chủ trương của Trung ương và của tỉnh, phát huy các lợi thế về vị trí địa lý, hạ tầng giao thông, quỹ đất và nguồn lực kinh tế

để thúc đẩy phát triển. Trong những năm qua, kinh tế - xã hội của địa phương có bước phát triển mạnh; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch; hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội từng bước được đầu tư, nâng cấp; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của Việt Yên từng bước được đầu tư, hoàn thiện. Các tuyến giao thông kết nối liên vùng tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, đi lại của người dân và kết nối với các khu vực phát triển lân cận. Nhiều dự án đầu tư xây dựng, cải tạo giao thông, công trình công cộng và hạ tầng xã hội đã và đang được triển khai.

Với vị trí nằm trong Vùng động lực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, đồng thời thuộc không gian phát triển của đô thị Yên Mỹ và đô thị Khoái Châu - Yên Mỹ, Việt Yên có vai trò ngày càng rõ trong mạng lưới đô thị của tỉnh. Quy hoạch tỉnh xác định khu vực Khoái Châu - Yên Mỹ là một không gian đô thị lớn, có tính chất đô thị dịch vụ, thương mại, du lịch, công nông nghiệp chất lượng cao và có vai trò kết nối với khu vực phía Nam Thủ đô Hà Nội. Trong cấu trúc này, Việt Yên cùng với Yên Mỹ, Nguyễn Văn Linh, Hoàn Long và các địa phương lân cận tạo thành một không gian phát triển đô thị liên kết, hỗ trợ lẫn nhau về hạ tầng, dịch vụ, việc làm và các hoạt động kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh đó, việc lập Đề án công nhận xã Việt Yên đạt tiêu chí đô thị loại III là cần thiết, nhằm đánh giá một cách toàn diện và khách quan trình độ phát triển hiện tại của địa phương, xác lập rõ vị trí, vai trò của Việt Yên trong hệ thống đô thị tỉnh Hưng Yên và làm cơ sở cho việc tiếp tục đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng, tổ chức không gian và nâng cao chất lượng đô thị. Việc công nhận đạt tiêu chí đô thị loại III đồng thời tạo cơ sở để từng bước chuyển đổi mô hình quản lý phù hợp với thực tiễn phát triển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu vực có tốc độ đô thị hóa ngày càng cao.

Việc công nhận đô thị Việt Yên đạt tiêu chí đô thị loại III không chỉ là sự ghi nhận quá trình phát triển về kinh tế - xã hội, hạ tầng và mức độ đô thị hóa của địa phương, mà còn là cơ sở quan trọng để cụ thể hóa các định hướng của Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên, tổ chức không gian phát triển theo hướng tập trung, đồng bộ và bền vững; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; thúc đẩy phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại - dịch vụ và các ngành kinh tế đô thị; đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nâng cao chất lượng môi trường sống và đời sống nhân dân. Quy hoạch tỉnh đã xác định Việt Yên trong vùng động lực phía Bắc và trong không gian phát triển đô thị Khoái Châu - Yên Mỹ, do đó việc đánh giá, công nhận đô thị loại III sẽ góp phần cụ thể hóa vai trò của Việt Yên trong cấu trúc phát triển đô thị chung của tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị Việt Yên đã hội tụ đầy đủ yếu tố, tiêu chí để công nhận đạt tiêu chí đô thị loại III, hướng tới xã đạt tiêu chuẩn đô thị loại III trong năm 2026. Sau khi được công nhận đô thị loại III, xã sẽ có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh, bền vững hơn. Đồng thời góp phần đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa của tỉnh Hưng Yên theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên và chương trình phát triển đô thị đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đây cũng là nguồn động viên đối với Đảng bộ và nhân dân xã Việt Yên nói riêng, tỉnh Hưng Yên nói chung.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

2.1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Thông báo số 571-TB/TU ngày 12/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả rà soát sơ bộ tiêu chuẩn các xã thành lập phường thuộc tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Việt Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2.2. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ

sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/06/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

- Nghị định 185/2026/NĐ-CP ngày 26/05/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

- Nghị định 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/05/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/03/2026 của Bộ Nội vụ về phân

loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 8877/BNV-CQĐP ngày 13/8/2026 của Bộ nội vụ về việc hoàn thiện hồ sơ Đề án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Mỹ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 21/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Thông báo số 155/TB-UBND ngày 05/06/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về Kết luận của đồng chí Nguyễn Mạnh Quyền, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc nghe Sở Nội vụ báo cáo một số nội dung, ngày 03/6/2026;

- Thông báo số 168/TB-UBND ngày 16/06/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Hùng Nam, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tại cuộc họp về việc thực hiện kế hoạch thành lập các Phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Công văn số 5441/UBND -NC ngày 14/8/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc hoàn thiện hồ sơ Đề án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

III. PHẠM VI LẬP ĐỀ ÁN

Đề án công nhận xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số và địa giới hành chính của xã Việt Yên hiện nay. Với diện tích tự nhiên: 23,99 km², dân số: 43.933 người. có ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp xã Yên Mỹ.

- Phía Tây giáp xã Triệu Việt Vương.

- Phía Nam giáp xã Việt Tiến.

- Phía Bắc giáp xã Hoàn Long và xã Nguyễn Văn Linh.

PHẦN II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Xã Việt Yên nằm ở phía Bắc tỉnh Hưng Yên, giữ vị trí tâm điểm kết nối vùng Thủ đô và hành lang kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Đây là vùng đất có bề dày lịch sử văn hóa lâu đời, gắn liền với địa danh Yên Mỹ và vùng Bãi Sậy – biểu tượng cho tinh thần quật cường và truyền thống lao động cần cù của người dân xứ Nhãn. Với địa hình bằng phẳng, hệ thống sông Bắc Hải Hưng chảy qua cùng mạng lưới giao thông huyết mạch, Việt Yên đã sớm định hình là một trung tâm giao thương, tiểu thủ công nghiệp sầm uất bậc nhất khu vực.

Bước ngoặt mang tính lịch sử đối với địa phương là ngày 01/7/2025, thực hiện Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xã Việt Yên mới được chính thức thiết lập trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng toàn bộ diện tích và dân số của 03 đơn vị hành chính: Yên Phú, Thanh Long và Việt Yên (cũ). Sự hợp nhất này không chỉ đơn thuần là thay đổi địa giới hành chính mà còn là sự tích hợp mạnh mẽ về nguồn lực đất đai (23,99 km²) và dân số (43.933 người), tạo tiền đề vững chắc để Việt Yên bứt phá trở thành một đô thị loại III năng động.

Tiến trình phát triển hình thái đô thị của xã Việt Yên được khắc họa qua các giai đoạn cốt lõi sau:

1. Cội nguồn lịch sử và nền tảng làng nghề truyền thống Vùng đất Việt Yên từ xa xưa đã nổi danh với các làng nghề truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa vùng đồng bằng Bắc Bộ. Tiêu biểu là Làng nghề mộc mỹ nghệ Thụy Lân với hàng trăm hộ sản xuất, tạo ra những sản phẩm chạm khắc tinh xảo có mặt trên khắp thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Làng nghề miến dong Lại Trạch đã góp phần định hình cấu trúc "kinh tế làng nghề", giúp cư dân địa phương sớm tiếp cận với tư duy sản xuất hàng hóa và giao thương.

2. Giai đoạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế và bùng nổ hạ tầng (2010 – 2024) Đây là giai đoạn Việt Yên chứng kiến sự thay đổi mạnh mẽ về chất trong kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật:

- Hạ tầng giao thông khung: Việc hoàn thành và nâng cấp các tuyến ĐCT Hà Nội - Hải Phòng (QL.5B), ĐT.379, ĐT.382 đã đưa Việt Yên thoát khỏi hình bóng của một xã thuần nông, trở thành cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp với trung tâm Thủ đô.

- Hạt nhân công nghiệp: Sự hình thành và quy hoạch các cụm công nghiệp trọng điểm như CCN Minh Châu - Việt Cường, CCN Làng nghề Thụy Lân và dự án Nhà máy Ánh Dương đã tạo đòn bẩy thúc đẩy tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tăng vọt lên mức 90,40%.

3. Hợp nhất lịch sử và xác lập vị thế đô thị loại III (2025 - Nay) Sau khi hợp nhất các đơn vị hành chính vào tháng 7/2025, Việt Yên đã trở thành một chỉnh thể đô thị thống nhất, vận hành theo mô hình quản lý tập trung và hiệu quả hơn.

Sự tích hợp hạ tầng từ 03 xã cũ đã giúp Việt Yên sở hữu hệ thống hạ tầng xã hội đồng bộ với 9/11 trường học đạt chuẩn quốc gia và 5/5 trạm y tế đạt chuẩn. Với mức thu nhập đầu người đạt 79,3 triệu đồng/năm và tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 0,77% vào năm 2023 xuống còn 0,23% vào năm 2025, Việt Yên đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu phân loại đô thị, đủ điều kiện để công nhận là đô thị loại III và sẵn sàng cho mục tiêu thành lập Phường.

Các đặc trưng cốt lõi của quá trình phát triển đô thị Việt Yên:

- Sự giao thoa giữa Công nghiệp và Di sản: Việt Yên phát triển theo hướng đô thị nén hiện đại nhưng vẫn bảo tồn nghiêm ngặt không gian các làng nghề truyền thống và di tích lịch sử.

- Đô thị kết nối thông minh: Tận dụng tối đa lợi thế của các trục giao thông đối ngoại để phát triển dịch vụ logistics và thương mại vùng Thủ đô.

- Đổi mới mô hình quản trị: Việc chuyển đổi từ "chính quyền nông thôn" sang "chính quyền đô thị" là bước đi tất yếu để giải quyết các thách thức về quản lý trật tự xây dựng, môi trường và dân cư trong bối cảnh đô thị hóa nhanh.

Việc công nhận xã Việt Yên đạt tiêu chuẩn đô thị loại III là sự ghi nhận khách quan quá trình phát triển bền bỉ của địa phương, đồng thời mở ra vận hội mới để Việt Yên trở thành một phường nội đô văn minh, giàu đẹp, đóng góp vào sự thịnh vượng chung của tỉnh Hưng Yên

II. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP VỀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THEO QUY HOẠCH TỈNH VÀ CÁC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ ĐƯỢC DUYỆT

Công tác triển khai đầu tư và phát triển không gian đô thị tại xã Việt Yên thời gian qua đã bám sát tinh thần Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026) và Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Mỹ (Quyết định số 2323/QĐ-UBND). Đặc biệt, sau bước ngoặt sáp nhập nguyên trạng địa giới hành chính 03 xã (Yên Phú, Thanh Long, Việt Yên) vào tháng 7/2025, công tác quản lý xây dựng đã được tích hợp toàn diện, tạo ra một chỉnh thể đô thị đồng bộ, tối ưu hóa các nguồn lực hạ tầng.

1. Kết quả đạt được trong công tác phát triển đô thị

a) Về công tác quy hoạch và quản lý kiến trúc:

Hệ thống công cụ quản lý nhà nước về đô thị đã và đang được hoàn thiện. Sở Xây dựng đã có công văn số 3242/SXD-QHKT và PTĐT ngày 29/12/2025 đề nghị UBND tỉnh cho phép lập Quy hoạch chung đô thị đối với các xã thuộc huyện Yên

Mỹ cũ (kèm theo phụ lục Danh mục lập các quy hoạch chung đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh). Ngày 15/01/2026, UBND tỉnh ban hành văn bản số 230/UBND-KT1 về việc tổ chức lập quy hoạch đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh, đồng ý chủ trương giao Sở Xây dựng chỉ trì lập quy hoạch chung cho 04 xã thuộc địa bàn huyện Yên Mỹ cũ. Đây cũng là cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng và nâng hạng đô thị.

Công tác cấp phép xây dựng và quản lý đất đai được tăng cường; việc triển khai các dự án đầu tư được đảm bảo theo đúng quy hoạch đã duyệt, từng bước hình thành lối sống đô thị hiện đại.

b) Về phát triển hạ tầng kỹ thuật khung và kết nối vùng:

Giao thông: Mạng lưới giao thông đối ngoại phát triển vượt bậc, đưa Việt Yên trở thành đầu mối giao thông năng động bậc nhất phía Bắc tỉnh. Các trục huyết mạch như ĐCT CT.04 (Hà Nội - Hải Phòng), Quốc lộ 5B, Quốc lộ 39A, cùng các tuyến đường tỉnh ĐT.379, ĐT.382 đã được đầu tư nhựa hóa và bê tông hóa 100%.

Hạ tầng số và năng lượng: Hệ thống lưới điện và viễn thông được đầu tư đồng bộ, đảm bảo công suất phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Xã đã thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong quản lý hành chính, với tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến toàn trình đạt 99,11%.

Môi trường: Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đạt 100%; 100% dân số được tiếp cận nước sạch đạt quy chuẩn.

c) Về thu hút dự án động lực và hạ tầng xã hội:

Khu vực xã Việt Yên và xã Hoàn Long đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án lớn đang được triển khai là Khu công nghệ cao tỉnh Hưng Yên, diện tích lên tới 496,1 ha, trong đó diện tích của xã Việt Yên là 157ha, trở thành một trong những tổ hợp công nghệ lớn của vùng cửa ngõ Thủ đô, thu hút các tập đoàn công nghệ lớn trong và ngoài nước đầu tư vào các ngành công nghiệp hiện đại, tạo ra các cơ hội việc làm có giá trị gia tăng lớn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đời sống cho người dân địa phương. Ngoài ra trên địa bàn xã còn có: Khu công nghiệp Tân Dân, tổng diện tích thực hiện trên địa bàn xã khoảng 98,79ha; Cụm công nghiệp Minh Châu-Việt Cường quy mô 50ha; Cụm công nghiệp làng nghề Thụy Lân quy mô 9,89ha; Khu nhà ở xã hội tại xã Việt Yên, diện tích đất thực hiện dự án: 7,72 ha; Khu đô thị Thanh Long (Tasecoland) trên địa bàn xã Việt Yên và xã Nguyễn Văn Linh, tổng diện tích cả 2 xã khoảng 70ha, trên địa bàn xã Việt Yên có diện tích 47ha; khu đô thị Xuân Cầu; Dự án Khu nhà ở Sông Hồng 10ha có Chợ đầu mối nông sản Sông Hồng, là nơi tiêu thụ, giao thương nông sản cả vùng phía Bắc của tỉnh Hưng Yên. Đây sẽ là đòn bẩy thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

Hạ tầng xã hội được đầu tư bài bản: 5/5 Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; hệ thống trường học được nâng cấp thường xuyên, đóng vai trò là trung tâm giáo dục, văn hóa cấp tiểu vùng.

2. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục

Bên cạnh những kết quả bứt phá, tốc độ đô thị hóa nhanh cũng đặt ra một số thách thức kỹ thuật:

Công tác giải phóng mặt bằng (GPMB): Mặc dù đang triển khai 19 dự án với quy mô 92 ha, nhưng tiến độ tại một số dự án còn chậm do những thay đổi của Luật Đất đai và khó khăn trong việc vận động người dân đồng thuận về giá đền bù.

Trật tự xây dựng: Tình trạng xây dựng trái phép trên đất công, đất nông nghiệp vẫn còn diễn ra cục bộ, đòi hỏi sự kiên quyết hơn trong quản lý và xử lý vi phạm theo kế hoạch của UBND tỉnh.

Áp lực hạ tầng: Một số khu vực bãi tập kết rác thải hiện đã rơi vào tình trạng quá tải, cần có giải pháp đầu tư hệ thống xử lý tập trung quy mô lớn hơn để đáp ứng quy chuẩn đô thị loại III.

3. Đánh giá sự phù hợp với Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 và Nghị định 35/2026/NĐ-CP

Công tác đầu tư xây dựng tại Việt Yên hoàn toàn phù hợp với định hướng phân loại đô thị loại III theo quy định chuyển tiếp tại Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15. Địa phương đã đáp ứng xuất sắc các tiêu chuẩn về mức độ đô thị hóa (tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 81,2%) và thu nhập đầu người (79,3 triệu đồng/năm), tạo tiền đề vững chắc để thành lập phường theo đúng quy định tại Nghị định 35/2026/NĐ-CP.

Kết luận: Xã Việt Yên đã thực hiện tốt công tác triển khai đầu tư theo quy hoạch, diện mạo đô thị thay đổi rõ nét. Việc sớm được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại III sẽ là động lực để địa phương khắc phục các hạn chế về GPMB và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, tiến tới xây dựng một phường nội đô văn minh, hiện đại

III. ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ LOẠI III QUY ĐỊNH TẠI BẢNG 2A, PHỤ LỤC II CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 111/2025/UBTVQH15

3.1. Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

3.1.1. Tiêu chuẩn vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về vai trò, vị trí của đô thị nhằm đánh giá tầm ảnh hưởng, tính chất chiến lược và chức năng đầu mối của đơn vị hành chính trong hệ thống quy hoạch tổng thể quốc gia, quy

hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ tiêu này xem xét mức độ tích hợp của địa phương vào mạng lưới đô thị lớn, năng lực lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội và vai trò kết nối hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.

b. Vị thế chiến lược và định hướng phát triển của xã Việt Yên

Xã Việt Yên nằm ở khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên, có vị trí thuận lợi trong hệ thống phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời có mối liên hệ chặt chẽ với các khu vực phát triển của vùng Thủ đô Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng. Theo định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xã Việt Yên thuộc Vùng I - Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), là khu vực có vị trí chiến lược, hội tụ các điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, hệ thống hạ tầng, liên kết vùng và khả năng thu hút đầu tư; được xác định là một trong những khu vực có vai trò động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên.

Khu vực xã Việt Yên đồng thời nằm trên các hành lang phát triển Bắc - Nam và Đông - Tây, có hệ thống giao thông đối ngoại và đối nội tương đối thuận lợi, tạo điều kiện kết nối với các trung tâm kinh tế của tỉnh và các địa phương lân cận. Với vị trí nằm trên các tuyến giao thông quan trọng như cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04), Quốc lộ 5B, Quốc lộ 39A và các tuyến đường tỉnh, trong đó có ĐT.382, Việt Yên có điều kiện thuận lợi để đảm nhận vai trò đầu mối giao thông và điểm kết nối giao thương của khu vực, tăng cường liên kết giữa vùng Thủ đô Hà Nội với các khu vực phía Bắc và phía Đông của tỉnh Hưng Yên và vùng đồng bằng ven biển. Hồ sơ hiện có cũng xác định khu vực Việt Yên có vai trò là đầu mối giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cụm liên xã khu vực phía Tây huyện Yên Mỹ trước đây và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

Về vai trò phát triển kinh tế, theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026, khu vực Việt Yên thuộc Vùng động lực phía Bắc, được định hướng phát triển theo mô hình công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao. Trong đó, khu vực này có vai trò là một trong những không gian phát triển công nghiệp, đô thị, thương mại - dịch vụ và logistics quan trọng của tỉnh; đồng thời là khu vực có khả năng tạo động lực và lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội đối với các địa bàn lân cận.

Về chức năng đô thị, quá trình phát triển công nghiệp, đô thị hóa và gia tăng dân số đã tạo điều kiện hình thành ngày càng rõ nét các chức năng trung tâm của khu vực, bao gồm các hoạt động hành chính, thương mại - dịch vụ, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, đời sống dân cư. Các chức năng này không chỉ phục vụ nhu cầu của dân cư trên địa bàn xã mà còn có khả năng đáp ứng một phần nhu cầu của dân cư và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các khu vực lân cận, phù hợp với vai trò trung tâm của một cụm liên xã và khu vực phía Bắc

tỉnh. Hồ sơ thành lập phường Việt Yên đã xác định khu vực này có vai trò trung tâm về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế và đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

Về định hướng phát triển, Việt Yên được xác định là khu vực có điều kiện để hình thành không gian đô thị hiện đại, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, thương mại - dịch vụ và không gian ở. Khu vực cũng được định hướng phát triển các hoạt động kinh tế tri thức, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, giáo dục, đào tạo nghề và các lĩnh vực công nghệ cao, tạo cơ sở nâng cao chất lượng đô thị và tăng cường khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư trong giai đoạn tới.

Như vậy, với vị trí nằm trong Vùng động lực phía Bắc của tỉnh, trên các hành lang phát triển quan trọng, có khả năng kết nối thuận lợi với vùng Thủ đô Hà Nội và các trung tâm kinh tế trong vùng, cùng với định hướng phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao, xã Việt Yên có vai trò là trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên, trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - thương mại, dịch vụ và logistics của khu vực, đồng thời là đầu mối giao thông và giao thương quan trọng của cụm liên xã.

Các yếu tố nêu trên là cơ sở để xác định Việt Yên có vị trí, vai trò và chức năng vượt ra ngoài phạm vi phục vụ đơn thuần của đơn vị hành chính cấp xã, có khả năng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và phù hợp với yêu cầu về vị trí, chức năng của đô thị loại III theo quy định hiện hành.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Khung chỉ tiêu của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu đô thị phải được xác định rõ chức năng, tính chất và vị thế đầu mối liên vùng trong các đồ án quy hoạch cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh được duyệt (Khung điểm tối đa là 7,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Trên cơ sở các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Việt Yên được xác định nằm trong Vùng động lực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, có vai trò là một trong các cực tăng trưởng và trung tâm phát triển của khu vực; đồng thời hình thành các chức năng trung tâm tiểu vùng về công nghiệp, đô thị, thương mại - dịch vụ, logistics và đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cụm liên xã và tiểu vùng phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

- Kết luận: Căn cứ vào tầm vóc chiến lược tại các quy hoạch cấp trên và mức độ hoàn thiện, tích hợp hạ tầng thực tế của địa phương vào mạng lưới đô thị vùng Thủ đô, tiêu chuẩn Vai trò, vị trí của xã Việt Yên được xem xét và đánh giá đạt điểm số rất cao: ***6,0 / 7,0 điểm.***

3.1.2. Tiêu chuẩn vai trò, vị trí đô thị trung tâm

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về vai trò, vị trí đô thị trung tâm nhằm đánh giá thực trạng đầu tư hạ tầng, sự hiện hữu của các cơ quan hành chính đầu mối và năng lực kết nối giao thương của địa phương với tư cách là một hạt nhân kinh tế, xã hội cấp tỉnh hoặc cấp xã.

- Đối với xã Việt Yên, việc đánh giá tiêu chuẩn được thực hiện trên cơ sở hiện trạng hệ thống công trình hành chính, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội và vị trí của Việt Yên trong mạng lưới giao thông, liên kết phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên và khu vực.

b. Thực trạng hạ tầng kết nối và vai trò trung tâm của xã Việt Yên

- Xã Việt Yên hiện là đơn vị hành chính có vị trí quan trọng trong khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Việt Yên được tổ chức trên cơ sở giữ nguyên địa giới và có quy mô diện tích tự nhiên 23,99 km², dân số 43.933 người. Theo phương án thành lập phường Việt Yên, trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tiếp tục sử dụng, là cơ sở quan trọng để duy trì và phát huy chức năng trung tâm hành chính của khu vực.

- Về hạ tầng đô thị, khu vực Việt Yên đã hình thành hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ dân cư và các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Hệ thống giao thông được kết nối với mạng lưới giao thông đối ngoại của tỉnh thông qua cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04), Quốc lộ 5B, Quốc lộ 39A và các tuyến đường tỉnh như ĐT.382, cùng mạng lưới đường giao thông khu vực. Đây là điều kiện thuận lợi để Việt Yên kết nối với các trung tâm kinh tế, đô thị và các khu vực phát triển của tỉnh Hưng Yên, vùng Thủ đô Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng.

- Việt Yên đồng thời nằm trong khu vực có định hướng phát triển mạnh về công nghiệp, đô thị, thương mại - dịch vụ và logistics công nghệ cao. Hệ thống hạ tầng giao thông và các không gian phát triển sản xuất, đô thị, dịch vụ đang hình thành tạo điều kiện để khu vực trở thành một trong những địa bàn tập trung các hoạt động kinh tế, dịch vụ và đô thị của Vùng động lực phía Bắc tỉnh Hưng Yên. Việt Yên có khả năng tiếp nhận, phân phối các dòng giao thông, hàng hóa, lao động và dịch vụ giữa các khu vực lân cận, qua đó từng bước hình thành vai trò là một trong các đầu mối kết nối của khu vực.

- Về chức năng trung tâm, Việt Yên đã hình thành các chức năng hành chính, kinh tế, thương mại - dịch vụ, giáo dục, đào tạo, y tế và văn hóa phục vụ dân cư trên địa bàn. Theo hồ sơ thành lập phường Việt Yên, khu vực này được xác định có vai trò là trung tâm về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế và đầu mối giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cụm liên xã và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

- Với vị trí nằm trên các hành lang giao thông quan trọng, kết nối trực tiếp với vùng Thủ đô Hà Nội và các khu vực phát triển của tỉnh, cùng với hệ thống công trình hành chính và hạ tầng đô thị từng bước được đầu tư, Việt Yên có điều kiện đảm nhận

vai trò là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối về kinh tế - xã hội, giao thông, thương mại - dịch vụ và phát triển đô thị của khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

c) Đánh giá

- Xã Việt Yên có hệ thống trụ sở hành chính hiện hữu; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các công trình phục vụ hoạt động đô thị đã được đầu tư xây dựng; đồng thời có vị trí thuận lợi trong mạng lưới giao thông và liên kết phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc biệt, việc nằm trong Vùng động lực phía Bắc và trên các hành lang giao thông quan trọng tạo điều kiện để Việt Yên thực hiện vai trò trung tâm và đầu mối kết nối của khu vực.

- Đối chiếu với tiêu chuẩn "Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã được đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối", xã Việt Yên cơ bản đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn.

- Đề xuất đánh giá: Đạt; điểm dự kiến: 6,0/8,0 điểm.

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 12,0/15,0 điểm.***

Bảng 1: Tính điểm tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực kinh tế, tài chính, văn hoá, giáo dục đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông	Cấp tỉnh	7	Trên cơ sở các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Việt Yên được xác định nằm trong Vùng động lực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, có vai trò là một trong các cực tăng trưởng và trung tâm phát triển của khu vực; đồng thời hình thành các chức năng trung tâm tiểu vùng về công nghiệp, đô thị, thương mại - dịch vụ, logistics và đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cụm liên xã và tiểu vùng phía Bắc tỉnh Hưng Yên.	6,0
		Cấp xã	5,5		
2	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã được đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối	Cấp tỉnh	8	Xã Việt Yên có hệ thống trụ sở hành chính hiện hữu; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các công trình phục vụ hoạt động đô thị đã được đầu tư xây dựng; đồng thời có vị trí thuận lợi trong mạng lưới giao thông và liên kết phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc biệt, việc nằm trong Vùng động lực phía Bắc và trên các hành lang giao thông quan trọng tạo điều kiện để Việt Yên thực hiện vai trò trung tâm và đầu mối kết nối của khu vực	6,0

		Cấp xã	6		

3.2. Mức độ đô thị hoá

3.2.1. Tiêu chuẩn: Quy mô dân số đô thị

a. Cơ sở lý luận và phương pháp xác định

- Quy mô dân số đô thị (P) bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú trong đô thị do cơ quan công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận. Quy mô dân số đô thị đối với đô thị đã được công nhận loại đô thị trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành gồm dân số thường trú và dân số tạm trú trong khu vực.

Công thức tính: $P = N + N_t$

Trong đó:

P: Quy mô dân số đô thị (người);

N: Dân số thường trú trong đô thị theo quy định của pháp luật cư trú (người);

N_t: Dân số tạm trú trong đô thị theo quy định của pháp luật cư trú (người).

- Tổng dân số đô thị (T) bao gồm quy mô dân số và dân số lưu trú quy đổi trong đô thị.

Công thức tính: $T = P + Q$

Trong đó:

T: Tổng dân số đô thị (người);

P: Quy mô dân số đô thị (người);

Q: Dân số lưu trú quy đổi trong đô thị (người): Dân số lưu trú quy đổi trong đô thị gồm khách lưu trú du lịch, khách tham gia các hoạt động văn hóa, lịch sử; lao động lưu trú; bệnh nhân và người nhà chăm sóc; lao động giao thương qua lại tại đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền (nếu có) và từ các hoạt động khác.

Công thức tính: $$Q = 2 \times \frac{Q_t \times m}{365}$$

Trong đó:

Q: Dân số lưu trú quy đổi trong đô thị (người);

Q_t: Số lượng khách lưu trú theo quy định của pháp luật cư trú (lượt);

m: Số ngày lưu trú trung bình của một khách (ngày).

b. Hiện trạng dân số, lao động trên địa bàn xã Việt Yên

Xã Việt Yên sở hữu vị thế địa lý thuận lợi, là nơi diễn ra các hoạt động giao thương kinh tế - xã hội năng động, thu hút mạnh mẽ dòng dịch cư cơ học. Nguồn dân số tạm trú và lưu trú tại địa phương chủ yếu là nhân công thời vụ, thợ làm vườn, thương lái nông sản, công nhân xây dựng và các kỹ sư làm việc tại các cơ sở canh tác nông nghiệp công nghệ cao và các dự án phát triển đô thị ở khu vực lân cận. Với tổng dân số năm 2025 khoảng 43.993 người.

c. Đánh giá tiêu chuẩn quy mô dân số đô thị loại III theo phụ lục IIA, Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị: quy mô dân số của xã Việt Yên đạt 43.993 người . Đối chiếu với khung điểm tiêu chuẩn đô thị loại III (Thang điểm tối đa là 7,0 điểm, mức tối thiểu đạt điểm là từ 5,5 điểm với quy mô tối thiểu 20.000 dân).

Đánh giá tiêu chuẩn quy mô dân số đô thị đạt: ***5,70 /7,0 điểm.***

3.2.2. Tiêu chuẩn: Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên được xác định bằng quy mô dân số đô thị (P) trên diện tích tự nhiên của đô thị.

Công thức tính: $$D = \frac{P}{S}$$

Trong đó:

D: Mật độ dân số (người/km^2);

P: Quy mô dân số đô thị (người);

S: Diện tích đất tự nhiên của đô thị (km^2).

b. Hiện trạng phân bố dân cư

Hiện nay, sau quá trình sắp xếp và sáp nhập đơn vị hành chính, xã Việt Yên có diện tích tự nhiên là 23,99 km^2 , với quy mô dân số đô thị đạt 43.933 người (bao gồm cả dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi).

Sự phân bố dân cư trên địa bàn xã Việt Yên hiện nay thể hiện sự phân hóa rõ rệt nhưng mang tính bổ trợ tương hỗ sâu sắc, hình thành nên hai không gian hình thái chính:

Không gian dân cư đô thị hóa hiện đại: Tập trung tại các khu vực dự án khu đô thị mới, dọc theo các trục giao thông đối ngoại và giao thông liên vùng. Khu vực này thu hút lượng lớn cư dân mới và lực lượng lao động chất lượng cao, hình thành các điểm nhấn kiến trúc và hạ tầng đồng bộ.

Không gian làng xã truyền thống: Tập trung quanh khu vực lõi di sản, các vùng sản xuất hoa - cây cảnh lâu đời và trung tâm hành chính cũ của xã. Dân cư phân bố nén, có mật độ cao theo các tuyến đường liên thôn, liên xã truyền thống, tạo nên bản sắc đô thị sinh thái đặc trưng.

Tính toán một cách cơ học trên tổng diện tích tự nhiên, mật độ dân số bình quân của toàn xã Việt Yên hiện đạt sấp sỉ 1.831 người/km2

Mức mật độ này phản ánh áp lực tích tụ dân cư tương đối cao, tạo tiền đề và động lực mạnh mẽ cho việc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo tiêu chuẩn đô thị.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 đối với đô thị loại III, yêu cầu mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên toàn đô thị tối thiểu phải đạt từ 500 người/km² trở lên (Khung điểm đánh giá từ mức tối thiểu đến tối đa là 4,5 đến 6,0 điểm).

Kết quả đối chiếu tại địa phương: Tiêu chuẩn mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên toàn đô thị của xã Việt Yên đạt 1.831 người/km² .

Kết luận: Đối chiếu với mức yêu cầu tối thiểu của đô thị loại III là 500 người/km², mật độ thực tế của xã Việt Yên (1.831 người/km²) cao gấp hơn 3,66 lần so với mức sàn quy định.

Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên của xã Việt Yên đạt điểm tuyệt đối: ***6,0 / 6,0 điểm.***

3.2.3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị được tính theo công thức sau:

$$K = \frac{E}{E_t} \times 100\%$$

Trong đó:

K: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%);

E: Số lao động của khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ (người);

E_t: Số lao động có việc làm trong nền kinh tế (người).

Theo thống kê của Thống kê tỉnh Hưng Yên tại công văn số 360/TKT-TH ngày 05/06/2026, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã 81,2 %

Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt ***7,0/7,0 điểm.***

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí về mức độ đô thị hoá đạt: 18,7/20,0 điểm.***

Bảng 3: Tính điểm tiêu chí mức độ đô thị hoá

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Quy mô dân số đô thị	nghìn người	≥ 200	7	43,93	5,70
			20	5,5		
2	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km2	≥ 1.000	6	1.831	6,0
			500	5		
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 65	7	81,2	7,0
			55	5,5		

3.3. Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

3.3.1. Về hạ tầng kỹ thuật

3.3.1.1. Giao thông

a. Đầu mối giao thông:

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đầu mối giao thông của đô thị được xác định dựa trên sự hiện diện và năng lực vận hành của các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối cấp vùng hoặc cấp quốc gia nằm trên địa bàn, bao gồm: cảng hàng không, cảng biển/cảng đường thủy nội địa phân cấp, cảng cạn (ICD), ga đường sắt hỗn hợp/đường sắt đô thị, bến xe khách liên tỉnh.

Đánh giá kết quả: Đối chiếu với khung chỉ tiêu đô thị loại III, chỉ tiêu Đầu mối giao thông của xã Việt Yên đánh giá đạt: ***4,0 / 4,0 điểm.***

b. Mật độ đường giao thông đô thị:

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Mật độ đường giao thông đô thị được tính bằng tổng chiều dài các tuyến đường giao thông đô thị trên diện tích đất xây dựng đô thị.

$$G = \frac{H}{S_1}$$

G: Mật độ đường giao thông đô thị (km/km^2);

H: Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông đô thị (km);

S_1: Diện tích đất xây dựng đô thị (km^2).

- Hiện trạng hệ thống giao thông trên địa bàn

Xã Việt Yên có vị trí thuận lợi trong mạng lưới giao thông của khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên, với hệ thống giao thông đối ngoại gồm các tuyến giao thông quan trọng như cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04), CT.16 - ĐT.379, ĐT.380, ĐT.381, ĐT.382, ĐT.382B và các tuyến giao thông kết nối với Quốc lộ 39A. Hệ thống này tạo thành mạng lưới kết nối Việt Yên với các trung tâm đô thị, khu công nghiệp và các khu vực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như vùng Thủ đô Hà Nội. Hồ sơ phân loại đơn vị hành chính xã Việt Yên xác định khu vực có lợi thế về hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại và nằm trên cả hành lang phát triển Đông - Tây và Bắc - Nam.

Bên cạnh hệ thống giao thông đối ngoại, trên địa bàn xã đã hình thành mạng lưới giao thông đối nội tương đối hoàn chỉnh, gồm các tuyến đường trục chính, đường liên khu vực, đường khu vực và đường phục vụ các khu dân cư. Các tuyến đường này tạo thành mạng lưới liên kết giữa khu vực trung tâm xã với các thôn, khu dân cư, khu vực sản xuất, khu công nghiệp, các công trình hạ tầng xã hội và kết nối với mạng lưới giao thông đối ngoại.

Trong quá trình đô thị hóa, nhiều tuyến đường trên địa bàn đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng và cứng hóa; một số tuyến có quy mô mặt cắt lớn, đáp ứng nhu cầu giao thông ngày càng tăng và từng bước hình thành mạng lưới đường giao thông theo tính chất đô thị. Hệ thống giao thông hiện hữu là một trong những điều kiện quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ và hình thành không gian đô thị Việt Yên.

- Kết luận và Đánh giá:

- Quy định tiêu chuẩn: Theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu tối thiểu về mật độ đường giao thông đối với đô thị loại III là 4,00 km/km² (Khung điểm từ mức sàn đến mức tối đa là 4,0 đến 5,0 điểm).

- Đánh giá thực tế: Mật độ đường giao thông đô thị thực tế của xã Việt Yên đạt 4,03 km/km². Đánh giá tiêu chuẩn mật độ đường giao thông đô thị của xã Việt Yên đạt điểm tối đa*: **4,01 / 5,0 điểm.***

3.3.1.2. Cấp, thoát nước và xử lý nước thải

a. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung trên quy mô dân số.

- Hiện trạng hệ thống cấp nước tại xã Việt Yên:

Hệ thống cấp nước là một trong những hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, có vai trò bảo đảm điều kiện sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và nâng cao chất lượng môi trường sống của dân cư đô thị. Việc phát triển hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn xã Việt Yên được định hướng gắn với quá trình đô thị hóa, phát triển các khu dân cư tập trung, khu đô thị, các khu vực sản xuất công nghiệp – dịch vụ và yêu cầu bảo đảm an toàn, chất lượng nguồn nước.

Theo định hướng phát triển hạ tầng cấp nước của tỉnh, khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên được kết nối với hệ thống cấp nước tập trung quy mô lớn, trong đó có nguồn nước mặt và tuyến ống truyền tải cấp nước khu vực. Định hướng chung của tỉnh là từng bước nâng cao chất lượng nước sau xử lý, mở rộng phạm vi cấp nước tập trung, nâng công suất các nhà máy, hoàn thiện mạng lưới truyền tải và phân phối, đồng thời kiểm soát chất lượng và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Đối với xã Việt Yên, quá trình hình thành và phát triển đô thị kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng, đặc biệt tại các khu dân cư tập trung và các khu vực phát triển đô thị mới. Việc ưu tiên sử dụng nguồn nước từ hệ thống cấp nước

tập trung góp phần hạn chế khai thác nước dưới đất phân tán, bảo đảm chất lượng nước phục vụ sinh hoạt và phù hợp với định hướng phát triển đô thị bền vững.

Hiện nay, 100% dân số trên địa bàn xã đã đạt chỉ tiêu sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

(Chi tiết xem tại Phụ lục Biểu 6: thống kê hiện trạng cấp điện, cấp nước, cáp quang internet trên địa bàn xã Việt Yên).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung tối thiểu phải đạt từ 85% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống tập trung của xã Việt Yên hiện đạt 100,0%.

- Áp dụng phương pháp tính điểm theo Nghị quyết 111, chỉ tiêu Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung của xã Việt Yên đạt: ***3,0 / 3,0 điểm.***

b. Mật độ đường cống thoát nước chính: Mật độ đường cống thoát nước chính được tính bằng tổng chiều dài đường cống thoát nước chính trên tổng diện tích đất xây dựng đô thị.

Trong quá trình đô thị hóa, hệ thống thoát nước trên địa bàn xã Việt Yên từng bước được đầu tư cùng với hệ thống đường giao thông và các khu dân cư, khu đô thị mới. Hệ thống thoát nước có vai trò thu gom, tiêu thoát nước mưa, nước mặt, hạn chế ngập úng cục bộ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thu gom nước thải trong quá trình phát triển đô thị.

Theo định hướng phát triển hạ tầng thoát nước của tỉnh Hưng Yên, đối với các khu vực đã có hệ thống thoát nước chung, cần xây dựng cống bao, giếng tách nước để từng bước thu gom nước thải đưa về trạm xử lý; đối với các khu vực phát triển mới, ưu tiên áp dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn và xử lý nước thải tập trung trước khi xả ra môi trường.

Đối với xã Việt Yên, việc phát triển mạng lưới cống thoát nước cần được thực hiện đồng bộ với hệ thống giao thông đô thị, bảo đảm khả năng tiêu thoát nước cho các khu dân cư hiện hữu và các khu vực phát triển mới. Đặc biệt, cần ưu tiên hoàn thiện các tuyến cống trên các trục đường chính, khu vực tập trung dân cư và các khu vực có nguy cơ ngập úng

Tính đến năm 2025, tổng chiều dài mạng lưới đường cống thoát nước chính (tuyến cống cấp 1 và cấp 2, có đường kính từ D400 trở lên hoặc lòng mương nắp đan rộng tương đương) trên địa bàn xã đạt 65,25 km. Hệ thống này chạy dọc theo các tuyến đường tỉnh và mạng lưới đường trục chính, đường liên khu vực thuộc cấu trúc đô thị hiện đại.

- Như vậy, mật độ đường cống thoát nước chính trên địa bàn đạt:8,06km/km2.

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, mật độ đường cống thoát nước chính yêu cầu tối thiểu phải đạt từ 3,0 km/km² trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Mật độ đường cống thoát nước chính thực tế trên địa bàn xã Việt Yên đạt 8,06 km/km².

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất, tiêu chuẩn Mật độ đường cống thoát nước chính của xã Việt Yên đạt điểm tối đa: ***3,0 / 3,0 điểm.***

c. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch: Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng công suất vận hành các trạm xử lý nước thải hiện trạng trên tổng công suất thiết kế các trạm xử lý nước thải theo quy hoạch.

- Hiện trạng hệ thống xử lý nước thải tại xã Việt Yên:

Cùng với quá trình đô thị hóa và gia tăng dân số, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã Việt Yên có xu hướng gia tăng. Nếu không được thu gom và xử lý đồng bộ, nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư có thể gây ô nhiễm nguồn nước mặt, ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Hiện trạng và định hướng phát triển đô thị Việt Yên đặt ra yêu cầu phải từng bước hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải gắn với các khu dân cư và khu đô thị mới. Hồ sơ thành lập phường Việt Yên cũng xác định nguy cơ phát sinh ngập úng và ô nhiễm môi trường nếu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải không được đầu tư tương xứng với tốc độ phát triển đô thị.

Theo định hướng phát triển hạ tầng thoát nước của tỉnh Hưng Yên, đến năm 2030, các khu đô thị phải có hệ thống thu gom nước thải đưa về trạm xử lý nước thải tập trung; đối với các khu, cụm công nghiệp, nước thải phải được thu gom và xử lý bảo đảm quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

Đối với các khu vực phát triển mới của xã Việt Yên, cần ưu tiên xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, tách khỏi hệ thống thoát nước mưa; nước thải sau khi thu gom phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Đối với các khu dân cư hiện hữu đang sử dụng hệ thống thoát nước chung, từng bước thực hiện giải pháp cống bao, giếng tách nước và các công trình xử lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải.

- Căn cứ dữ liệu kỹ thuật thực tế, tổng công suất thiết kế hệ thống các trạm xử lý nước thải theo quy hoạch đồng bộ trên địa bàn là rất lớn nhằm đón đầu cho quy mô đô thị tương lai. Hiện nay, với quy mô lấp đầy dân cư hiện tại, tổng công suất vận hành thực tế của các trạm xử lý nước thải đang đạt 70% so với tổng công suất thiết kế toàn tải theo quy hoạch.

(Chi tiết thông số kỹ thuật và lưu lượng vận hành xem tại Phụ lục Biểu 8: Thống kê hệ thống trạm xử lý nước thải đô thị).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với công suất thiết kế theo quy hoạch yêu cầu mức tối thiểu phải đạt từ 50% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 0,75 đến 1,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Việt Yên đạt 70%.

- Kết luận: Đối chiếu với mức quy định của đô thị loại III, tỷ lệ công suất vận hành thực tế của hệ thống trạm xử lý nước thải xã Việt Yên đã đạt mức tối đa theo quy định, chứng minh hạ tầng kỹ thuật môi trường được đầu tư bài bản, có công suất dự phòng lớn, bảo đảm tính bền vững cho mục tiêu phát triển dài hạn.

- Theo phương pháp tính điểm của Nghị quyết 111, tiêu chuẩn Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch của xã Việt Yên đạt: ***1,0 / 1,0 điểm.***

3.3.1.3. Xử lý chất thải rắn: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trên tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát thải.

- Hiện trạng công tác thu gom và xử lý chất thải rắn tại xã Việt Yên:

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã Việt Yên được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng không gian sống và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị.

Trong thời gian qua, công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn đã từng bước được quan tâm, tuy nhiên tại một số khu vực vẫn còn tình trạng rác thải sinh hoạt tồn đọng, tập kết chưa đúng quy định, ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường. Các vấn đề về thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải cũng được địa phương xác định là một trong những nội dung cần tiếp tục tập trung giải quyết.

Từ ngày 15/3/2026, UBND xã Việt Yên đã ký hợp đồng với Công ty Sông Hồng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn toàn xã; việc thu gom được triển khai tại tất cả các thôn, từng bước đưa hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt vào nền nếp, chuyên nghiệp.

Đến tháng 9/2026, UBND xã tiếp tục tổ chức lại hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; từ ngày 01/9/2026, Công ty TNHH Môi trường đô thị Văn Giang được giao thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức và cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đến các điểm tập kết do UBND xã chỉ định, với tần suất 03 lượt/tuần. Đơn vị thu gom có trách

nhiệm sử dụng phương tiện chuyên dụng, hạn chế rơi vãi, phát tán mùi, bụi và nước rỉ rác, không để rác tồn đọng gây ảnh hưởng đến môi trường và đời sống nhân dân.

Việc tổ chức thu gom tập trung trên phạm vi toàn xã là cơ sở quan trọng để từng bước hoàn thiện chuỗi thu gom – vận chuyển – xử lý chất thải rắn sinh hoạt, đồng thời tạo điều kiện triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn và nâng cao hiệu quả quản lý chất thải trong quá trình phát triển đô thị.

- Phương án vận chuyển và xử lý chất thải rắn

Theo kế hoạch của tỉnh, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các xã, phường được phân vùng để vận chuyển về các cơ sở xử lý phù hợp với công suất tiếp nhận. Đối với khu vực Việt Yên, phương án xử lý được tổ chức theo hướng kết hợp giữa các cơ sở xử lý tập trung trong khu vực và các cơ sở xử lý được tỉnh phân vùng tiếp nhận.

Theo phương án phân vùng xử lý chất thải rắn sinh hoạt của tỉnh, một phần chất thải rắn sinh hoạt của phường Việt Yên được xử lý tại Khu xử lý chôn lấp hợp vệ sinh phường Việt Yên; đồng thời, phương án của tỉnh cũng bố trí một phần chất thải của phường Việt Yên về Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại xã Trung Kênh. Nhà máy Trung Kênh có công suất khoảng 300 tấn/ngày và được phân công tiếp nhận chất thải từ nhiều xã, phường trong khu vực.

Bên cạnh đó, kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt giai đoạn 2025–2027 của tỉnh đã yêu cầu các địa phương chủ động ký hợp đồng với các cơ sở xử lý theo phân vùng, bảo đảm chất thải phát sinh hằng ngày được vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Như vậy, đối với xã Việt Yên, định hướng xử lý chất thải rắn sinh hoạt không theo hình thức tập trung toàn bộ tại một điểm trong địa bàn xã mà được tổ chức theo mạng lưới thu gom, điểm tập kết và vận chuyển đến các cơ sở xử lý tập trung theo phân vùng của tỉnh. Cách thức này phù hợp với định hướng tăng cường xử lý chất thải tập trung, hạn chế hình thành các điểm tập kết, đổ thải tự phát trong khu dân cư.

- Phân loại chất thải rắn tại nguồn

Trong quá trình xây dựng đô thị văn minh, việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn có vai trò quan trọng trong giảm khối lượng chất thải phải xử lý, tăng khả năng tái sử dụng, tái chế và nâng cao hiệu quả xử lý chất thải.

UBND xã Việt Yên đã triển khai công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện bỏ rác đúng nơi quy định và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Cùng với việc tổ chức thu gom tập trung, địa phương có điều kiện để từng bước triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, trước hết đối với các hộ gia đình, cơ quan, trường học, cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

Trong giai đoạn tiếp theo, cần tiếp tục thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí phương tiện, thiết bị và điểm tập kết phù hợp với từng nhóm chất thải; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát để bảo đảm chất thải sau phân loại được thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy trình.

Căn cứ vào dữ liệu theo dõi hạ tầng kỹ thuật, lượng chất thải rắn phát thải khoảng 120 tấn/ngày, trong đó khoảng 116 tấn/ngày được thu gom và xử lý, đạt khoảng 96,7% khối lượng thu gom được xử lý; hình thức xử lý chủ yếu là đốt và một phần chôn lấp.

(Chi tiết số liệu kiểm toán chất thải xem tại Phụ lục Biểu 9: Thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường tối thiểu phải đạt từ 70% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Việt Yên đạt 96,7%.

- Kết luận: Đối chiếu với mức sàn tối thiểu của quy chuẩn đô thị loại III (70%), tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của xã Việt Yên (96,7%) đã vượt xa yêu cầu quy định. Công tác bảo vệ môi trường cảnh quan đô thị được duy trì tốt, không tồn tại các bãi tập kết rác tự phát gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư.

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của xã Việt Yên đạt điểm tuyệt đối: ***3,0 / 3,0 điểm.***

3.3.1.4. Nghĩa trang đô thị

a. Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch: Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích nghĩa trang nhân dân đã được xây dựng so với quy hoạch.

Thực trạng và cấu trúc phân bổ hệ thống nghĩa trang tại xã Việt Yên:

- Hệ thống nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Việt Yên được hình thành gắn với quá trình cư trú lâu đời của các khu dân cư, thôn, làng. Các khu nghĩa trang hiện có chủ yếu phục vụ nhu cầu an táng của cộng đồng dân cư tại chỗ, phân bố tương đối gắn với các khu dân cư hiện hữu.

- Trong quá trình phát triển đô thị, hệ thống nghĩa trang hiện hữu từng bước được quan tâm đầu tư, cải tạo, chỉnh trang nhằm đáp ứng nhu cầu an táng của nhân dân, đồng thời bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường, cảnh quan và sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

- Tuy nhiên, qua thực tế quản lý trên địa bàn, một số nghĩa trang nhân dân đã có dấu hiệu quá tải, diện tích hạn chế, phân bố manh mún và chưa được quy hoạch, chỉnh trang đồng bộ. Đây cũng là vấn đề đã được UBND xã Việt Yên ghi nhận trong quá trình điều hành địa phương; một số thôn phản ánh nghĩa trang hiện tại đã quá tải, manh mún, chưa quy hoạch đồng bộ, gây khó khăn cho việc mai táng và quản lý.

- Trên địa bàn huyện Yên Mỹ trước đây, trong đó có xã Việt Yên, tỉnh đã có định hướng đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống nghĩa trang nhân dân. Theo thông tin công bố, giai đoạn 2025–2026, các xã, thị trấn của huyện Yên Mỹ, trong đó có Việt Yên, có kế hoạch xây dựng, cải tạo, nâng cấp 25 nghĩa trang nhân dân thôn, với tổng kinh phí dự kiến trên 60 tỷ đồng.

- Việc đầu tư, cải tạo các nghĩa trang nhân dân là cần thiết nhằm từng bước khắc phục tình trạng mai táng phân tán, sử dụng đất thiếu hiệu quả, đồng thời nâng cao chất lượng cảnh quan và môi trường khu vực dân cư.

Tình hình đầu tư, cải tạo và chỉnh trang nghĩa trang

- Trong thời gian qua, xã Việt Yên đã triển khai các dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân nhằm đáp ứng nhu cầu an táng của người dân và từng bước chuẩn hóa hệ thống nghĩa trang theo hướng văn minh, đồng bộ.

- Một trong các dự án cụ thể là Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp Nghĩa trang thôn Khóa Nhu 1, 2, do UBND xã Việt Yên làm chủ đầu tư. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của công trình được UBND xã Việt Yên phê duyệt ngày 02/6/2025.

- Theo hồ sơ thiết kế được công bố, dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp nghĩa trang thôn Khóa Nhu 1, 2 bao gồm các hạng mục tổ chức lại không gian nghĩa trang, khu mộ, hệ thống đường nội bộ, tường rào, cổng, nhà chờ và các hạng mục phụ trợ, hướng tới hoàn thiện cảnh quan và điều kiện phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân.

- Đây là cơ sở quan trọng cho thấy công tác quản lý, đầu tư hệ thống nghĩa trang trên địa bàn Việt Yên đang từng bước chuyển từ hình thức nghĩa trang thôn, làng phân tán sang cải tạo, chỉnh trang theo quy hoạch, có tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ hơn.

- Bên cạnh nghĩa trang nhân dân, xã cũng quan tâm đầu tư các công trình nghĩa trang liệt sĩ. Cụ thể, UBND xã Việt Yên đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ Yên Hòa theo Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 25/5/2025 và tổ chức lấy ý kiến cộng đồng về phương án thiết kế. Tuy nhiên, đây là công trình nghĩa trang liệt sĩ nên không sử dụng diện tích của công trình này để tính toán tiêu chí nghĩa trang nhân dân theo Nghị quyết 111.

(Chi tiết vị trí, quy mô và lộ trình quản lý xem tại Phụ lục Biểu 10: Thống kê hiện trạng hệ thống nghĩa trang trên địa bàn).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch yêu cầu mức tối thiểu phải đạt từ 50% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Do đang trong giai đoạn chuyển tiếp, thực hiện lộ trình di dời từng phần và quy tập dứt điểm các ngôi mộ phân tán về các khu nghĩa

trang tập trung theo quy hoạch, chỉ số thực tế về diện tích nghĩa trang xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch của xã Việt Yên đạt 70%.

- Kết luận: Đối chiếu với khung chỉ tiêu của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 đối với đô thị loại III, dù hạ tầng nghĩa trang của địa phương chịu áp lực lớn từ tốc độ đô thị hóa nhanh và dịch chuyển địa giới hành chính, nhưng đã có giải pháp quy hoạch phân kỳ rõ ràng, bảo đảm các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường đô thị.

- Theo phương pháp tính điểm của khung tiêu chuẩn mới, tiêu chuẩn tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch của xã Việt Yên đạt: ***3,0 / 3,0 điểm.***

b. Nhà tang lễ:

- Xã Việt Yên đang trong giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình quản lý nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị. Theo phong tục truyền thống từ trước đến nay, các nghi thức tang lễ của cư dân làng xã cũ phần lớn vẫn được tổ chức trực tiếp tại gia đình.

- Qua rà soát hiện trạng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn xã Việt Yên hiện nay đã có dự án đầu tư xây dựng công trình nhà tang lễ độc lập, chuyên dụng.

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu tối thiểu về hạ tầng nhà tang lễ đối với đô thị loại III là phải có tối thiểu 01 công trình phục vụ trên địa bàn toàn đô thị (Khung điểm đánh giá từ 2,5 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: đã có dự án nhà tang lễ.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định cứng của quy chuẩn phổ thông, do chưa hình thành thiết chế hạ tầng này trên địa bàn, tiêu chuẩn Nhà tang lễ của xã Việt Yên đánh giá đạt: 2,5 / 3,0 điểm.

Bảng 4.: Tính điểm tiêu chí hạ tầng kỹ thuật

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
3.1.1	***Giao thông***			***7-9***		***8,01***
1	Đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	4	Cấp tỉnh	4
			Cấp xã	3		
2	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km2	6	5	4,03	4,01
			4	4		
3.1.2	***Cấp thoát nước và xử lý nước thải***			***4,75-7***		***7,0***
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua	%	95	3	100	3
			85	2		

	hệ thống cấp nước tập trung					
2	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km2	≥ 3,5	3	8,06	3
			3	2		
3	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	≥ 70	1	70	1,0
			50	0,75		
3.1.3	***Xử lý chất thải rắn***			***2-3***		***3***
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥ 80	3	96,7	3
			70	2		
3.1.4	***Nghĩa trang đô thị***			***4,5-6***		***5,5***
1	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	%	≥ 70	3	70	3,0
			50	2		
2	Nhà tang lễ	cơ sở	≥ 1	3	Có dự án	2,5
			Có dự án	2,5		

3.3.2. Về Hạ tầng xã hội

3.3.2.1. Số giường bệnh:

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này phản ánh năng lực cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh của hệ thống y tế đô thị. Chỉ số được tính bằng tổng số giường bệnh thực tế tại các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa, chuyên khoa công lập và ngoài công lập trên địa bàn (quy định không bao gồm số giường bệnh tại các trạm y tế tuyến xã/phường) bình quân trên 10.000 dân đô thị.

- Hiện trạng hệ thống hạ tầng y tế tại xã Việt Yên:

Trên địa bàn và khu vực phục vụ trực tiếp xã Việt Yên, hệ thống y tế gồm mạng lưới trạm y tế cơ sở và các cơ sở khám chữa bệnh tuyến trên. Trong đó, Bệnh viện Đa khoa Yên Mỹ là bệnh viện đa khoa khu vực, hiện có quy mô 90 giường bệnh, định hướng nâng lên 150 giường bệnh.

Để đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ y tế của đô thị Việt Yên, 150 giường bệnh của Bệnh viện Đa khoa Yên Mỹ được tính vào tổng số giường bệnh phục vụ đô thị. Các giường bệnh tại các trạm y tế xã không tính vào chỉ tiêu.

Với quy mô dân số xã Việt Yên 43.933 người, chỉ tiêu được xác định:

Số giường bệnh/10.000 dân = 150 × 10.000 / 43.933 = 34,14 giường/10.000 dân.

Theo đó, chỉ tiêu về giường bệnh đạt 34,14 giường/10.000 dân. So với yêu cầu của đô thị loại III, chỉ tiêu này đã đạt mức trung bình trên 30 giường/10.000 dân. Tuy nhiên, để đạt được chỉ tiêu này, cần tiếp tục đầu tư, nâng quy mô giường bệnh và phát triển mạng lưới cơ sở khám chữa bệnh để đáp ứng yêu cầu phân loại đô thị

(Chi tiết danh mục cơ sở y tế xem tại Phụ lục Biểu 12: Thống kê hệ thống công trình y tế trên địa bàn)

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về mức tối thiểu cho chỉ tiêu số giường bệnh bình quân là 30 giường/10.000 dân (Khung điểm đánh giá từ mức sàn đến mức tối đa là 3,75 đến 5,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Việt Yên đạt 34,14 giường/10.000 dân.

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất, tiêu chuẩn Số giường bệnh của xã Việt Yên đạt điểm: 4,79***/ 5,0 điểm.***

3.3.2.2. Cơ sở giáo dục, đào tạo:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về cơ sở giáo dục, đào tạo nhằm đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ giáo dục cấp đô thị và khả năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng số lượng các cơ sở giáo dục và đào tạo cấp đô thị hiện đang hoạt động trên địa bàn, bao gồm: Các trường Đại học, Học viện, trường Cao đẳng, trường Trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm Dạy nghề, trường Trung học phổ thông (THPT) và các trường phổ thông nhiều cấp học (trong đó có cấp THPT). Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở được phân loại thuộc hạ tầng cấp đơn vị ở (phục vụ dân sinh tại chỗ) và không cộng gộp vào chỉ tiêu này.

b. Hiện trạng hệ thống giáo dục và đào tạo tại xã Việt Yên

- Hệ thống giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Việt Yên hiện nay không chỉ dừng lại ở vai trò bảo đảm an sinh xã hội đơn thuần, mà đã vươn tầm trở thành một hệ sinh thái hạ tầng xã hội hoàn chỉnh, đồng bộ và có tính tích hợp cao. Đây được xem là điểm sáng và là động lực cốt lõi thúc đẩy tiến trình đô thị hóa bền vững của địa phương.

- Sau khi sáp nhập, trên địa bàn xã có 02 trường THPT; 11 trường học công lập do xã quản lý đó là: 05 trường mầm non, 01 trường tiểu học; 01 trường THCS; 04 trường TH&THCS. Có 09/11 trường do xã quản lý đạt chuẩn quốc gia.



(Chi tiết danh mục công trình xem tại Phụ lục Biểu 13: Thống kê hệ thống cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn)

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu đối với cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị được đánh giá dựa trên số lượng công trình phục vụ trên quy mô dân số và tính chất đô thị.

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với 02 cơ sở đào tạo cấp THPT, xã Việt Yên đã cơ bản đáp ứng đủ số lượng mà còn vượt trội về chất lượng cơ sở vật chất so với mặt bằng chung của một đô thị loại III.

- Kết luận: Đối chiếu với thang điểm đánh giá của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhờ sở hữu hệ sinh thái giáo dục đa dạng, chất lượng cao và quy mô diện tích đạt chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn Cơ sở giáo dục, đào tạo của xã Việt Yên đạt điểm số rất cao: ***3,89 / 5,0 điểm.***

3.3.2.3 Công trình văn hoá:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị, tiêu chuẩn công trình văn hóa nhằm đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống thiết chế văn hóa, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ tinh thần của cư dân đô thị.

- Các công trình văn hóa cấp đô thị được đưa vào đánh giá bao gồm: thư viện, bảo tàng, không gian triển lãm/nhà trưng bày, nhà hát, rạp xiếc, rạp chiếu phim, trung tâm/nhà văn hóa cấp đô thị, cung thiếu nhi, trung tâm hội nghị, câu lạc bộ, các tổ hợp vui chơi giải trí quy mô lớn, công trình di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, công trình kiến trúc có giá trị, tượng đài và các thiết chế văn hóa cấp đô thị khác.

b. Hiện trạng hệ thống thiết chế văn hóa tại xã Việt Yên

- Hạ tầng văn hóa trên địa bàn xã Việt Yên luôn được chú trọng quan tâm đầu tư, từng bước hiện đại hóa nhằm đáp ứng toàn diện nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, vui chơi, giải trí và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Các công trình, cơ sở văn hóa - thể thao tại địa phương không chỉ phục vụ nhu cầu thụ hưởng văn hóa thường xuyên của người dân, mà còn là không gian tổ chức các sự kiện chính trị, văn nghệ, thể thao quần chúng, và tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Sự chuẩn bị bài bản cho hạ tầng văn hóa đô thị được thể hiện bằng những con số ấn tượng về quy hoạch quỹ đất. Quỹ đất dự trữ dồi dào này là cơ sở không gian vô cùng quan trọng để địa phương tiếp tục thu hút đầu tư, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng và nâng cao chất lượng sống của cư dân trong lộ trình nâng cấp đô thị.

- Hiện nay, qua rà soát và đối chiếu, trên địa bàn xã Việt Yên đang sở hữu 13 công trình văn hóa cấp đô thị, bao gồm các không gian bảo tồn di tích như Đình Thanh Xá, đình Bình Phú, đình chùa Từ Hồ.... *(Chi tiết danh mục công trình xem tại Phụ lục Biểu 14: Thống kê hệ thống các công trình văn hóa trên địa bàn).*

	
NVH thôn Thanh Xá	NVH thôn Thượng Tài

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này đánh giá dựa trên số lượng, quy mô và chất lượng các công trình văn hóa cấp đô thị hiện có trên địa bàn, bảo đảm phục vụ tốt cho quy mô dân số tương ứng.

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với hệ thống quỹ đất lớn cùng 13 công trình văn hóa hiện hữu, xã Việt Yên đã hình thành được một mạng lưới thiết chế văn hóa đa dạng, đan xen giữa bảo tồn giá trị truyền thống và hội nhập các không gian giải trí hiện đại.

- Kết luận: Đối chiếu với thang điểm đánh giá của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hệ thống hạ tầng văn hóa của xã Việt Yên hoàn toàn đáp ứng các tiêu chí khắt khe của một đô thị loại III năng động, có bản sắc. Sự hiện diện của các thiết chế văn hóa đồng bộ giúp địa phương không chỉ là nơi lưu trú mà còn là một điểm đến sống khỏe, sống có chất lượng.

- Theo phương pháp chấm điểm, tiêu chuẩn Công trình văn hóa cấp đô thị của xã Việt Yên đánh giá đạt điểm số tuyệt đối: ***5,00 / 5,0 điểm.***

3.3.2.4 Công trình thể dục, thể thao:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, tiêu chuẩn công trình thể dục, thể thao cấp đô thị nhằm đánh giá mức độ đồng bộ của hạ tầng phục vụ thi đấu, huấn luyện và các giải đấu quy mô lớn, thúc đẩy phong trào rèn luyện thể chất toàn dân.

- Các công trình được tính toán vào chỉ tiêu này bao gồm: Sân vận động trung tâm, khu liên hợp thể thao, nhà thi đấu đa năng, bể bơi tiêu chuẩn chuyên dụng, trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị và các thiết chế thể thao lớn khác có chức năng phục vụ liên vùng. Các sân thể thao cơ bản, sân bóng đá mini hoặc cụm tiện ích nội khu nhà ở được phân loại thuộc hạ tầng cấp đơn vị ở (phục vụ nhu cầu dân sinh tại chỗ) và không được cộng gộp vào chỉ tiêu cấp đô thị này.

b. Hiện trạng hệ thống hạ tầng thể dục - thể thao tại xã Việt Yên

- Hạ tầng thể dục - thể thao trên địa bàn xã Việt Yên luôn được các cấp chính quyền quan tâm đầu tư, quy hoạch quỹ đất nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, rèn luyện thể chất và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Phong trào thể thao quần chúng phát triển rất mạnh mẽ, thu hút đông đảo mọi tầng lớp cư dân tham gia.

- Mạng lưới sân bãi, công trình thể thao tại địa phương có đặc điểm phân hóa rõ nét:

- Tại khu vực dân cư nông thôn cũ: 100% các thôn, làng sau sáp nhập đều có nhà văn hóa kết hợp sân thể thao cơ bản, sân cầu lông, bóng chuyền và các điểm lắp đặt dụng cụ tập thể dục ngoài trời, đáp ứng tốt nhu cầu rèn luyện hàng ngày của người dân.

- Tuy nhiên, xét theo tiêu chuẩn kỹ thuật phân cấp công trình của Bộ Xây dựng và ngành văn hóa - thể thao, các công trình hiện hữu nêu trên đều nằm trong danh mục hạ tầng phục vụ nội khu hoặc nhóm nhà ở (cấp đơn vị ở). Qua rà soát hiện trạng, trong phạm vi địa giới hành chính xã Việt Yên hiện nay chưa có công trình thể dục, thể thao quy mô lớn đạt tiêu chuẩn cấp đô thị (như nhà thi đấu đa năng của đô thị, trung tâm thể thao hay sân vận động trung tâm).

(Chi tiết xem tại Phụ lục Biểu 15: Thống kê hệ thống các công trình thể dục, thể thao trên địa bàn).



Sân bóng Ninh Phong

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu tối thiểu về hạ tầng thể thao cấp đô thị là phải có công trình đầu mối vận hành thiết lập trên địa bàn nhằm phục vụ chung cho toàn đô thị (Khung điểm đánh giá từ 3,0 đến 4,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Do chưa hình thành được thiết chế thể thao cấp đô thị độc lập trong phạm vi hành chính xã.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định của đô thị loại III, tiêu chuẩn Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị của xã Việt Yên đánh giá đạt: ***0,0 / 4,0 điểm.***

- Giải trình và lộ trình khắc phục: Nhằm hoàn thiện tiêu chuẩn này trong tiến trình đưa xã Việt Yên lên Phường và hoàn thiện hạ tầng toàn đô thị, đồ án Quy hoạch chung đô thị giai đoạn 2026 - 2030 cần quy hoạch đồng bộ quỹ đất dành cho khu thể thao trung tâm và nhà thi đấu đa năng liên vùng. Đồng thời, địa phương cần tích cực đẩy mạnh xã hội hóa, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư các tổ hợp thể thao, giải trí phức hợp chất lượng cao để sớm lấp đầy điểm nghẽn hạ tầng này.

3.3.2.5. Công trình thương mại, dịch vụ:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn công trình thương mại, dịch vụ nhằm đánh giá năng lực cung ứng hàng hóa, quy mô giao thương và mức độ phát triển kinh tế nội đô.

- Các công trình được đưa vào tính toán quy đổi cấp đô thị bao gồm: Các trung tâm thương mại, siêu thị lớn, chợ đầu mối, chợ dân sinh được phân cấp (Hạng I, II, III) có ban quản lý hoặc tổ chức điều hành chuyên nghiệp, các tuyến phố thương mại tập trung và các cơ sở dịch vụ quy mô lớn khác. Mạng lưới này phải bảo đảm bán kính phục vụ, sự đa dạng về chủng loại mặt hàng và năng lực cung ứng cho toàn bộ cư dân đô thị cũng như khách du lịch.

b. Hiện trạng hệ thống hạ tầng thương mại - dịch vụ tại xã Việt Yên

- Hệ thống hạ tầng thương mại – dịch vụ trên địa bàn xã Việt Yên đang từng bước phát triển theo hướng tập trung, hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa và sự gia tăng nhu cầu của dân cư, người lao động trong các khu công nghiệp. Với vị trí nằm trong Vùng I – Vùng động lực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, có mạng lưới giao thông đối ngoại thuận lợi và được định hướng phát triển theo mô hình công nghiệp – đô thị – dịch vụ – logistics, Việt Yên có điều kiện hình thành hệ thống thương mại – dịch vụ quy mô lớn, phục vụ không chỉ dân cư trên địa bàn mà còn có khả năng đáp ứng nhu cầu của khu vực lân cận. Mặt khác, Việt Yên còn là trung tâm phát triển công nghiệp – đô thị – dịch vụ – logistics công nghệ cao, đồng thời định hướng hình thành các trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng.

- Hiện nay, trên địa bàn xã đã hình thành 02 khu thương mại cấp đô thị, giữ vai trò là các hạt nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ và tạo lập không gian thương mại tập

trung của khu vực. Các khu thương mại này góp phần từng bước chuyển dịch hoạt động mua bán từ hình thức nhỏ lẻ, phân tán sang các không gian thương mại có tổ chức, đồng thời tạo điểm nhấn cho cấu trúc không gian đô thị của xã.

- Bên cạnh 02 khu thương mại cấp đô thị, mạng lưới thương mại – dịch vụ còn được hình thành khá đa dạng với các chợ dân sinh, cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tiện ích, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, lưu trú, dịch vụ cá nhân, dịch vụ phục vụ sản xuất và các loại hình kinh doanh dọc theo các tuyến giao thông chính. Các điểm thương mại – dịch vụ phân bố chủ yếu tại khu vực trung tâm xã, các khu dân cư tập trung và dọc các tuyến đường có lưu lượng giao thông lớn, tạo thành các trục thương mại – dịch vụ phục vụ nhu cầu thường xuyên của người dân.

- Sự phát triển của hệ thống thương mại – dịch vụ còn được thúc đẩy bởi quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp và gia tăng dân số cơ học, làm xuất hiện nhu cầu ngày càng cao đối với các dịch vụ bán buôn, bán lẻ, ăn uống, lưu trú, vận tải, kho bãi, tài chính – ngân hàng, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và các dịch vụ phục vụ đời sống đô thị. Đặc biệt, lợi thế kết nối với các tuyến giao thông quan trọng và nằm trong không gian phát triển đô thị Khoái Châu – Yên Mỹ tạo điều kiện để Việt Yên mở rộng vai trò là một điểm cung cấp dịch vụ thương mại cho khu vực. Quy hoạch tỉnh cũng xác định khu vực này nằm trong vùng động lực phía Bắc, định hướng phát triển mạnh công nghiệp – thương mại – dịch vụ và logistics.

- Tuy nhiên, hệ thống hạ tầng thương mại – dịch vụ hiện nay vẫn chưa thật sự đồng bộ về quy mô, chất lượng và khả năng phục vụ. Bên cạnh các khu thương mại tập trung, hoạt động kinh doanh nhỏ lẻ vẫn còn phổ biến; một số điểm kinh doanh nằm xen kẽ trong khu dân cư và dọc các tuyến đường, gây áp lực lên giao thông, trật tự đô thị, môi trường và công tác quản lý. Các loại hình thương mại hiện đại, dịch vụ chất lượng cao, trung tâm phân phối và logistics phục vụ trực tiếp cho sản xuất công nghiệp và đô thị còn cần tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện. Đây cũng là xu hướng chung được định hướng trong Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, theo đó hệ thống thương mại cần phát triển theo hướng kết hợp thương mại truyền thống với trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, tuyến phố thương mại hiện đại và các trung tâm phân phối, logistics.

- Đánh giá chung: Hệ thống hạ tầng thương mại – dịch vụ của Việt Yên đã hình thành tương đối đa dạng, trong đó 02 khu thương mại cấp đô thị là những hạt nhân quan trọng, cùng với mạng lưới chợ, cửa hàng và các cơ sở dịch vụ phân bố trên địa bàn. Đây là cơ sở quan trọng để xã đáp ứng yêu cầu về chức năng đô thị, đồng thời tạo nền tảng phát triển Việt Yên thành phường có vai trò là trung tâm thương mại – dịch vụ, công nghiệp và logistics của khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên. Trong giai đoạn tới cần tiếp tục hoàn thiện các khu thương mại hiện có, nâng cấp hệ thống chợ và điểm bán lẻ, đồng thời phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp, logistics và các tuyến phố thương mại gắn với các khu đô thị, khu dân cư mới và các trục giao thông chính.



Chợ Nông sản Sông Hồng

- *Chi tiết danh mục công trình xem tại Phụ lục Biểu 16: Thống kê hệ thống các công trình thương mại - dịch vụ trên địa bàn).*

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị phải bảo đảm số lượng tối thiểu từ 02 công trình trở lên.

- Theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất, tiêu chuẩn Công trình thương mại, dịch vụ của xã Việt Yên đánh giá đạt điểm tối đa tuyệt đối: ***3,89 / 3,0 điểm.***

3.3.2.6. Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người là thước đo tổng hợp về mức độ tiếp cận hạ tầng xã hội của người dân đô thị. Chỉ tiêu này được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng diện tích đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị (bao gồm các lĩnh vực: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ) chia cho quy mô dân số toàn đô thị.

b. Hiện trạng thực tế tại xã Việt Yên

- Căn cứ vào số liệu hiện trạng sử dụng đất đã được tổng hợp và đối chiếu đồng bộ tại các Phụ lục Biểu 12, 13, 14, 15 và 16, tổng diện tích đất dành cho các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị trên địa bàn xã Việt Yên hiện nay đạt 12,68 ha.

- Với quy mô dân số toàn đô thị được xác định là 43.933 người, chỉ tiêu đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người trên địa bàn xã Việt Yên đạt khoảng 2,89 m2/người.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn quy định về đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người đối với đô thị loại III phải đạt tối thiểu từ 1,5 m²/người trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Việt Yên đạt 2,89 m²/người

- Do đó, tiêu chuẩn Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người của xã Việt Yên đánh giá đạt điểm tối đa tuyệt đối: ***3,0 / 3,0 điểm.***

Tổng hợp đánh giá chỉ tiêu về hạ tầng xã hội đạt 18,67/25 điểm

Bảng 5: Tính điểm tiêu chí hạ tầng xã hội

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Số giường bệnh	giường/10.000 dân	≥ 35	5	34,14	4,79
			30	3,75		
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	≥ 10	5	2	3,89
			1	3,75		
3	Công trình văn hoá	công trình	≥ 10	5	13	5,00
			2	3,75		
4	Công trình thể dục, thể thao	công trình	≥ 5	4	0	0
			2	3		
5	Công trình thương mại, dịch vụ	công trình	≥ 5	3	2	2
			2	2		
6	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m2/người	≥ 2	3	2,89	3
			1,5	2		

3.3.3. Về không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị

3.3.3.1. Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên:

a. Chỉ tiêu: Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, không gian xanh sử dụng công cộng là các khu vực cây xanh, công viên, vườn hoa, sân chơi, quảng trường được quy hoạch và xây dựng nhằm phục vụ miễn phí nhu cầu vui chơi, giải trí, giao tiếp ngoài trời, rèn luyện sức khỏe của cộng đồng dân cư, bảo đảm quyền tiếp cận tự do của mọi người dân. Chỉ tiêu này cân đo số lượng các tổ hợp không gian xanh tập trung có quy mô diện tích độc lập từ 2,0 ha trở lên nhằm bảo đảm bán kính phục vụ và chất lượng vi khí hậu cho đô thị.

- Hiện nay, trên địa bàn xã Việt Yên có 01 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô từ 02 ha trở lên. Không gian xanh này có vai trò phục vụ nhu cầu vui chơi, nghỉ ngơi, sinh hoạt cộng đồng và nâng cao chất lượng môi trường sống của người dân; đồng thời góp phần cải thiện cảnh quan, tạo lập không gian xanh trong cấu trúc đô thị.

- Bên cạnh không gian xanh có quy mô lớn, trên địa bàn xã còn có các vườn hoa, cây xanh đường phố, khuôn viên công cộng và các khoảng xanh xen kẽ trong khu dân cư, góp phần bổ sung mạng lưới không gian xanh đô thị. Tuy nhiên, các không gian xanh tập trung có quy mô lớn hiện còn hạn chế, mới hình thành 01 khu đạt yêu cầu quy mô ≥ 02 ha.

(Chi tiết về vị trí, ranh giới và quy mô cụ thể của từng khu vực xem tại Phụ lục Biểu 17: Thống kê danh mục các không gian xanh sử dụng công cộng)

b. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô lớn (từ 2,0 ha trở lên) nhằm đảm bảo công năng cấp đô thị tối thiểu phải đạt từ 1 đến 2 khu trên toàn địa bàn (Khung điểm đánh giá từ 3,0 đến 4,0 điểm).

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất, tiêu chuẩn Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên của xã Việt Yên đạt điểm: ***3,0 / 4,0 điểm.***

3.3.3.2. Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này đánh giá mức độ cân bằng sinh thái và độ phủ mảng xanh toàn diện trên toàn bộ diện tích hành chính của đô thị.

- Chỉ số được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng diện tích các loại hình không gian xanh trên tổng diện tích tự nhiên toàn địa bàn. Cấu trúc không gian xanh bao gồm ba nhóm cốt lõi:

- Không gian xanh tự nhiên: Hệ thống thảm thực vật tự nhiên ven sông, hệ thống mặt nước bãi bồi.

- Không gian xanh bán tự nhiên: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng hoa, cây cảnh chuyên canh.

- Không gian xanh nhân tạo: Hệ thống công viên công cộng, cây xanh chuyên dụng, cây xanh cách ly hành lang kỹ thuật, mảng mọc xanh trong các dự án nhà ở và cơ quan.

b. Hiện trạng cấu trúc mảng xanh tại xã Việt Yên:

Xã Việt Yên có tổng diện tích tự nhiên 23,9957 km², tương đương 2.399,57 ha.

Trong đó, tổng diện tích đất nông nghiệp, mặt nước tự nhiên và diện tích cây xanh là 1.597,74 ha. Đây là nhóm diện tích có chức năng duy trì không gian xanh, mặt nước, góp phần điều hòa vi khí hậu, cải thiện cảnh quan và tạo lập môi trường sinh thái cho khu vực đô thị.

Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên được xác định:

$$1.597,74 / 2.399,57 \times 100 = 66,58\%$$

Như vậy, tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên của xã Việt Yên hiện đạt khoảng 66,58%.

Tỷ lệ này cho thấy Việt Yên vẫn duy trì được quỹ không gian xanh và mặt nước tương đối lớn, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đô thị theo hướng xanh, sinh thái và bền vững. Trong quá trình đô thị hóa, cần tiếp tục kiểm soát việc chuyển đổi đất nông nghiệp, bảo vệ các khu vực mặt nước tự nhiên và bổ sung cây xanh công cộng, nhằm duy trì cân bằng sinh thái và nâng cao chất lượng môi trường đô thị.

- Sự cộng hưởng này giúp tổng diện tích không gian xanh quy đổi toàn địa bàn phát triển rất lớn. Căn cứ dữ liệu tổng hợp hiện trạng sử dụng đất *(đối chiếu đồng bộ từ Phụ lục Biểu 17)*, tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên của xã Việt Yên hiện đạt 66,58%.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên toàn đô thị yêu cầu tối thiểu phải đạt từ 25% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Việt Yên đạt 66,58%.

- Kết luận: Đối chiếu với mức sàn quy định tối thiểu của đô thị loại III (25%), tỷ lệ diện tích không gian xanh của xã Việt Yên đã vượt chuẩn quy định. Đây là minh chứng rõ nét cho mô hình "đô thị trong vườn", bảo đảm tối ưu hóa chất lượng môi trường sống, giảm thiểu hiệu ứng đảo nhiệt đô thị và phát triển bền vững vững chắc khi chuyển đổi mô hình đô thị.

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên của xã Việt Yên đạt điểm tối đa tuyệt đối: ***3,0 / 3,0 điểm.***

3.3.3.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị: Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị được tính bằng tổng diện tích đất công viên, vườn hoa cấp đô thị (không bao gồm đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở) tính trên quy mô dân số. Tỷ lệ này đạt: 0,57 m2/người

Đánh giá tiêu chuẩn Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị đạt: ***0,0/3,0 điểm***

3.3.3.4. Quy chế quản lý kiến trúc:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 và Luật Kiến trúc, tiêu chuẩn Quy chế quản lý kiến trúc nhằm đánh giá công cụ pháp lý và năng lực kiểm soát của chính quyền đô thị trong việc quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan, bảo tồn danh lam thắng cảnh, kiến trúc có giá trị và định hình bản sắc đô thị.

- Chỉ tiêu này được đánh giá dựa trên mức độ hoàn thiện của văn bản pháp lý (đã ban hành Quy chế quản lý kiến trúc hoặc Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung được duyệt) và thời gian thực tế triển khai áp dụng vào công tác cấp phép xây dựng, quản lý trật tự đô thị tại địa phương.

b. Hiện trạng triển khai tại xã Việt Yên

- Hiện nay, xã Việt Yên đã có Quy chế quản lý kiến trúc được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, công tác quản lý kiến trúc, cảnh quan và trật tự xây dựng trên địa bàn đã được thực hiện.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đô thị phải có Quy chế quản lý kiến trúc được duyệt và thời gian triển khai thực tế tối thiểu từ 01 năm trở lên (Khung điểm đánh giá từ 4,0 đến 5,0 điểm).

- Kết luận: Đối chiếu với khung thang điểm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do đã có Quy chế quản lý kiến trúc, nên chỉ tiêu này của xã Việt Yên đánh giá đạt điểm: ***4,0 / 5,0 điểm.***

Tổng hợp đánh giá tiêu chí kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt 10 điểm

Bảng 6: Tính điểm tiêu chí kiến trúc, cảnh quan đô thị

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên	khu	≥ 2	4	1	3,0
			1	3		
2	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	≥ 35	3	66,58	3,0
			25	2		
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m2/người	≥ 7	3	0,57	0,0
			6	2,5		
4	Quy chế quản lý kiến trúc	quy chế	Đã thực hiện quy chế từ 03 năm trở lên	5	Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4,0
			Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4		

3.4. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị

Từ những đánh giá trên, đô thị đã đạt được những thành tựu lớn trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị. Đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị: Trong 23 tiêu chuẩn, đánh giá tính điểm có:

- 11 tiêu chuẩn đạt ngưỡng tối đa
- 3 tiêu chuẩn đạt mức khá.
- 7 tiêu chuẩn đạt điểm nhưng ở mức thấp.
- 2 Tiêu chuẩn chưa đạt điểm.

Kết quả đánh giá, tính điểm đô thị khu vực xã Việt Yên theo 3 nhóm chỉ tiêu đạt được 82,89 điểm, tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 7: Tổng hợp kết quả tính điểm

STT	Các tiêu chí đánh giá	Thang điểm Tối đa – tối thiểu	Điểm
I	Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội	11,5-15	12,0
II	Tiêu chí mức độ đô thị hoá	15,5-20	18,70
III	Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị	48-65	52,19
	Tổng cộng toàn đô thị		**82,89**

Bảng 8: Chi tiết đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại III xã Việt Yên

QUY ĐỊNH						HIỆN TRẠNG	
Thứ tự	Mã tiêu chuẩn	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định đối với đô thị loại III	Điểm	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm
		Tổng					82,89
I		TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI			11,5-15		12
1	2A.I.01	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	7	Trên cơ sở các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xã Việt Yên được xác định nằm trong Vùng động lực phía Bắc của tỉnh Hưng Yên, có vai trò là một trong các cực tăng trưởng và trung tâm phát triển của khu vực; đồng thời hình thành các chức năng trung tâm tiểu vùng về công nghiệp, đô thị, thương mại - dịch vụ, logistics và đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cụm liên xã và tiểu vùng	6
				Cấp xã	5,5		

						phía Bắc tỉnh Hưng Yên.	
2	2A.I.02	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối		Cấp tỉnh	8	- Xã Việt Yên có hệ thống trụ sở hành chính hiện hữu; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các công trình phục vụ hoạt động đô thị đã được đầu tư xây dựng; đồng thời có vị trí thuận lợi trong mạng lưới giao thông và liên kết phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc biệt, việc nằm trong Vùng động lực phía Bắc và trên các hành lang giao thông quan trọng tạo điều kiện để Việt Yên thực hiện vai trò trung tâm và đầu mối kết nối của khu vực	6
				Cấp xã	6		
II		TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA			15,5-20		18,70
1	2A.II.03	Quy mô dân số đô thị	nghìn người	≥200	7	43,933	5,70
				20	5,5		
2	2A.II.04	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km^2	≥1.000	6	1831,3	6,00
				500	4,5		
3	2A.II.05	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥65	7	81,2	7
				55	5,5		
III		TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ			48-65		52,19
III.1		Về hạ tầng kỹ thuật			18,25-25		*23,51*
3.1.1		*Giao thông*			*7-9*		8,01
1	2A.III.06	Đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	4	Cấp tỉnh	4
				Cấp xã	3		
2	2A.III.07	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km^2	6	5	4,03	4,01
				4	4		
3.1.2		*Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*			*4,75-7*		7
1	2A.III.08	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	3	100	3
			%	85	2		
2	2A.III.09	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	≥3,5	3	8,06	3
				3	2		
3	2A.III.10	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	≥70	1	70	1
			%	50	0,75		
3.1.3		*Xử lý chất thải rắn*			2-3		3
1	2A.III.11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử	%	≥80	3	96,7	3
				70	2		

		lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường					
3.1.4		*Nghĩa trang đô thị*			*4,5-6*		5,5
1	2A.III.12	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	%	≥70	3	70	3,00
				50	2		
2	2A.III.13	Nhà tang lễ	Cơ sở	≥1	3	Có dự án	2,5
				Có dự án	2,5		
III.2		Về hạ tầng xã hội			18,25-25		18,67
1	2A.III.14	Số giường bệnh	giường/10.000 dân	≥35	5	34,14	4,79
				30	3,75		
2	2A.III.15	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	≥10	5	2	3,89
				1	3,75		
3	2A.III.16	Công trình văn hóa	Công trình	≥10	5	13	5,00
				2	3,75		
4	2A.III.17	Công trình thể dục, thể thao	Công trình	≥5	4	0	0
				2	3		
5	2A.III.18	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình	≥5	3	2	2
				2	2		
6	2A.III.19	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m²/người	≥2	3	2,89	3
				1,5	2		
III.3		Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị			11,5-15		10
1	2A.III.20	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	khu	≥2	4	1	3
				1	3		
2	2A.III.21	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	≥35	3	66,58	3
				25	2		
3	2A.III.22	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m²/người	≥7	3	0,57	0
				6	2,5		
4	2A.III.23	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Quy chế	Đã thực hiện quy chế từ 03 năm trở lên	5	Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4
				Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4		

IV. ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRONG ĐÔ THỊ

4.1. Tiêu chí 1: Vai trò vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

4.1.1. Tỷ lệ tăng dân số

Tỷ lệ tăng dân số là tỷ lệ tăng dân số hằng năm phản ánh mức tăng, giảm do tăng tự nhiên và di cư thuần được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm. Năm 2025, tỷ lệ tăng dân số trung bình/ năm đạt: 1,00%. *(Xem phụ lục biểu 1: Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Việt Yên).*

Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ tăng dân số đạt: 3,5/6,0 điểm.

4.1.2. Thu nhập bình quân đầu người

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định pháp lý về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đô thị, thu nhập bình quân đầu người là chỉ tiêu cốt lõi thuộc nhóm trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ tiêu này phản ánh thực chất chất lượng đời sống vật chất của cư dân, năng lực nội sinh của nền kinh tế địa phương và là điều kiện tiên quyết để đánh giá xem xét chuyển đổi mô hình quản lý hành chính từ nông thôn (xã) sang đô thị.

- Số liệu tính toán được thu thập, tổng hợp và thẩm định chính thức bởi cơ quan Thống kê chuyên ngành cấp tỉnh, đảm bảo tính pháp lý và độ chính xác quy chuẩn.

b. Hiện trạng phát triển kinh tế và thu nhập tại xã Việt Yên

- Trong những năm qua, tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Việt Yên nói riêng đã triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp chủ động nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế theo chiều sâu, dịch chuyển cơ cấu lao động và giải quyết việc làm bền vững cho người lao động.

- Chính quyền địa phương đã tập trung thực hiện các gói hỗ trợ nguồn vốn ưu đãi, chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế đô thị, kinh tế sinh thái và dịch vụ thương mại hiệu quả. Đồng thời, xã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn tổ chức chuỗi chương trình đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xúc tiến việc làm gắn liền với nhu cầu thực tế của thị trường bán lẻ, dịch vụ, quản lý đô thị.

- Nhờ các chính sách kinh tế năng động, mức sống của người dân xã Việt Yên đã được cải thiện một cách vượt bậc:

- Thu nhập bình quân đầu người xã Việt Yên (năm 2025): Đạt 79,3 triệu đồng/người/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh Hưng Yên (năm 2025): Đạt 78,6 triệu đồng/người/năm.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn đô thị loại III

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung quy định về trình độ phát triển kinh tế - xã hội để thành lập phường thuộc đô thị loại III, tiêu chuẩn về thu nhập bình quân đầu người yêu cầu tối thiểu phải bằng hoặc cao hơn mức thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh trong cùng năm công bố dữ liệu (Khung điểm đánh giá tối đa là 6,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với mức thu nhập thực tế đạt 79,3 triệu đồng/người/năm, cao hơn bình quân toàn tỉnh 0,7 triệu đồng (tương đương gấp 1,01

lần), xã Việt Yên đã khẳng định vị thế là một trong những địa phương có tiềm lực kinh tế và thu nhập thuộc top khá của tỉnh Hưng Yên.

- Đánh giá tiêu chuẩn Thu nhập bình quân đầu người của xã Việt Yên đánh giá đạt điểm tối thiểu: ***4,57 / 6,0 điểm.***

4.1.3. Tỷ lệ hộ nghèo

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều là chỉ tiêu quan trọng đánh giá mức độ đồng đều trong phát triển kinh tế, năng lực giảm nghèo bền vững và sự tiến bộ xã hội của một đô thị.

- Chỉ số này được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ nghèo được xác định theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn mới trên tổng số hộ dân thường trú và tạm trú quy đổi trên địa bàn. Việc điều tra, rà soát và phê duyệt kết quả phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quy định của Chính phủ và được thẩm định, công bố chính thức bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hàng năm.

b. Hiện trạng công tác an sinh xã hội và giảm nghèo tại xã Việt Yên

- Tỷ lệ hộ nghèo là một trong những chỉ tiêu phản ánh trực tiếp mức sống, điều kiện kinh tế và hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn. Trong những năm gần đây, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao thu nhập của người dân, công tác giảm nghèo của xã Việt Yên đạt được những kết quả tích cực. Theo hồ sơ hiện có, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của xã Việt Yên giảm liên tục, từ 0,77% năm 2023 xuống 0,44% năm 2024 và 0,23% năm 2025.

- Đến nay, tỷ lệ hộ nghèo của xã Việt Yên chỉ còn 0,23%, cho thấy tỷ lệ hộ dân thuộc diện nghèo trên địa bàn ở mức rất thấp. Kết quả này phản ánh sự cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất của người dân, đồng thời cho thấy hiệu quả của các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và bảo đảm an sinh xã hội được triển khai trên địa bàn.

- Trong quá trình đô thị hóa, tỷ lệ hộ nghèo thấp là điều kiện thuận lợi để Việt Yên nâng cao chất lượng đời sống dân cư và phát triển theo hướng đô thị văn minh, hiện đại. Cùng với sự phát triển của công nghiệp, thương mại - dịch vụ và các hoạt động kinh tế đô thị, người dân có thêm nhiều cơ hội việc làm và chuyển đổi sinh kế, qua đó từng bước giảm sự phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Với tỷ lệ hộ nghèo hiện nay 0,23%, Việt Yên có nền tảng an sinh xã hội tương đối tốt, mức độ chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm dân cư có xu hướng được thu hẹp. Đây là lợi thế quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng đô thị, hướng tới xây dựng môi trường sống ổn định, bao trùm và bảo đảm an sinh xã hội. Trong thời gian tới, xã cần tiếp tục duy trì kết quả giảm nghèo bền vững, quan tâm các hộ cận nghèo và các nhóm có nguy cơ tái nghèo, đồng thời gắn chính sách an

sinh với đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu đối với tiêu chuẩn tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là phải dưới 5% mới đạt mức điểm sàn (3,5 điểm) và dưới 4% để đạt mức điểm tối đa (4,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Tỷ lệ hộ nghèo thực tế của xã Việt Yên đạt 0,23%, đáp ứng xuất sắc yêu cầu khắt khe nhất của khung tiêu chuẩn.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định pháp lý về trình độ phát triển đô thị, xã Việt Yên đã giảm nghèo rất nhanh. Kết quả này phản ánh sự chuyển chất toàn diện trong đời sống kinh tế của người dân, bảo đảm đô thị hóa không để ai bị bỏ lại phía sau, tạo tiền đề an sinh xã hội vững chắc cho việc phát triển đô thị.

- Theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn Tỷ lệ hộ nghèo của xã Việt Yên đánh giá đạt điểm tối đa tuyệt đối: ***4,0 / 4,0 điểm.***

Bảng 9: Tính điểm tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển Kinh tế - xã hội

QUY ĐỊNH					HIỆN TRẠNG	
Stt	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Đơn vị tính**	**Mức quy định đối với đô thị loại III**	**Điểm**	**Tiêu chuẩn, tiêu chí đạt**	**Điểm**
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥ 1,4	5	1,00	3,50
			1	3,5		
2	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	≥ 1,2	6	1,01	4,57
			1	4,5		
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4	4	0,23	4,00
			5	3,5		

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 13,07/15 điểm.***

4.2. Tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa

4.2.1. Mật độ dân số đô thị trên diện tích đất xây dựng đô thị

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị là chỉ tiêu cốt lõi phản ánh mức độ tập trung dân cư, hiệu quả khai thác sử dụng quỹ đất và trình độ đô thị hóa thực chất của không gian nội đô.

- Chỉ số này được xác định bằng tỷ lệ giữa quy mô dân số toàn đô thị (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi) trên tổng diện tích đất xây dựng đô thị (quỹ đất đã và đang được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu chức năng đô thị, không tính diện tích đất nông nghiệp, mặt nước tự nhiên và đất dự phòng chưa khai thác).

$$D_1 = \frac{P}{S_1}$$

Trong đó:

D_1: Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị (người/km ^{2});

P: Quy mô dân số đô thị (người);

S_1: Diện tích đất xây dựng đô thị (km ^{2}) là đất hiện trạng đã được đầu tư xây dựng các khu chức năng đô thị (gồm cả hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị) bao gồm đất xây dựng các công trình phục vụ các hoạt động dân dụng và đất xây dựng công trình ngoài dân dụng.

b. Hiện trạng thực tế tại xã Việt Yên

- Xã Việt Yên có quy mô dân số khoảng 43.933 người. Trên cơ sở rà soát hiện trạng sử dụng đất, không gian xây dựng và các khu chức năng đô thị, xác định diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng khoảng 8,12 km².

- Áp dụng công thức trên:

- D_1 = 43.933 / 8,10 = 5.423,83 người/km².

- Như vậy, mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị của xã Việt Yên hiện nay khoảng 5.423,83 người/km².

- Mức mật độ này cho thấy dân cư trên địa bàn đã có sự tập trung tương đối cao trong các khu vực đã hình thành không gian xây dựng. Với diện tích tự nhiên của xã khoảng 23,99 km², diện tích đất xây dựng 8,10 km² chỉ chiếm khoảng 33,79% diện tích tự nhiên, trong khi tập trung toàn bộ quy mô dân số khoảng 43,9 nghìn người. Điều này phản ánh đặc điểm không gian của Việt Yên là đan xen giữa các khu vực dân cư, đô thị và các khu chức năng xây dựng với không gian nông nghiệp, mặt nước và các khu vực chưa xây dựng.

- Quá trình đô thị hóa trên địa bàn đang tiếp tục được thúc đẩy bởi sự phát triển của công nghiệp, thương mại - dịch vụ, các khu dân cư tập trung và hệ thống hạ tầng giao thông, tạo điều kiện gia tăng dân số cơ học và thúc đẩy sự tập trung dân cư tại các khu vực có điều kiện hạ tầng thuận lợi. Hồ sơ thành lập phường Việt Yên cũng nhận định quá trình phát triển phường gắn với công nghiệp hóa, gia tăng quy mô và mật độ dân số, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và tổ chức không gian đô thị.

- Với mật độ khoảng 5.423,83 người/km², Việt Yên có mức độ tập trung dân cư khá cao trên quỹ đất đã xây dựng. Chỉ tiêu này cho thấy quá trình đô thị hóa không chỉ thể hiện ở sự mở rộng diện tích xây dựng mà còn ở sự tập trung dân cư và khai thác tương đối hiệu quả quỹ đất đô thị hiện hữu.

- Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển mô hình đô thị tập trung, tăng hiệu quả khai thác các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đồng thời tạo cơ sở hình thành các trung tâm dịch vụ, thương mại và các không gian công cộng có quy mô phục vụ lớn hơn.

- Trong giai đoạn tới, khi các dự án đô thị, nhà ở, công nghiệp, thương mại - dịch vụ và hạ tầng khung tiếp tục được triển khai, diện tích đất xây dựng và quy mô dân số của Việt Yên dự kiến tiếp tục tăng. Do đó, việc phát triển không gian đô thị cần được kiểm soát theo hướng tập trung, hợp lý, gắn mật độ dân cư với năng lực đáp ứng của giao thông, cấp nước, thoát nước, trường học, y tế, thiết chế văn hóa, cây xanh và các công trình hạ tầng xã hội khác. Đồng thời cần ưu tiên khai thác hiệu quả quỹ đất đã có hạ tầng, hạn chế phát triển đô thị dàn trải.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại và thành lập phường thuộc đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị tối thiểu phải đạt từ 4.000 người/km² trở lên (Khung điểm đánh giá từ 8,0 đến 10,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Việt Yên đạt 5.423,83 người/km², vượt qua mức sàn yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định pháp lý hành chính, chỉ tiêu mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị của xã Việt Yên đã đáp ứng tốt yêu cầu quy chuẩn đô thị loại III. Kết quả này cho thấy địa phương đang sở hữu một cấu trúc dân cư và đất đai cân bằng, có dư địa hợp lý để tiếp tục dung nạp dân số cơ học trong các giai đoạn phát triển tiếp theo mà không gây áp lực cực đoan lên hệ thống an sinh xã hội.

- Theo phương pháp chấm điểm của thang điểm mới, tiêu chuẩn mật độ dân số đô thị trên diện tích đất đô thị của xã Việt Yên đạt điểm số rất cao: ***9,42 / 10,0 điểm.***

4.2.2. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này là thước đo quan trọng đánh giá mức độ thực hiện quy hoạch, tốc độ phát triển hạ tầng thực tế và năng lực giải phóng nguồn lực đất đai của địa phương. Chỉ số này cho thấy không gian đô thị hiện hữu đã bám sát và hiện thực hóa được bao nhiêu phần trăm

so với kịch bản phát triển dài hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tránh tình trạng "quy hoạch treo" hoặc phát triển tự phát ngoài tầm kiểm soát.

- Chỉ số được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa diện tích đất xây dựng đô thị thực tế tại thời điểm kiểm kê so với diện tích đất được định hướng xây dựng đô thị trong đồ án quy hoạch chung/quy hoạch phân khu.

b. Hiện trạng thực tế và kết quả tính toán tại xã Việt Yên

- Đất xây dựng đô thị hiện trạng trên địa bàn xã Việt Yên khoảng 810 ha, chiếm khoảng 50% tổng diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch. Kết quả cho thấy quá trình đầu tư xây dựng và đô thị hóa trên địa bàn đã đạt được mức độ nhất định, đồng thời vẫn còn quỹ đất xây dựng đô thị lớn theo định hướng quy hoạch để tiếp tục phát triển các khu chức năng đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các khu dân cư trong giai đoạn tiếp theo.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại và đánh giá trình độ phát triển hạ tầng đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về tỷ lệ đất xây dựng hiện trạng so với quy hoạch phải đạt tỷ lệ lấp đầy cao và bền vững (thông thường mức trên 75% tùy loại đô thị đã được xếp vào nhóm tối đa nhằm khuyến khích các đô thị phát triển thực chất, không vẽ quy hoạch quá rộng so với năng lực thực hiện). Khung điểm đánh giá tối đa cho chỉ tiêu này là 6,0 điểm.

- Kết quả đối chiếu thực tế: Tỷ lệ thực tế của xã Việt Yên đạt 50%.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định pháp lý, chỉ tiêu tỷ lệ diện tích đất xây dựng hiện trạng so với quy hoạch của xã Việt Yên đạt kết quả tốt. Điều này khẳng định năng lực điều hành, quản lý trật tự xây dựng và thu hút đầu tư hạ tầng của địa phương rất hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc để vận hành một đô thị tinh gọn, hiệu năng cao trong tương lai gần.

- Theo thang điểm phân loại mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn Tỷ lệ diện tích đất xây dựng hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch của xã Việt Yên đánh giá đạt điểm gần tuyệt đối: ***4,5 / 6,0 điểm.***

4.2.3. Tỷ trọng Công nghiệp – Xây dựng – Dịch vụ

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định:

- Theo quy định về đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đô thị, chỉ tiêu này nhằm đo lường mức độ hoàn thành và tính nghiêm túc trong việc thực hiện kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của địa phương.

- Chương trình tính điểm quy định rõ: Khi chỉ số thực tế hoàn thành trùng khớp với mục tiêu đề ra sẽ đạt mức điểm sàn/tối thiểu; trường hợp chỉ số thực tế vượt từ

4% trở lên so với mục tiêu sẽ được chấm điểm tối đa (4,0 điểm). Các mức hoàn thành tiệm cận được tính điểm phân tán theo bậc thang tương ứng.

b. Hiện trạng cơ cấu và thực tế tăng trưởng tại xã Việt Yên:

- Trong những năm qua, kinh tế xã Việt Yên có bước phát triển mạnh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống giao thông, sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh và quá trình đô thị hóa trên địa bàn.

- Năm 2025, tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Việt Yên theo giá hiện hành đạt 18.694,49 tỷ đồng, trong đó:

- Công nghiệp – xây dựng: 15.928,36 tỷ đồng;

- Thương mại – dịch vụ: 1.809,47 tỷ đồng;

- Nông – lâm – thủy sản: 956,66 tỷ đồng.

- Cơ cấu trên cho thấy kinh tế Việt Yên đã có mức độ chuyển dịch mạnh theo hướng đô thị hóa và công nghiệp hóa. Khu vực công nghiệp – xây dựng giữ vai trò chủ đạo, chiếm gần 4/5 tổng giá trị sản xuất; trong khi khu vực thương mại – dịch vụ từng bước mở rộng, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân cư, người lao động và hoạt động sản xuất công nghiệp. Tỷ trọng công nghiệp - Xây dựng và dịch vụ chiếm 86,61% Đồng thời, tỷ trọng nông – lâm – thủy sản chỉ còn 13,39%, cho thấy vai trò tương đối giảm của khu vực nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế địa phương.

- Tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ đạt 86,61% là mức cao, thể hiện rõ tính chất kinh tế đang chuyển mạnh từ nông nghiệp sang công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Đây là một trong những cơ sở quan trọng khẳng định quá trình hình thành các yếu tố kinh tế đô thị tại Việt Yên. Tỷ trọng này đã vượt xa mục tiêu đề ra tại Nghị quyết của xã năm 2025 (75%)

- Sự phát triển của công nghiệp tạo động lực thu hút đầu tư, việc làm và dân cư; đồng thời kéo theo sự phát triển của các ngành thương mại, dịch vụ, vận tải, lưu trú, ăn uống, logistics, xây dựng và các dịch vụ phục vụ đời sống. Địa bàn xã hiện có các khu, cụm công nghiệp và làng nghề đang được đầu tư, phát triển, cùng với hệ thống giao thông đối ngoại thuận lợi, tạo nền tảng để tiếp tục mở rộng không gian kinh tế đô thị.

- Trong thời gian tới, cần tiếp tục phát huy lợi thế về công nghiệp và vị trí giao thông để phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao; đồng thời tăng tỷ trọng và chất lượng khu vực dịch vụ, nhất là thương mại, logistics, tài chính, giáo dục, y tế, dịch vụ đô thị và các dịch vụ phục vụ sản xuất. Định hướng này sẽ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững hơn, giảm sự phụ thuộc quá lớn vào khu vực công nghiệp – xây dựng.

- Kết luận: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ của xã Việt Yên đạt 86,61%, cao hơn đáng kể so với mục tiêu đặt ra. Chỉ tiêu đạt và vượt yêu cầu, là một trong những lợi thế nổi bật về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Việt Yên.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Theo phương pháp tính điểm áp dụng cho đô thị loại III, tiêu chuẩn tỷ trọng Công nghiệp – Xây dựng – Dịch vụ của xã Việt Yên đánh giá đạt điểm tối đa: ***4,0 / 4,0 điểm.***

Bảng 10: Tính đếm tiêu chí mức độ đô thị hóa

QUY ĐỊNH					**HIỆN TRẠNG**	
Stt	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Đơn vị tính**	**Mức quy định đối với đô thị loại III**	**Điểm**	**Tiêu chí, tiêu chuẩn**	**Điểm**
	Tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa			**15,5-20**		17,92
1	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ^{2}	≥ 6.000	10	5.423,83	9,42
			4.000	8		
			> 25.000			
2	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	≥ 75	6	50	4,50
			50	4,5		
3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4,0
			Đạt mục tiêu đề ra	3		

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí mức độ đô thị hóa đạt: 17,92/20 điểm.***

4.3. Tiêu chí 3: Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

4.3.1. Nhóm tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật

4.3.1.1. Giao thông

a). Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị

Theo quy định: Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa diện tích đất giao thông đô thị và diện tích đất xây dựng đô thị.

Công thức tính: $$A = \frac{B}{S1} \times 100$$

Trong đó:

A: Tỷ lệ diện tích đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%);

B: Diện tích đất giao thông đô thị (km2);

S1: Diện tích đất xây dựng đô thị (km2);

Tổng diện tích đất giao thông đô thị là 186,66 ha, bao gồm diện tích đường đô thị, công trình đầu mối giao thông, diện tích đường giao thông đối ngoại và diện tích bến, bãi đỗ xe trên địa bàn đô thị. Diện tích đất xây dựng đô thị là 810,87ha. Tiêu chí tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị đạt 23,02%.

*Đánh giá đạt **3,0/3,0 điểm.***

b). Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người

Theo quy định: Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người được tính bằng diện tích đất giao thông đô thị trên tổng dân số đô thị. Công thức tính:

$$I = \frac{B}{T}$$

I. Diện tích đất giao thông đô thị bình quân (m^2/người);

B: Diện tích đất giao thông đô thị (m^2);

T: Tổng dân số đô thị (người)

Diện tích đất giao thông đô thị/dân số đô thị đạt 42,49m^2/người, được tính bằng 1.866.634m^2 đất giao thông đô thị/43.933 dân số đô thị.

*Đánh giá đạt **3,0/3,0 điểm.***

c). Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính

- Theo quy định: Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính là tỷ lệ phần trăm (%) giữa các đoạn đường tính từ đường khu vực trở lên được ngầm hóa đường dây, cáp trên tổng chiều dài đường từ đường khu vực trở lên.

- Trong quá trình phát triển đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của xã Việt Yên từng bước được đầu tư, cải tạo và hoàn thiện, trong đó có hệ thống đường dây, đường cáp phục vụ cấp điện, thông tin liên lạc và viễn thông. Việc ngầm hóa hệ thống đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính góp phần bảo đảm an toàn, giảm

tình trạng dây dẫn chằng chịt trên không, đồng thời nâng cao mỹ quan và chất lượng cảnh quan đô thị.

- Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính của xã Việt Yên đạt khoảng 48,3%.

- Tỷ lệ ngầm hóa đạt khoảng 48,3% cho thấy hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị của Việt Yên đã bước đầu được đầu tư theo hướng hiện đại, đồng bộ, đặc biệt tại các tuyến đường giao thông chính. Việc ngầm hóa một phần hệ thống đường dây, đường cáp góp phần bảo đảm an toàn vận hành, hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, giảm nguy cơ mất an toàn điện và nâng cao mỹ quan đô thị.

- Kết luận: Với tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính của xã Việt Yên hiện đạt 48,3%. Đây là cơ sở cho thấy hạ tầng kỹ thuật đô thị đã từng bước được hiện đại hóa; tuy nhiên cần tiếp tục đầu tư để mở rộng phạm vi ngầm hóa, hướng tới hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và nâng cao chất lượng cảnh quan đô thị.

Đánh giá đạt 2,92/3,0 điểm.

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí giao thông đạt: 8,92 điểm.***

4.3.1.2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a). Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người

- Theo quy định: Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người được tính bằng tổng số lít nước sạch sinh hoạt sử dụng trung bình trong 01 ngày đêm trên tổng dân số đô thị.

- Theo số liệu hiện trạng, tổng lượng nước sạch sinh hoạt sử dụng trung bình trong 1 ngày đêm là 3.699.159 lít/ngày đêm. Với dân số hiện trạng của xã Việt Yên khoảng 43.933 người, mức tiêu thụ nước sạch sinh hoạt bình quân đầu người được xác định như sau:

- Mức tiêu thụ bình quân = 3.699.159 / 43.933 ≈ 84,2 lít/người/ngày đêm.

- Như vậy, mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người của xã Việt Yên đạt khoảng 84,2 lít/người/ngày đêm.

- Mức tiêu thụ trên cho thấy hệ thống cấp nước tập trung đã đáp ứng một phần đáng kể nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân, góp phần nâng cao chất lượng điều kiện sống và từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo hướng đô thị. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển xã Việt Yên theo định hướng đô thị loại III, cần tiếp tục mở rộng phạm vi phục vụ của hệ thống cấp nước tập trung, nâng cao tỷ lệ dân cư được cấp nước từ hệ thống tập trung, bảo đảm chất lượng nước và khả năng cấp nước ổn định, đồng thời từng bước nâng cao mức tiêu thụ nước sạch phù hợp với mức sống và yêu cầu phát triển đô thị.

Đánh giá đạt 1,61/2,0 điểm.

b). Thoát nước chống ngập úng đô thị

Theo quy định: Thoát nước chống ngập úng đô thị được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số lượng điểm ngập úng (điểm ngập úng là điểm có một trong ba yếu tố sau: có thời gian ngập úng ≥ 01 giờ sau khi dứt mưa hoặc có diện tích ngập ≥ 4.000m2 hoặc độ sâu ngập ≥ 0,3m) được khắc phục trên tổng số điểm ngập úng trên địa bàn trong năm.

- Theo số liệu hiện trạng, trên địa bàn xã Việt Yên ghi nhận 12 điểm có nguy cơ hoặc xảy ra ngập úng. Trong đó, xã đã triển khai các giải pháp đầu tư, cải tạo và khắc phục, xử lý được 8/12 điểm ngập úng, đạt tỷ lệ:

- Tỷ lệ điểm ngập úng đã được khắc phục = 8/12 × 100 = 66,67%.

- Như vậy, tỷ lệ điểm ngập úng được khắc phục đạt khoảng 66,67%, còn 4 điểm, tương đương 33,33%, cần tiếp tục được đầu tư, xử lý.

- Việc khắc phục 8/12 điểm ngập úng cho thấy hệ thống thoát nước trên địa bàn đã từng bước được quan tâm đầu tư, góp phần hạn chế tình trạng ngập úng cục bộ, bảo đảm giao thông và sinh hoạt của người dân, đặc biệt trong thời gian xảy ra mưa lớn. Tuy nhiên, vẫn còn các điểm ngập chưa được xử lý triệt để, do đó cần tiếp tục rà soát, xác định nguyên nhân và ưu tiên đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước tại các khu vực còn tồn tại điểm ngập; đồng thời tăng cường duy tu, nạo vét hệ thống cống, rãnh và các tuyến tiêu thoát nước, bảo đảm khả năng tiêu thoát nước theo yêu cầu phát triển đô thị.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

c). Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Theo quy định: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa dân số được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật trên tổng dân số đô thị. Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ dân số được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật là 95%.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đạt: 5,61 điểm.***

4.3.1.3. Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị

a). Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Theo quy định: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã được thu gom trên tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát thải.

Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

b). Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn

Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 79,92%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

c). Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng

Theo quy định: Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số trường hợp sử dụng hình thức hỏa táng hoặc các hình thức táng hiện đại khác trên tổng số ca tử trần.

Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng đạt 27,72%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

**** Tổng cộng đánh giá tiêu chí Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị đạt: 4,0/4,0 điểm.***

4.3.1.4. Cấp điện và chiếu sáng công cộng

a). Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người

Theo quy định: Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người được tính bằng bình quân tổng công suất sử dụng điện sinh hoạt trong năm trên tổng dân số đô thị.

Tổng công suất sử dụng điện sinh hoạt đạt 56.014.575 Kwh/năm. Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người đạt 1.275 Kwh/người/năm.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

b). Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng

Theo quy định: Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng chiều dài các đoạn đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng trên tổng chiều dài tuyến đường cấp khu vực, cấp nội bộ trên địa bàn.

Năm 2025, tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng là 100%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

c). Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Năm 2025, đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết

kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh, chiếm tỷ lệ 0%.

Đánh giá đạt 0,00/1,0 điểm.

4.3.1.5. Hạ tầng viễn thông

Theo quy định: Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định trên tổng số hộ gia đình.

Năm 2025, khu vực xã Việt Yên có 12.159 hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định, tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã là 12.220 hộ. Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định đạt 99,5%.

Đánh giá đạt 1,99/2,0 điểm.

**** Kết quả đánh giá tổng tiêu chí về Hạ tầng kỹ thuật đạt: 23,51 điểm.***

4.3.2. Nhóm tiêu chuẩn hạ tầng xã hội

4.3.2.1. Nhà ở

a. Hiện trạng quỹ đất và cấu trúc phát triển không gian cư trú

Diện tích đất ở hiện trạng đạt 298,32 ha. Quỹ đất phân bổ tập trung dọc các trục giao thông chín), các trục liên xã và lõi dân cư hiện hữu.

Không gian ở có sự bứt phá mạnh mẽ, dịch chuyển từ mô hình làng xã truyền thống sang cấu trúc đô thị sinh thái hiện đại. Sự hình thành và vận hành của các khu ở mới đóng vai trò là động lực cốt lõi, giúp nâng cao chất lượng hạ tầng cho khu vực.

Hệ thống nhà ở trên địa bàn xã Việt Yên phát triển đồng bộ, khang trang và văn minh. Chỉ tiêu chất lượng nhà ở đạt mức tuyệt đối (100% kiên cố), phản ánh chất lượng đời sống cao của cư dân và đáp ứng xuất sắc các quy định cứng về tiêu chuẩn phát triển nhà ở đối với đô thị.

- *Diện tích nhà ở bình quân đầu người:* Theo quy định: Diện tích nhà ở bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích sàn nhà ở trên tổng dân số. Công thức tính: I = B / T Trong đó:

I: Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m^2 sàn/người);

B: Tổng diện tích sàn nhà ở (m^2);

T: Tổng dân số (người).

Diện tích nhà ở bình quân đầu người xã Việt Yên đạt 30,5 m^2 sàn/người, được tính bằng tổng diện tích sàn nhà ở 1.340,029 m^2 / 43.933 dân số.

Đánh giá đạt 3,63/4,0 điểm.

- *Nhà ở xã hội*: Theo quy định: Tiêu chí nhà ở xã hội được đánh giá dựa trên số lượng dự án nhà ở xã hội đã đưa vào sử dụng hoặc đang xây dựng trên địa bàn. Trên địa bàn hiện có 1 dự án nhà ở xã hội đang có chủ trương đầu tư.

Đánh giá đạt 1,5 / 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 1 dự án được 2 điểm; Đang xây dựng được 1,5 điểm).

4.3.2.2. Công trình công cộng

- Đất dân dụng bình quân đầu người: Theo quy định: Đất dân dụng bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất dân dụng trên tổng dân số. Công thức tính: I = B / T Trong đó:

I: Đất dân dụng bình quân đầu người (m2/người);

B: Tổng diện tích đất dân dụng (m2);

T: Tổng dân số (người).

Đất dân dụng bình quân đầu người xã Việt Yên đạt 105,31 m2/người, được tính bằng Tổng diện tích đất dân dụng 462.670 m^2 / 43.933 dân số.

Đánh giá đạt 3,0 / 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt 50 đến 110 m^2/người được 3 điểm; < 50 m^2/người được 2 điểm; > 110 m^2/người được 0 điểm).

- Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người: Theo quy định: Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở trên tổng dân số.

Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người xã Việt Yên đạt 3,2 m^2/người, được tính bằng 14,07 ha đất đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng / 43.933 dân số.

Đánh giá đạt 3,2 / 4,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 4,0 m^2/người được 4 điểm; đạt 3,0 m^2/người được 3 điểm).

- Số trường công lập đạt chuẩn: Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tỷ lệ phần trăm các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia.

Hiện nay, tỷ lệ trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn xã 60% đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Đánh giá đạt 2,5 / 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt 80% mức 1 trở lên và ít nhất 20% mức 2 được 3 điểm; Đạt 60% mức 1 trở lên được 2,5 điểm).

- Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số: Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống trường tiểu học công lập so với quy mô dân số trên địa bàn. Hiện tại, mạng lưới trường tiểu học công lập trên địa bàn xã Việt Yên đang đáp ứng tỷ lệ 01 trường / 8.787 người.

Đánh giá đạt 2,5 / 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đáp ứng 01 trường/6.000 người được 3 điểm; Đáp ứng 01 trường/8.000 người được 2,5 điểm).

- Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở bình quân: Theo quy định: Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân được tính trên tổng dân số. Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở bình quân tính trên

đầu người đạt 2,26 m2/người, được tính bằng 99.239 m2 đất / 43.933 dân số.

Đánh giá đạt 3,0/ 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 2,0 m2/người được 3 điểm; đạt 1,8 m2/người được 2 điểm).

- *Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao bình quân:* Theo quy định: Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) bình quân được tính trên tổng dân số. Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao bình quân xã Việt Yên đạt 0,55 m2/người.

Đánh giá đạt 0,0 / 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 1,5 m2/người được 3 điểm; đạt 1,0 m2/người được 2 điểm).

4.3.3. Nhóm tiêu chuẩn không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị

4.3.3.1. Không gian đô thị

- Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người: Theo quy định: Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên tổng dân số. Công thức tính: I = B / T

Trong đó:

I: Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người (m2/người);

B: Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng (m2);

T: Tổng dân số (người).

Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người đạt 2,03 m2/người.

Đánh giá đạt 1,52 / 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 3 m2/người được 2 điểm; đạt 2 m2/người được 1,5 điểm).

- Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m2 trở lên: Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tổng số lượng các khu không gian xanh công cộng (công viên, vườn hoa, quảng trường...) có quy mô diện tích từ 2.000 m2 trở lên hiện có trên địa bàn. Hiện nay, trên địa bàn xã Việt Yên có 3 khu không gian xanh công cộng đạt quy mô từ 2.000 m2 trở lên.

Đánh giá đạt 1,75 / 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 5 khu được 2 điểm; có 1 khu được 1,5 điểm).

4.3.3.2. Kiến trúc, cảnh quan đô thị

- Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị: Theo quy định: Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số tuyến phố (hoặc chiều dài tuyến phố) được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị trên tổng số tuyến phố (hoặc tổng chiều dài) của đô thị.

Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị đạt 0%.

Đánh giá đạt 0,0 / 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 40% được 2 điểm; đạt 20% được 1,5 điểm).

- Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn

giữ: Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tổng số lượng các công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, công nhận và đang được thực hiện công tác bảo vệ, gìn giữ, tôn tạo trên địa bàn.

Hiện nay, trên địa bàn có 13 công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ.

Đánh giá đạt 1,0 / 1,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 3 công trình được 1 điểm; có 1 công trình được 0,75 điểm).

- *Công trình xanh:* Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên số lượng các công trình trên địa bàn đã được đánh giá và cấp chứng nhận là "Công trình xanh" (đáp ứng các tiêu chuẩn về sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng và thân thiện với môi trường).

Hiện nay, trên địa bàn chưa có công trình xanh

Đánh giá đạt 0,0 / 1,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 2 công trình được 1 điểm; có 1 công trình được 0,75 điểm).

4.3.3.3. Quản trị đô thị

- *Kế hoạch phát triển đô thị:* Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá việc địa phương đã lập, phê duyệt và ban hành Kế hoạch phát triển đô thị hay chưa, làm cơ sở để đầu tư và quản lý phát triển đô thị.

Hiện nay, địa phương chưa ban hành Kế hoạch phát triển đô thị.

Đánh giá đạt 0,0/ 1,0 điểm.

- *Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình:* Theo quy định: Tỷ lệ này được tính bằng phần trăm (%) giữa số lượng hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận trong kỳ đánh giá.

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 99,11%.

Đánh giá đạt 2,0 / 2,0 điểm.

- *Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch*: Theo quy định: Tiêu chí được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số lượng (hoặc chiều dài) các tuyến phố chính đã được cải tạo, chỉnh trang hoàn thành trong thực tế so với chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch.

Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch đạt 100%.

Đánh giá đạt 1,0 / 1,0 điểm.

- *Quản lý phát triển đô thị thông minh:* Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá mức độ triển khai các đề án, dự án hoặc hạng mục thuộc chương trình phát triển đô thị thông minh (ví dụ: Trung tâm điều hành thông minh IOC, hệ thống camera giám sát an ninh giao thông, ứng dụng công dân số...).

Hiện nay, xã chưa triển khai ứng dụng công nghệ quản lý phát triển đô thị thông minh.

Đánh giá đạt 0,0 / 1,0 điểm.

- Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị: Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cung cấp dịch vụ công trên địa bàn.

Qua khảo sát, mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị đạt 95%.

Đánh giá đạt 2,0 / 2,0 điểm.

4.4. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị

Từ những đánh giá trên, đô thị đã đạt được những trình độ tương ứng trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị. Đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị: Trong 37 tiêu chuẩn, đánh giá tính điểm có:

- 20 tiêu chuẩn đạt ngưỡng tối đa
- 4 tiêu chuẩn đạt mức khá
- 7 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu
- 6 Tiêu chuẩn chưa đạt điểm

Kết quả đánh giá, tính điểm trình độ phát triển đô thị khu vực xã Việt Yên theo 3 nhóm tiêu chí đạt được 81,59 điểm, tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 11: Tổng hợp kết quả tính điểm

STT	Các tiêu chí đánh giá	Thang điểm Tối đa – tối thiểu	Điểm
I	Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội	11,5-15	13,07
II	Tiêu chí mức độ đô thị hoá	15,5-20	17,92
III	Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị	48-65	50,60
	Tổng cộng toàn đô thị		**81,59**

Bảng 12: Chi tiết đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn trình độ phát triển theo thiêu chí đô thị loại III xã Việt Yên

QUY ĐỊNH						HIỆN TRẠNG	
Thứ tự	Mã tiêu chuẩn	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định đối với đô thị loại III	Điểm	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm
		TỔNG					81,59
I		TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI			11,5-15		13,07
1	2B.I.01	Tỷ lệ tăng dân số	%	≥1,4	5	1,00	3,50
				1	3,5		

2	2B.I.02	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	≥1,2	6	1,01	4,57
				1	4,5		
3	2B.I.03	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	<4	4	0,23	4,00
				5	3,5		
		Điểm cộng					
-		Có công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn				13	0,50
-		Tỷ lệ lao động trình độ cao đạt từ 50% trở lên				87,97	0,50
II		TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA			15,5-20		17,92
1	2B.II.04	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km^2	≥6.000	10	5.423,83	9,42
				4.000	8		
				>25.000			
2	2B.II.05	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	≥75	6	50,00	4,50
				50	4,5		
3	2B.II.06	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4,00
				Đạt mục tiêu đề ra	3		
III		TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ			48-65		50,60
III.1		Về hạ tầng kỹ thuật			18,5-25		23,51
3.1.1		*Giao thông*			*6,5-9*		8,92
1	2B.III.07	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	≥17	3	23,02	3,00
				12	2		
2	2B.III.08	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	m^2/người	≥9	3	42,49	3,00
				7	2		
3	2B.III.09	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	%	≥50	3	48,30	2,92
				40	2,5		
3.1.2		*Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*			*4,5-6*		5,61
1	2B.III.10	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	100	2	84,20	1,61
				80	1,5		
2	2B.III.11	Thoát nước chống ngập úng đô thị	%	≥50	2	67	2,00
				25	1,5		
3	2B.III.12	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥35	2	95	2,00
				20	1,5		
3.1.3		*Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị*			*3-4*		4,00
1	2B.III.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥90	2	100,00	2,00
				80	1,5		
2	2B.III.14	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	≥75	1	79,92	1,00
				50	0,75		
3	2B.III.15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥15	1	27,72	1,00
				5	0,75		
3.1.4		*Cấp điện và chiếu sáng công cộng*			*3-4*		3,00
1	2B.III.16	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥1.000	2	1.275	2,00
				400	1,5		
2	2B.III.17	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	%	≥95	1	100	1,00
				80	0,75		
3	2B.III.18	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	%	≥50	1	0	0,00
				15	0,75		

3.1.5		*Hạ tầng viễn thông*			*1,5-2*		1,99
1	2B.III.19	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	%	100	2	99,50	1,99
				80	1,5		
		Điểm cộng					
-		Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)				-	-
-		Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên				100	-
III.2		Về hạ tầng xã hội			18,5-25		17,83
3.2.1		*Nhà ở*			*4,5-6*		5,63
1	2B.III.20	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m^2sàn/người	≥32	4	30,50	3,63
				28	3		
2	2B.III.21	Nhà ở xã hội	Dự án	≥1	2	1	2,00
				Đang xây dựng	1,5		
3.2.2		*Công trình công cộng*			*14-19*		12,2
1	2B.III.22	Đất dân dụng bình quân đầu người	m^2/người	50 đến 110	3	105,31	3,00
				<50	2		
				>110	0		
2	2B.III.23	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m^2/người	≥4,0	4	3,20	3,20
				3	3		
3	2B.III.24	Số trường công lập đạt chuẩn		80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2	3	60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	2,50
				60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	2,5		
4	2B.III.25	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	trường	Đáp ứng 01 trường/6.000 người	3	8787	0,00
				Đáp ứng 01 trường/8.000 người	2,5		
5	2B.III.26	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	m^2/người	≥2,0	3	2,26	3,00
				1,8	2		
6	2B.III.27	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	m^2/người	≥1,5	3	0,55	0,00
				1	2		
		Điểm cộng					
-		100% trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên				1,00	0,50
-		Có cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.					
III.3		Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị			11-15		9,27
3.3.1		*Không gian đô thị*			*3-4*		3,27
1	2B.III.28	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	m^2/người	≥3	2	2,03	1,52
				2	1,5		

2	2B.III.29	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m^2 trở lên	Số khu	≥5	2	3	1,75
				1	1,5		
		Điểm cộng					
3.3.2		*Kiến trúc, cảnh quan đô thị*			*3-4*		1,00
1	2B.III.30	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	≥40	2	0	0,00
				20	1,5		
2	2B.III.31	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	Công trình	≥3	1	13	1,00
				1	0,75		
3	2B.III.32	Công trình xanh	Công trình	≥2	1	0	0,00
				1	0,75		
3.3.3		*Quản trị đô thị*			*5-7*		5,00
1	2B.III.33	Kế hoạch phát triển đô thị		Đã thực hiện ≥ 03 năm	1	không có	0,00
				Có kế hoạch	0,5		
2	2B.III.34	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	≥60	2	99,11	2,00
				35	1,5		
3	2B.III.35	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	%	100	1	100	1,00
				75	0,75		
4	2B.III.36	Quản lý phát triển đô thị thông minh		Đã triển khai ≥ 01 dịch vụ tiện ích đô thị thông minh	1	không có	0,00
				Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75		
5	2B.III.37	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	%	≥95	2	95,00	2,00
				90	1,5		
		Điểm cộng					
		Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤ 01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất				1	
		Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất				1	

V. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÔ THỊ TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

5.1. Quan điểm triển khai kế hoạch

Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị xã Việt Yên trong giai đoạn tiếp theo được xây dựng và thực thi dựa trên các quan điểm chỉ đạo xuyên suốt sau:

1. Tuân thủ tuyệt đối quy hoạch, phát triển đô thị có kỷ cương

Phát triển không gian và hạ tầng đô thị bám sát tinh thần Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên), Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Mỹ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh) và Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ đang triển khai. Kiên quyết quản lý đô thị bằng công cụ quy hoạch và pháp luật; chấm dứt tình trạng xây dựng tự phát, vi phạm hành lang công trình hoặc điều chỉnh quy hoạch cục bộ làm phá vỡ cấu trúc không gian đô thị thông minh – xanh – hiện đại.

2. Phát triển đô thị hiện đại gắn kết công nghiệp phụ trợ, thương mại dịch vụ và sinh thái:

Đô thị hóa tại Việt Yên kết hợp hài hòa giữa phát triển hạ tầng đô thị mới và tôn tạo, giữ gìn bản sắc các khu dân cư, làng nghề truyền thống:

- Hiện đại hóa: Khai thác tối đa vị trí trung tâm Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), gắn kết chặt chẽ các trục kinh tế trọng điểm (cao tốc Hà Nội - Hải Phòng CT.04, CT.16 - ĐT.379, ĐT.380, ĐT.381, ĐT.382, ĐT.382B, ĐT.383) cùng các khu, cụm công nghiệp tập trung (KCN Tân Dân, CCN Minh Châu - Việt Cường, CCN làng nghề Thụy Lân quy mô 59,52 ha) để làm đòn bẩy nâng cấp hạ tầng toàn diện.
- Bảo tồn bản sắc làng nghề và hành lang xanh: Giữ gìn và phát huy không gian kinh tế tiểu thủ công nghiệp làng nghề mộc mỹ nghệ chạm khắc gỗ Thụy Lân, làng nghề làm miến dong Lại Trạch; khai thác hành lang cảnh quan sinh thái ven sông Bắc Hải Hưng, bảo đảm diện tích mặt nước, dải cây xanh cách ly và các mô hình nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao.

3. Lấy chất lượng sống của người dân làm thước đo; hạ tầng đi trước một bước

Mục tiêu nâng cấp đô thị là phục vụ nhân dân. Tập trung nguồn lực đưa các tiện ích kỹ thuật đô thị hiện đại (mạng lưới nước sạch tập trung 100%, điện ngầm hóa tuyến chính, thoát nước và thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, đèn LED chiếu sáng tiết kiệm điện) vào sâu trong các khu dân cư hiện hữu. Phát triển đô thị đi đôi với an sinh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bền vững từ mức 0,36% (năm 2025) xuống 0% vào năm 2030; bảo đảm 100% trường học đạt chuẩn quốc gia và trên 99% người dân tham gia BHYT.

4. Khớp nối, đồng bộ toàn diện không gian sau sáp nhập

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xóa bỏ tư duy phân tán theo địa giới cũ của 03 xã (Yên Phú, Thanh Long, Việt Yên cũ). Nhìn nhận và quản lý toàn bộ địa bàn xã Việt Yên như một chỉnh thể đô thị thống nhất rộng **23,99 km²** với quy mô dân số **43.933 người** (25 thôn tổ chức chuyển thành các tổ dân phố đô thị). Tập trung xử lý dứt điểm các điểm nghẽn giao thông liên thôn, khớp nối hệ thống tiêu thoát úng nội đồng với hệ thống thoát nước đô thị và giải quyết triệt để vấn đề rác thải, bảo vệ môi trường giáp ranh.

5. Đột phá bằng công nghệ số và đa dạng hóa nguồn lực xã hội hóa

Xây dựng mô hình "Chính quyền đô thị" hiện đại dựa trên nền tảng chuyển đổi số toàn diện: 100% văn bản áp dụng ký số, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện xử lý dịch vụ công trực tuyến, chuẩn hóa theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Quán triệt phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm, doanh nghiệp đồng hành"; phát huy nguồn thu ngân sách vững chắc (năm 2025 thu đạt 1.024,19 tỷ đồng, cân đối có dư) làm vốn mồi đầu tư hạ tầng khung, đồng thời huy động nguồn lực xã hội hóa từ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và nguồn lực trong nhân dân để chỉnh trang không gian sống đô thị.

Sợi chỉ đỏ xuyên suốt: "Tận dụng lợi thế cửa ngõ liên vùng để bứt phá hạ tầng – Phát huy sức mạnh công nghiệp và làng nghề truyền thống – Xây dựng nếp sống

văn minh đô thị – Ứng dụng chuyển đổi số vì chất lượng sống của nhân dân".

5.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

5.2.1. Mục tiêu tổng quát

Khắc phục các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của đô thị loại III theo Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15. Xây dựng và phát triển xã Việt Yên chuyển đổi thành công sang mô hình chính quyền đô thị (Phường Việt Yên trực thuộc tỉnh), trở thành hạt nhân phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao tại Vùng động lực phía Bắc tỉnh Hưng Yên. Khớp nối đồng bộ hạ tầng giữa các khu vực mở rộng phát triển mới và 25 thôn dân cư hiện hữu; chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, gắn phát triển kinh tế bền vững với bảo vệ môi trường sinh thái sông Bắc Hải Hưng và an sinh xã hội.

5.2.2. Chỉ tiêu cụ thể nâng cao chất lượng đô thị

- Ban hành và áp dụng 100% Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị
- Đạt 100% diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch
- 100% trục đường liên thôn được nhựa hóa, có vỉa hè và camera giám sát
- 100% nước thải sinh hoạt khu dân cư cũ được thu gom, xử lý độc lập
- 100% nhà văn hóa Tổ dân phố đạt chuẩn đô loại III
- Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 120 triệu đồng/người/năm
- Duy trì bền vững 0% hộ nghèo và cận nghèo đa chiều

5.3. Kế hoạch và giải pháp triển khai

a. Hoàn thiện quy hoạch, thể chế và công cụ quản lý kiến trúc đô thị

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện đồ án Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng định hướng Quyết định số 579/QĐ-UBND.

Phối hợp với Sở Xây dựng lập, thẩm định và trình ban hành văn bản riêng: "Quy chế quản lý kiến trúc đô thị xã/phường Việt Yên" độc lập, làm cơ sở cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, quản lý trật tự xây dựng, kiểm soát tầng cao, chỉ giới xây dựng và cốt nền tại 25 tổ dân phố.

Nâng cấp tổ chức bộ máy, vận hành hiệu quả Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (chuyển đổi từ Phòng Kinh tế) nhằm siết chặt kỷ cương quản lý đất đai, xây dựng và chỉnh trang đô thị.

b. Đột phá hạ tầng kỹ thuật khung và mạng lưới giao thông liên vùng

Hạ tầng đối ngoại: Phối hợp đẩy nhanh tiến độ triển khai tuyến kết nối từ ĐH.42 qua cụm công nghiệp Ngọc Long sang ĐT.382; nâng cấp đường ĐT.381, ĐT.380, ĐT.382, ĐT.382B kết nối trực tiếp với nút giao cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04) và ĐT.383.

Hạ tầng liên khu vực và chỉnh trang: Cải tạo, thảm nhựa hóa đồng bộ các tuyến

đường giao thông liên thôn kết nối trung tâm 03 xã cũ (như tuyến thôn Thụy Lân - thôn Long Vỹ, các trục đường kết nối Mễ Hạ, Từ Hồ, Khóa Nhu, Lại Trạch...).

Bến bãi đỗ xe tĩnh: Bố trí quỹ đất tại các khu đất dịch vụ thương mại, khu vực tiếp giáp ĐT.381, ĐT.382 để đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe công cộng tập trung, khắc phục tình trạng xe dừng đỗ lấn chiếm lòng lề đường.

c. Khớp nối đồng bộ hạ tầng môi trường và nâng cấp tiện ích công cộng

Thoát nước và xử lý nước thải: Khẩn trương xây dựng mạng lưới cống ngầm tách riêng hệ thống nước mưa và nước thải tại các khu vực tập trung đông dân cư (Từ Hồ, Thụy Lân, Lại Trạch...); từng bước chuẩn bị đầu tư trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của đô thị đạt quy chuẩn môi trường. Tiếp tục trục vớt bèo tây, nạo vét định kỳ hệ thống kênh mương tưới tiêu (hơn 14.500 m^3 bùn đất và 12.000m^3 rác bèo hàng năm) để chống ngập úng mùa mưa bão.

Hạ tầng ngầm và chiếu sáng: Lắp đặt hệ thống đèn LED thông minh, tiết kiệm điện trên toàn bộ các tuyến đường cấp khu vực và nội bộ; từng bước phối hợp ngành điện ngầm hóa đường dây điện, cáp viễn thông trên các trục đường trung tâm hành chính - thương mại.

Môi trường đô thị và nghĩa trang: Duy trì tỷ lệ thu gom 100% rác thải sinh hoạt; từng bước cải tạo, khoanh vùng đóng cửa các nghĩa trang dòng họ phân tán nhỏ lẻ, hoàn thành việc nâng cấp các nghĩa trang tập trung (nghĩa trang liệt sĩ Minh Châu, Yên Hòa) và khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng văn minh.

d. Nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng xã hội và thiết chế công cộng

Giáo dục: Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, phòng chức năng cho 02 trường học còn lại để hoàn thành mục tiêu 100% (11/11 trường công lập do địa phương quản lý) đạt chuẩn quốc gia; nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất các điểm trường (như trường tiểu học Yên Phú, trường THCS, mầm non).

Y tế: Duy trì và nâng cấp Trạm y tế xã Việt Yên hiện trạng đáp ứng đầy đủ tiêu chí Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã/phường, gia tăng số giường bệnh lưu trú tạm thời và khuyến khích mở rộng mạng lưới phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân trên địa bàn.

Văn hóa - Thể thao: Nâng cấp, cải tạo và trang bị đầy đủ thiết bị âm thanh, sân chơi thể thao cho 25 nhà văn hóa thôn/tổ dân phố (hoàn thiện công trình Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Khóa Nhu 1 và nhân rộng). Dành quỹ đất công cộng xây dựng Trung tâm dịch vụ văn hóa - thể thao đa năng cấp đô thị.

e. Phát triển kinh tế đô thị, thu hút đầu tư công nghiệp sạch và thương mại dịch vụ

Phối hợp đẩy nhanh công tác GPMB 19 dự án trọng điểm (diện tích khoảng 92 ha), đặc biệt là KCN Tân Dân, CCN Minh Châu - Việt Cường và CCN làng nghề Thụy Lân (59,52 ha) để sớm bàn giao cho nhà đầu tư hạ tầng.

Hiện đại hóa hệ thống thương mại: Tiếp tục mở rộng, nâng cấp hạ tầng mạng lưới chợ truyền thống (như chợ Từ Hồ, chợ ngã tư...), khuyến khích phát triển các

siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi và 2.320 hộ kinh doanh cá thể ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, máy thu tiền tự động.

Nâng tầm kinh tế làng nghề gắn với du lịch trải nghiệm: Hỗ trợ 250 hộ làng nghề mộc mỹ nghệ Thụy Lân và 24 hộ làm miến dong Lại Trạch ứng dụng thương mại điện tử, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm OCOP (duy trì và phát triển 11 sản phẩm OCOP hiện có).

5.4. Các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị

5.4.1. Kế hoạch nâng cao các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của đô thị loại III

Căn cứ các nội dung rà soát, đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn tại phụ lục II Bảng 2A, 2B nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị. Tổng hợp các tiêu chí, tiêu chuẩn như sau:

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá phân loại đô thị loại III:
   - 11 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa
   - 3 tiêu chuẩn đạt điểm trung bình
   - 7 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu theo quy định
   - 2 tiêu chuẩn chưa đạt điểm
2. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị:
   - 20 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa
   - 4 tiêu chuẩn đạt điểm trung bình
   - 7 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu theo quy định
   - 6 tiêu chuẩn chưa đạt điểm
3. Định hướng và giải pháp trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo

Để hoàn thiện toàn diện hồ sơ nâng cấp đô thị loại III, địa phương tập trung triển khai các nhóm giải pháp chiến lược sau:

Chiến lược tích hợp và kết nối hạ tầng giai đoạn 2026 - 2030:

Tận dụng nguồn ngân sách điều hành đạt và vượt dự toán (năm 2025 đạt 1.024,19 tỷ đồng, cân đối có dư) kết hợp nguồn vốn xã hội hóa từ các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn. Tập trung đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng khung, đưa chất lượng hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ công cộng tại 25 thôn dân cư hiện hữu tiệm cận với tiêu chuẩn đô thị hiện đại. Ưu tiên hoàn thành các công trình chuyển tiếp từ 03 xã cũ và huyện bàn giao (21 nhiệm vụ từ huyện và 233 công trình từ các xã cũ).

Giải pháp 1: Hoàn thiện công cụ pháp lý và đồng bộ quy chế quản lý kiến trúc đô thị

Khẩn trương phối hợp với Sở Xây dựng hoàn thành đồ án điều chỉnh lập Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ theo đúng định hướng Quyết định số 579/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Chủ động lập, thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành văn bản pháp lý độc lập: "Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan và không gian đô thị phường Việt Yên". Văn bản này quy định minh bạch về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ, cốt nền và tầng cao công trình tại 25 thôn/tổ dân phố, chấm dứt việc quản lý phụ thuộc và nâng điểm tiêu chí này lên mức tối đa (5,0/5,0 điểm).

Giải pháp 2: Giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch và đẩy mạnh phát triển công nghiệp - nhà ở đô thị

Tập trung cao độ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho 19 dự án đang triển khai với tổng diện tích khoảng 92 ha. Trọng tâm là bàn giao mặt bằng sạch cho 02 cụm công nghiệp đã thành lập: CCN Minh Châu - Việt Cường và CCN Làng nghề Thụy Lân (tổng diện tích 59,52 ha), cùng KCN Tân Dân.

Thu hút đầu tư các dự án nhà ở xã hội, khu nhà ở thương mại đồng bộ hạ tầng kỹ thuật nhằm gia tăng quy mô dân số cơ học, nâng cao tỷ lệ dân số đô thị (phấn đấu từ mức 76,56% hiện nay lên trên 85%) và đưa tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với quy hoạch đạt ngưỡng 100%.

Giải pháp 3: Đột phá hạ tầng giao thông kết nối và xử lý điểm nghẽn hạ tầng kỹ thuật khung

Khẩn trương thi công hoàn thành tuyến đường nối từ ĐH.42 qua cụm công nghiệp Ngọc Long sang ĐT.382 (đã phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở) và tuyến đường giao thông nông thôn Thụy Lân - Long Vỹ.

Từng bước nâng cấp, mở rộng và thảm nhựa các trục liên thôn, liên xã kết nối ra các tuyến tỉnh lộ huyết mạch ĐT.381, ĐT.380, ĐT.382, ĐT.382B và nút giao cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04). Quy hoạch bổ sung các bến bãi đỗ xe tĩnh tập trung phục vụ vận tải hàng hóa và dân sinh.

Giải pháp 4: Khớp nối đồng bộ hạ tầng thoát nước, xử lý môi trường và nước thải sinh hoạt

Triển khai lập dự án đầu tư trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, từng bước thi công hệ thống cống ngầm tách biệt triệt để nước mưa và nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư đông đúc như Từ Hồ, Lại Trạch, Thụy Lân.

Duy trì công tác thủy lợi, phòng chống lụt bão; tổ chức nạo vét định kỳ trên 14.500 m^3 bùn đất và vớt trên 12.000 m^3 bèo rác trên hệ thống kênh mương tưới tiêu và tuyến sông Bắc Hải Hưng để chống ngập úng đô thị cục bộ.

Đẩy mạnh việc đóng cửa các bãi chôn lấp, nghĩa trang dòng họ nhỏ lẻ; hoàn thiện dự án nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ Minh Châu, nghĩa trang liệt sĩ Yên Hòa; đồng thời phối hợp định hướng sử dụng nhà tang lễ và công trình hỏa táng liên vùng theo quy hoạch tỉnh.

Giải pháp 5: Hiện đại hóa thiết chế văn hóa - xã hội và bảo tồn làng nghề truyền thống

Nâng cấp, cải tạo toàn diện 25 nhà văn hóa thôn thành các trung tâm sinh hoạt văn hóa - thể thao đa năng của tổ dân phố sau khi lên phường (tiếp tục hoàn thiện dự án Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Khóa Nhu 1 làm mô hình điểm).

Đầu tư cơ sở vật chất bổ sung để nâng tỷ lệ trường chuẩn quốc gia từ 9/11 trường (81,8%) lên 100%; hoàn thành cải tạo sân cơ sở 1 trường tiểu học Yên Phú và nâng cao năng lực khám chữa bệnh ban đầu của Trạm y tế xã.

Hỗ trợ đổi mới công nghệ, xử lý môi trường và phát triển thương mại điện tử cho 250 hộ làng nghề mộc Thụy Lân và 24 hộ làm miến dong Lại Trạch, gắn sản phẩm 11 dòng OCOP hiện hữu với chuỗi dịch vụ - du lịch trải nghiệm ven sông Bắc Hải Hưng.

5.4.2. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu nhằm xây dựng xã Việt Yên đạt tiêu chuẩn đô thị loại III

- Việc xác định các dự án trên địa bàn xã Việt Yên cần đảm bảo tuân thủ các quy hoạch, chương trình, dự án, kế hoạch và phù hợp điều chỉnh quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Mỹ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

- Đảm bảo sau khi xây dựng các dự án, điểm đô thị Việt Yên sẽ đạt tối thiểu trên điểm tiêu chuẩn về phân loại đô thị (>75 điểm)

Bảng 13. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu toàn đô thị giai đoạn đến năm 2030 và 2040

Thứ tự	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Thang điểm tối đa	Điểm hiện trạng	Dự án, chương trình thiết yếu để thêm điểm cho đô thị hoặc Ghi chú cho các hạng mục được điểm	Điểm thêm sau khi các dự án hoàn thành
	Tổng		**82,89**		**100**
I	**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**	**15**	**12**		**15**
1	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông	7	6	Cụ thể hóa Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh) và Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Mỹ (Quyết định số 2323/QĐ-UBND); đẩy nhanh tiến độ lập, trình phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ. Tập trung GPMB và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CCN Minh Châu - Việt Cường và CCN Làng nghề Thụy Lân (tổng diện tích 59,52 ha), KCN Tân Dân, khẳng định vai trò là trung tâm công nghiệp công nghệ cao, logistics, dịch vụ thương mại - cửa ngõ giao thương chiến lược phía Bắc của tỉnh kết nối Vùng Thủ đô Hà Nội.	7
2	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các	8	6	Đẩy nhanh hoàn thành các dự án đầu tư công chỉnh trang trung tâm hành chính: Cải tạo sân vườn và các hạng mục phụ trợ Trụ sở làm việc UBND xã Việt Yên;	8

	trung tâm, đầu mối kết nối			hoàn thiện chuẩn bị đầu tư công trình nội thất nhà làm việc xã Việt Yên phục vụ mô hình chính quyền đô thị cấp Phường. Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng khung và đầu mối kết nối vùng: thi công tuyến đường nối từ ĐH.42 qua CCN Ngọc Long sang ĐT.382, cải tạo các tuyến ĐT.381, ĐT.380, ĐT.382 kết nối nút giao cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04) và ĐT.383, tạo mạch kết nối liên hoàn giữa khu vực hành chính tập trung với các khu dân cư và cực phát triển kinh tế.	
II	**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**	**20**	**18,70**		**20**
1	Quy mô dân số đô thị	7	5,7	Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng 19 dự án (khoảng 92 ha), trọng tâm là hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CCN Minh Châu - Việt Cường, CCN Thụy Lân (59,52 ha) và KCN Tân Dân để thu hút lực lượng lao động, chuyên gia, kỹ sư về làm việc và cư trú lâu dài. Triển khai các dự án phát triển khu nhà ở mới, khu nhà ở xã hội đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ nhằm gia tăng mạnh mẽ quy mô dân số cơ học.	7
2	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	6	6	-	6
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	7	7	-	7
III	**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**	**65**	**52,19**		**65**
III.1	**Về hạ tầng kỹ thuật**	**25**	**23,51**		**25**
3.1.1	***Giao thông***	***9***	**8,01**		**9**
1	Đầu mối giao thông	4	4	-	4
2	Mật độ đường giao thông đô thị	5	4,01	Cải tạo, mở rộng và thảm nhựa hóa đồng bộ các tuyến đường trục liên thôn, đường nội bộ kết nối ra các trục lộ đối ngoại huyết mạch (ĐT.381, ĐT.380, ĐT.382, ĐT.382B, kết nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng CT.04 và QL.39A), bảo đảm mật độ đường giao thông đô thị đạt chuẩn tối đa theo quy định của đô thị loại III.	5
3.1.2	***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***	*7*	**7**		**7**
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	3	3	-	3
2	Mật độ đường cống thoát nước chính	3	3	-	3
3	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	1	1	-	1
3.1.3	***Xử lý chất thải rắn***	**3**	**3**		**3**
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	3	3	-	3
3.1.4	***Nghĩa trang đô thị***	***6***	**5,5**		**6**

1	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	3	3	-	3
2	Nhà tang lễ	3	2,5	Trong quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết đô thị giai đoạn 2026 – 2030, cần bố trí quỹ đất và kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng công trình nhà tang lễ liên vùng, bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường và đáp ứng 100% nhu cầu của cư dân đô thị trong tương lai.	3
III.2	**Về hạ tầng xã hội**	**25**	**18,67**		**25**
1	Số giường bệnh	5	4,79	-	5
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo	5	3,89	phấn đấu đưa tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 100% (11/11 trường học do xã quản lý). Hoàn thành dự án bảo dưỡng, sửa chữa sân điểm trường cơ sở 1 trường tiểu học Yên Phú; đồng thời mở rộng quy mô diện tích các trường mầm non, tiểu học, THCS tại các khu vực tập trung đông dân cư để bảo đảm bán kính phục vụ và nhu cầu học tập của cư dân đô thị mới.	5
3	Công trình văn hóa	5	5	-.	5
4	Công trình thể dục, thể thao	4	0	Bố trí quỹ đất và kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng thêm tối thiểu 01 công trình thể dục thể thao cấp đô thị, bảo đảm bán kính phục vụ dân sinh và đáp ứng 100% nhu cầu rèn luyện sức khỏe của cư dân đô thị trong tương lai.	4
5	Công trình thương mại, dịch vụ	3	2		3
6	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	3	3	-	3
III.3	**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**	**15**	**10**		**15**
1	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	4	3	Lập quy hoạch chi tiết và thu hút đầu tư xây dựng tối thiểu 01 công viên cây xanh - hồ điều hòa công cộng tập trung quy mô trên 02 ha gắn với cảnh quan sinh thái dọc sông Bắc Hải Hưng. Tích hợp không gian mặt nước, đường dạo bộ và thiết bị thể dục ngoài trời phục vụ nhu cầu thư giãn, sinh hoạt cộng đồng của người dân đô thị.	4
2	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	3	3	-	3
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	3	0	Triển khai kế hoạch trồng cây xanh đường phố dọc các trục giao thông chính (ĐT.381, ĐT.382, đường liên thôn), tận dụng các quỹ đất xen kẹt trong khu dân cư để xây dựng tiểu hoa viên, vườn hoa mini, bảo đảm chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người đạt chuẩn đô thị loại III.	3
4	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	5	4	Phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng khẩn trương hoàn thiện đồ án Quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ, làm cơ sở lập, thẩm định và trình UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt ban hành văn bản pháp lý độc lập: "Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan và không gian đô thị xã/phường Việt Yên". Quy định cụ thể,	5

				rõ ràng về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cốt nền, tầng cao và kiến trúc công trình nhà ở riêng lẻ tại 25 thôn (chuyển thành tổ dân phố)	

Bảng 14. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu trình độ phát triển toàn đô thị giai đoạn đến năm 2030 và 2040

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Thang điểm tối đa	Điểm hiện trạng	Dự án, chương trình thiết yếu để thêm điểm cho đô thị hoặc Ghi chú cho các hạng mục được điểm	Điểm thêm sau khi các dự án hoàn thành
	Tổng		**81,59**		**100**
I	**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**	**15**	13,07		15
1	Tỷ lệ tăng dân số	5	3,5	Đẩy nhanh công tác GPMB 19 dự án trọng điểm (diện tích khoảng 92 ha), trọng tâm là đưa vào hoạt động CCN Minh Châu - Việt Cường, CCN Thụy Lân (59,52 ha) và KCN Tân Dân nhằm tạo hàng chục nghìn việc làm mới, thu hút mạnh mẽ lao động cơ học, chuyên gia và dân cư dịch chuyển về sinh sống, làm việc thường xuyên trên địa bàn.	5
2	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	6	4,57	hỗ trợ mở rộng sản xuất cho 2.320 hộ kinh doanh dịch vụ cùng 2 làng nghề truyền thống Thụy Lân và Lại Trạch	6
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	4	4	-	4
II	**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**	**20**	17,92		
1	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	10	9,42	Phát triển mở rộng không gian đô thị; Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, khu đô thị nhằm thu hút dân cư	10
2	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	6	4,5	Ưu tiên tăng tầng cao công trình (nếu hạ tầng kỹ thuật đáp ứng được) để giải phóng không gian mặt đất cho cây xanh và hạ tầng công cộng.	6
3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	4	4	-	4
III	**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**	**65**	50,6		65
III.1	**Về hạ tầng kỹ thuật**	**25**	23,51		25
3.1.1	***Giao thông***	***9***	8,92		9

1	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	3	3	-	3
2	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	3	3	-	3
3	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	3	2,92	Phối hợp với ngành điện và viễn thông triển khai hạ ngầm toàn bộ mạng cáp thông tin, cáp điện lực tại các tuyến đường trung tâm hành chính, khu vực chợ Từ Hồ và các trục phố thương mại dịch vụ chính gắn với tuyến ĐT.381, ĐT.382.	3
3.1.2	***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***	***6***	5,61		6
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	2	1,61	Mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước sạch cấp 2 và cấp 3 đến từng hộ gia đình tại 25 thôn, tuyên truyền vận động nhân dân đóng dần các giếng khoan ngầm tự phát để sử dụng 100% nước sạch tập trung đô thị, nâng mức tiêu thụ bình quân đạt trên chuẩn đô thị loại III.	2
2	Thoát nước chống ngập úng đô thị	2	2	-	2
3	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	2	2	-	2
3.1.3	***Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị***	***4***	4		4
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	2	2	-	2
2	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	1	1	-	1
3	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	1	1	-	1
3.1.4	***Cấp điện và chiếu sáng công cộng***	***4***	3		4
1	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	2	2	-	2
2	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	1	1	-	1
3	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	1	0	Tập trung nguồn lực thực hiện đề án 'Hiện đại hóa và thông minh hóa mạng lưới chiếu sáng công cộng Việt Yên', bảo đảm tỷ lệ các tuyến đường chính có ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và điều khiển thông minh đạt trên 80%	1
3.1.5	***Hạ tầng viễn thông***	***2***	1,99		2
1	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy	2	1,99	Địa phương cần thực hiện	2

	cập internet qua mạng băng rộng cố định			chiến lược 'Phổ cập hạ tầng internet cáp quang băng rộng tốc độ cao' đến từng hộ gia đình	
III.2	**Về hạ tầng xã hội**	**25**	17,83		25
3.2.1	***Nhà ở***	***6***	5,63		6
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	4	3,63	Đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án phát triển khu nhà ở mới, khu nhà ở xã hội đồng bộ hạ tầng; quản lý cấp phép xây dựng kiên cố hóa nhà ở riêng lẻ trong các khu dân cư hiện hữu theo quy chuẩn.	4
2	Nhà ở xã hội	2	2	-	2
3.2.2	***Công trình công cộng***	***19***	12,20		19
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	3	3	-	3
2	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	4	3,2	Bố trí đủ quỹ đất dành cho các công trình công cộng, y tế, giáo dục, chợ, siêu thị và sinh hoạt cộng đồng tại các khu vực phát triển mới và xen cài khu dân cư cũ.	4
3	Số trường công lập đạt chuẩn	3	2,5	Đầu tư cơ sở vật chất, phòng học bộ môn và thiết bị giảng dạy cho 02 trường còn lại chưa đạt chuẩn; hoàn thành dự án bảo dưỡng, sửa chữa sân điểm trường cơ sở 1 trường tiểu học Yên Phú, đưa tỷ lệ trường công lập do xã quản lý đạt chuẩn quốc gia lên 100% (11/11 trường).	3
4	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	3	0,0	Triển khai 'Quy hoạch bổ sung diện tích và xây dựng mới trường tiểu học công lập'	3
5	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	3	3	-	3
6	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	3	0	Đẩy nhanh hoàn thành dự án Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Khóa Nhu 1; rà soát quỹ đất công ích tại 25 thôn để bố trí mở rộng khuôn viên nhà văn hóa, lắp đặt thiết bị luyện tập thể dục thể thao ngoài trời và sân chơi trẻ em	3
III.3	**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**	**15**	9,27		15
3.3.1	***Không gian đô thị***	***4***	3,27	-	4
1	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	2	1,52	Triển khai kế hoạch trồng cây xanh đường phố dọc tuyến ĐT.381, ĐT.382 và các trục đường liên thôn; cải tạo quỹ đất bãi ven sông Bắc Hải Hưng thành các dải cây xanh cảnh quan sinh thái bảo vệ	2

				môi trường đô thị.	
2	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m ^{2} trở lên	2	1,75	Quy hoạch cải tạo các hồ ao hiện trạng gắn liền với khuôn viên cây xanh, đường dạo bộ tại các thôn dân cư cũ (như thôn Từ Hồ, Lại Trạch, Yên Hòa...) tạo thành các công viên mini quy mô trên 2.000 m² phục vụ dân sinh.	2
3.3.2	***Kiến trúc, cảnh quan đô thị***	***4***	1		4
1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	2	0	Ban hành và triển khai Đề án xây dựng tuyến phố văn minh đô thị trên các trục đường trung tâm hành chính và các trục đối ngoại chính (ĐT.381, ĐT.382, tuyến đường liên thôn nối ĐH.42): chỉnh trang biển hiệu quảng cáo, thảm nhựa mặt đường, làm vỉa hè đồng bộ, lập lại trật tự đô thị và hành lang an toàn giao thông.	2
2	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	1	1	-	1
3	Công trình xanh	1	0	Khuyến khích các doanh nghiệp tại CCN Minh Châu - Việt Cường, CCN Thụy Lân áp dụng tiêu chuẩn công trình công nghiệp xanh, tiết kiệm năng lượng, tuần hoàn nước; áp dụng các giải pháp kiến trúc xanh, tận dụng thông gió và chiếu sáng tự nhiên cho trụ sở cơ quan và các công trình trường học xây mới.	1
3.3.3	***Quản trị đô thị***	*7*	5		7
1	Kế hoạch phát triển đô thị	1	0	Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị tư vấn hàng đầu để xây dựng *Kế hoạch thực hiện phát triển đô thị phân khu Việt Yên giai đoạn 2026 - 2030*	1
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	2	0	Chuyển đổi triệt để quy trình thẩm định nội bộ từ môi trường giấy sang môi trường điện tử. Tất cả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương bắt buộc phải được ký số và trả bản điện tử vào "Kho dữ liệu cá nhân" của công dân trên Cổng dịch vụ công quốc gia	2
3	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	1	1	-	1

4	Quản lý phát triển đô thị thông minh	1	0	Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Đề án 06: Xây dựng hạ tầng dữ liệu số đô thị, tích hợp hệ thống camera giám sát an ninh trật tự - giao thông thông minh trên toàn địa bàn 25 tổ dân phố; duy trì 100% hồ sơ TTHC tiếp nhận, xử lý trực tuyến toàn trình và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015.	1
5	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	2	2	-	2

5.4.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

Đây là các dự án thuộc nhóm giải pháp ưu tiên phát triển đô thị Việt Yên giai đoạn 2026-2030 nhằm nâng điểm trình độ phát triển đô thị từ 80,39 điểm (hiện tại) lên 100 điểm và điểm đánh giá toàn đô thị từ 84,09 điểm lên 100 điểm.

a) Dự án chiến lược:

Dự án cải tạo, nâng cấp các trục giao thông tỉnh lộ huyết mạch đi qua địa bàn: ĐT.381, ĐT.380, ĐT.382, ĐT.382B kết nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04) và Quốc lộ 39A.

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Châu - Việt Cường và Cụm công nghiệp Làng nghề Thụy Lân (tổng quy mô 59,52 ha).

Hoàn thành giải phóng mặt bằng 19 dự án trọng điểm (diện tích 92 ha) phục vụ phát triển kinh tế, đô thị và an sinh xã hội.

b) Dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

Dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường xã

Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục chính đô thị (các tuyến trục dọc, trục ngang)

Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các trạm bơm tưới, tiêu, cấp nguồn và các tuyến kênh, mương tưới, tiêu, cấp nguồn

Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và mạng lưới cống gom nước thải đô thị độc lập.

Ngầm hóa hệ thống dây điện, cáp viễn thông trên các tuyến phố thương mại trung tâm; nâng cấp mở rộng các trạm biến áp cấp điện sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.

c. Dự án nâng cấp hạ tầng xã hội và chỉnh trang không gian

Cải tạo, bảo dưỡng sân cơ sở 1 trường tiểu học Yên Phú; đầu tư xây mới phòng học, phòng chức năng bổ sung cho hệ thống 11 trường công lập để đạt chuẩn quốc gia 100%.

Dự án Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Khóa Nhu 1; chỉnh trang, nâng cấp đồng loạt 25 nhà văn hóa thôn sau sáp nhập thành các trung tâm văn hóa - thể thao tổ dân phố hiện đại.

Cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ Minh Châu và nghĩa trang liệt sĩ Yên

Hòa.

Đầu tư, nâng cấp các điểm chợ dân sinh, quy hoạch các dãy shophouse phố thương mại gắn với tuyến đường liên tỉnh ĐT.379 và ĐT.382.

5.5. Lộ trình thực hiện và nguồn vốn

Giai đoạn 2026 - 2027: Ưu tiên hoàn thiện hồ sơ pháp lý, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị; tập trung vốn xử lý dứt điểm các tuyến đường xung đột giao thông và nâng cấp các nhà văn hóa cũ.

Giai đoạn 2028 - 2030: Hoàn thiện 100% trường học đạt chuẩn quốc gia; nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất trạm y tế và hoàn thành thiết chế văn hóa - thể thao cấp đô thị. Chuyển đổi số toàn diện công tác quản trị hành chính đô thị, phổ cập wifi công cộng, camera an ninh và giám sát trật tự giao thông.

Cơ cấu nguồn vốn: Đa dạng hóa nguồn lực theo phương thức xã hội hóa mạnh mẽ. Kết hợp hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước (đối với hạ tầng khung) và nguồn vốn đầu tư từ các tập đoàn, doanh nghiệp, cùng sự đóng góp đồng lòng của nhân dân (đối với hạ tầng dịch vụ và chỉnh trang đô thị).

PHẦN III
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Trong thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát và đầu tư kịp thời của Trung ương, của tỉnh Hưng Yên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Việt Yên đã đồng lòng, tập trung huy động mọi nguồn lực để bứt phá mạnh mẽ. Địa phương đã đạt được những thành tựu toàn diện trong phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội và đẩy mạnh công tác chỉnh trang, mỹ hóa không gian đô thị. Nhờ đó, diện mạo địa phương đã chuyển dáng sang một phường nội đô văn minh, chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt.

Căn cứ hệ thống tiêu chuẩn về phân loại đô thị được quy định nghiêm túc tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; đối chiếu với điều kiện thực tế sau sáp nhập địa giới hành chính, UBND xã Việt Yên tổng hợp kết quả tự đánh giá như sau:

Tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị: Đạt 82,89 / 100 điểm (Quy định tối thiểu đạt 75 điểm)

Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: Đạt 81,59 / 100 điểm (Quy định tối thiểu đạt 75 điểm)

Đối chiếu với các khung pháp lý hiện hành, xã Việt Yên đã cơ bản hoàn thành và vượt các điều kiện, tiêu chuẩn cốt lõi của một đô thị loại III trực thuộc tỉnh. Địa phương đã thiết lập đầy đủ cơ sở bệ phóng để chuyển đổi mô hình quản lý hành

chính sang cấp Phường, đủ điều kiện pháp lý để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xem xét, công nhận.

II. KIẾN NGHỊ

Để kịp thời ghi nhận những nỗ lực của địa phương, đồng thời tạo cơ chế pháp lý đồng bộ nhằm quản lý ổn định và vận hành thông suốt bộ máy hành chính mới sau sáp nhập, Ủy ban nhân dân xã Việt Yên kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, thực hiện các nội dung sau:

Đối với Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên: Kính trình Sở Xây dựng quan tâm xem xét, chủ trì tổ chức hội đồng hội nghị thẩm định, rà soát thực tế và đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất của địa phương; sớm ban hành văn bản thẩm định chuyên môn theo quy định pháp luật.

Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: Kính trình chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt và ban hành Quyết định công nhận xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên đạt tiêu chuẩn đô thị loại III trực thuộc tỉnh.

Sự công nhận kịp thời của Quý cơ quan sẽ là động lực chính trị - kinh tế to lớn, cổ vũ Đảng bộ và nhân dân xã Việt Yên tiếp tục giữ vững kỷ cương quy hoạch, nâng cao hơn nữa chất lượng đô thị sinh thái thông minh, đóng góp tích cực vào sự phát triển thịnh vượng chung của hành lang kinh tế phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên và vùng Thủ đô.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VIỆT YÊN T.HƯNG YÊN

Nguyễn Văn Dũng

PHỤ LỤC
BẢNG BIỂU

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 1: CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

I. Chỉ tiêu xã hội

STT	Danh mục	Đơn vị	Chỉ tiêu 2025
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	1
2	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng/người/năm	79,3
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,23

II. Chỉ tiêu kinh tế

STT	Danh mục	Đơn vị	Mục tiêu năm 2025	Chỉ tiêu đạt được năm 2025
	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%		86,61

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 2: THỐNG KÊ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Loại đất	Diện tích hiện trạng 2025(ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích	**2.399,57**	**100,00**
A	**Đất xây dựng đô thị**	**810,03**	**33,76**
1	**Đất dân dụng**	461,82	19,25
	Đất các khu ở	298,32	12,43
	Đất công trình công cộng	25,90	1,08
	Đất công trình công cộng cấp đô thị	*12,68*	*0,53*
	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở	*13,23*	*0,55*
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước	11,42	0,48
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước cấp đô thị	*2,5*	*0,10*
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước cấp đơn vị ở	*8,92*	*0,37*
	Đất giao thông đối nội(đường giao thông và đất giao thông khác như bãi xe, đất dự trữ giao thông)	126,18	5,26
2	**Đất ngoài dân dụng**	**348,21**	**14,51**
	Đất xây dựng trụ sở, cơ quan	2,3	0,10
	Đất khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh	68,57	2,86
	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	6,88	0,29
	Đất quân sự, an ninh, quốc phòng	0,18	0,01
	Đất nghĩa trang	18,73	0,78
	Đất giao thông đối ngoại	171,28	7,14
	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	80,27	3,35
B	**Đất khác**	**1.588,70**	**66,21**
	Mặt nước	62,24	2,59
	Đất nông nghiệp	1.524,08	63,51
	Đất bằng chưa sử dụng	2,38	0,10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 3: THỐNG KÊ HỆ THỐNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

I. Thống kê hệ thống giao thông

TT	Tên đường	Loại đường	Chiều rộng mặt đường (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)	Chiều dài tuyến (m)	Diện tích (m2)
	Tổng					**2.974.600**
I	**Đường Giao thông đô thị**				**32.624**	**1.866.634**
I.1	***Đường giao thông đối ngoại***				***27.474***	***1.681.284***
	Cao tốc CT.04 Hà Nội – Hải Phòng	Cấp 1		120	5.380	645.600
	CT16 – ĐT.379 – đường liên tỉnh Hà Nội – Hưng Yên	Cấp 3	2x11,5	77	6.616	509.432
	Đường ĐT.380	Cấp 3	10,5	34	1.824	62.016
	Đường ĐT.381	Cấp 3	10,5	34	3.572	121.448
	Đường ĐT.382	Cấp 3	10,5	34	9.502	323.068
	Đường ĐT.382B liền kề với QL.39A	Cấp 3	10,5	34	580	19.720
I.2	***Huyện lộ (đường huyện cũ)***				***5.150***	***99.500***
	Đường ĐH.45	Cấp 3	5,5-11	16-23	2.350	47.000
	Đường ĐH.34 kéo dài	Cấp 3	10,5	23	1.100	25.300
	Đường ĐH.42	Cấp 3	7,5	16	1.700	27.200
I.3	***Bến, bãi đỗ xe, các công trình giao thông khác***					***85.850***
II	**Đường Giao thông khu vực**		3,5-5,5	7,5-9,5	**116.628**	**1.107.966**

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 4: THỐNG KÊ HỆ THỐNG ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG ỐNG NGẦM TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến đường giao thông (m)	Chiều dài tuyến đường dây, đường cáp ngầm (m)	Tỷ lệ tuyến có đường dây đường cáp ngầm (%)
I	**Đường Giao thông đô thị**	**32.624**	**15.757,39**	**48,30**
I.1	***Đường giao thông đối ngoại***	***27.474***	***13.269,94***	
1	Cao tốc CT.04 Hà Nội – Hải Phòng	5.380	2.598,54	
2	CT16 – ĐT.379 – đường liên tỉnh Hà Nội – Hưng Yên	6.616	3.195,53	
3	Đường ĐT.380	1.824	880,99	
4	Đường ĐT.381	3.572	1.725,28	
5	Đường ĐT.382	9.502	4.589,47	
6	Đường ĐT.382B liền kề với QL.39A	580	280,14	
I.2	*Huyện lộ (đường huyện cũ)*	*5.150*	*2.487,45*	
1	Đường ĐH.45	2.350	1.135,05	
2	Đường ĐH.34 kéo dài	1.100	531,30	
3	Đường ĐH.42	1.700	821,10	
II	**Đường Giao thông khu vực**	**116.628**	**56.331,32**	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 5: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến đường giao thông (m)	Chiều dài tuyến đường được chiếu sáng (m)	Tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh
	Tổng	**149.252**	**149.252**	
I	**Đường Giao thông đô thị**	**32.624**	**32.624**	
I.1	***Đường giao thông đối ngoại***	***27.474***	***27.474***	
	Cao tốc CT.04 Hà Nội – Hải Phòng	5.380	5.380	
	CT16 – ĐT.379 – đường liên tỉnh Hà Nội – Hưng Yên	6.616	6.616	
	Đường ĐT.380	1.824	1.824	
	Đường ĐT.381	3.572	3.572	
	Đường ĐT.382	9.502	9.502	
	Đường ĐT.382B liền kề với QL.39A	580	580	
I.2	***Huyện lộ (đường huyện cũ)***	***5.150***	***5.150***	
	Đường ĐH.45	2.350	2.350	
	Đường ĐH.34 kéo dài	1.100	1.100	
	Đường ĐH.42	1.700	1.700	
II	**Đường Giao thông khu vực**	**116.628**	116.628	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 6: THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG CẤP ĐIỆN, CẤP NƯỚC, CÁP QUANG INTERNET TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

STT	Danh mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
I	**Tổng dân số**	**Người**	**43.933**
II	**Cấp điện**		
	Mức tiêu thụ điện năm 2025 bình quân đầu người	**kwh/người/năm**	1.275
III	**Cấp nước**		
1	Tổng dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Người	43.933
2	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	100
3	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	l/ngày đêm	3.699.159
4	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	84,2
IV	**Cáp quang internet**		
1	Tổng số hộ gia đình	Hộ	12.220
2	Tổng số hộ có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	Hộ	12.159
3	Tỷ lệ hộ có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định (%)	%	99,5
4	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G (%)	%	100

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 7: THỐNG KÊ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến (km)	Chiều dài hệ thống thoát nước (km)
	Tổng	**149,3**	**298,5**
I	**Đường Giao thông đô thị**	**32,6**	**65,2**
I.1	***Đường giao thông đối ngoại***	***27,5***	***54,9***
	Cao tốc CT.04 Hà Nội – Hải Phòng	5,4	10,8
	CT16 – ĐT.379 – đường liên tỉnh Hà Nội – Hưng Yên	6,6	13,2
	Đường ĐT.380	1,8	3,6
	Đường ĐT.381	3,6	7,1
	Đường ĐT.382	9,5	19,0
	Đường ĐT.382B liền kề với QL.39A	0,6	1,2
I.2	***Huyện lộ (đường huyện cũ)***	***5,2***	***10,3***
	Đường ĐH.45	2,4	*4,7*
	Đường ĐH.34 kéo dài	1,1	2,2
	Đường ĐH.42	1,7	3,4
II	**Đường Giao thông khu vực**	**116,6**	**233,3**

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 8: THỐNG KÊ HỆ THỐNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Tên trạm xử lý	Công suất TK (m3/ngày đêm)	Công suất vận hành (m3/ngày đêm)	Tỷ lệ % giữa tổng công suất vận hành trên công suất thiết kế
	Tổng			
1	Trạm xử lý nước thải số 3	3.000	2.100	70%

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 9: THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI, CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT ĐƯỢC THU GOM, XỬ LÝ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng
I	***Nước thải sinh hoạt***		
1	Tổng dân số	Người	**43.933**
2	Dân số được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	người	41.736
3	Tỷ lệ dân số được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	95
II	***Chất thải rắn sinh hoạt***		
1	CTR sinh hoạt được thu gom	Tấn/ngày	35,15
2	CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	Tấn/ngày	35,15
3	Tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trên tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát thải	%	100
4	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	79,92
III	***Tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng***	***%***	***27,72***

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 10: THỐNG KÊ THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CÁC KHU NGHĨA TRANG, NHÀ TANG LỄ THEO QUY HOẠCH ĐƯỢC DUYỆT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Nội dung	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đã xây dựng (ha)	Tỷ lệ phần trăm diện tích nghĩa trang đã được xây dựng so với quy hoạch (%)
I	Các nghĩa trang đã được quy hoạch trên địa bàn	26,76	18,73	100
II	Nhà tang lễ	Đã có dự án		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 11: THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG NHÀ Ở

TT	Danh mục	Đơn vị	Chỉ tiêu/Quy mô	Ghi chú
I	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m2 sàn/người	30,5	
II	Dự án Nhà ở xã hội			
	Khu nhà ở xã hội tại xã Việt yên	ha	7,72	
III	Chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư (tối thiểu 4.000 người)			

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 12: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

	Danh mục	Diện tích (ha)	Số giường bệnh (giường)
I	**Cấp đô thị**	**1,28**	
	Bệnh viện	1,28	150
II	**Cấp đơn vị ở**	**0,12**	
	Trạm y tế Việt Yên	0,12	5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 13: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Danh mục	Diện tích đất (m2)	Trường chuẩn quốc gia (mức độ I, II)
I	**Cấp đô thị**	**88.661**	
1	THPT		
2	Trường TH-THCS-THPT		
II	**Cấp đơn vị ở**	**99.239**	
1	Mầm non	24.623	Đạt chuẩn
2	Tiểu học	40.960	Đạt chuẩn
3	Trung học cơ sở	33.656	Đạt chuẩn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 14: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ, DI TÍCH LỊCH SỬ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Danh mục	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
CÔNG TRÌNH VĂN HÓA			
I	**Cấp đô thị**	**15.410,7**	
1	NVH xã Việt Yên (cũ)	3.624	
2	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Việt Yên	2.211,7	
3	Di tích đình Bình Phú, thôn Bình Phú xếp hạng cấp quốc gia	2.448	
4	Di tích đình Thanh Xá, thôn Việt Cường xếp hạng cấp quốc gia	2.303	
5	Di tích cụm đình, chùa Từ Hồ, thôn Từ Hồ xếp hạng cấp quốc gia	4.824	
	- Đình Từ Hồ	*2.441*	
	- Chùa Từ Hồ	*2.383*	
II	**Cấp đơn vị ở**	**24.029**	
1	Nhà văn hóa thôn Bình Phú	**1.250**	
2	Thôn Minh Châu	**3.826**	
	- Nhà văn hóa thôn Bắc Khu	*2.976*	
	- Nhà văn hóa thôn Lực Điền	*550*	
	- Nhà văn hóa thôn Xuân Lai	*300*	
3	Thôn Nhị Mễ	**4.000**	
	- Nhà văn hóa thôn Mễ	*1.500*	
	- Nhà văn hóa thôn Mễ Hạ	*2.500*	
4	Nhà văn hóa thôn Quảng Uyên	**1.028**	
5	Thôn Thanh Long	**4.050**	
	Nhà văn hóa thôn Long Vỹ là 1050m²	*1.050*	
	Nhà văn hóa thôn Thụy Lân là 3000m²	*3.000*	
6	Thôn Thanh Nga	**1.600**	
	Nhà văn hóa thôn Thượng Tài	*400*	
	Nhà văn hóa thôn Đặng Xá	*400*	
	Nhà văn hóa thôn Châu Xá	*400*	
	Nhà văn hóa thôn Nhân Lý	*400*	
7	Nhà văn hóa thôn Từ Hồ	**2.350**	
8	Thôn Việt Cường	**3.945**	
	Nhà văn hóa thôn Mý Xá	*695*	
	Nhà văn hóa thôn Thanh Xá	*1.450*	
	Nhà Văn hóa thôn Thái Nội	*1.800*	
9	Thôn Yên Hoà	**700**	
	Nhà văn hóa thôn Thung Linh	*700*	
	Nhà văn hóa thôn Khoá Nhu I	*0*	

	Nhà văn hóa thôn Khoá Nhu I	*0*	
	Nhà văn hóa thôn Đông Hoà	*0*	
10	Thôn Yên Phú	**1.280**	
	- Nhà văn hóa thôn Thái Hòa	*230*	
	- Nhà văn hóa thôn Tân Phú	*320*	
	- Nhà văn hóa thôn Từ Tây	*400*	
	- Nhà văn hóa thôn Lại Trạch	*330*	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 15: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH TDTT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Danh mục	Diện tích (m2)	Ghi chú
I	**UBND Xã Việt Yên**	**325**	
	Khu thể thao chung gồm: Cầu lông (01), pickleball (02)	*325*	3 sân
II	**Công trình TDTT Các thôn trên địa bàn xã**	**4.480**	
1	Thôn Bình Phú	0	
2	Thôn Minh Châu	0	
	Thôn Bắc Khu		
	Thôn Lực Điền		
	Thôn Xuân Lai		
3	Thôn Nhị Mễ	0	
	Thôn Mễ Thượng		
	Thôn Mễ Hạ		
4	Thôn Quảng Uyên	*3.100*	
5	Thôn Thanh Long	0	
	Thôn Long Vỹ		
	Thôn Thụy Lân		
6	Thôn Thanh Nga	0	
	Thôn Thượng Tài		
	Thôn Đặng Xá		
	Thôn Châu Xá		
	Thôn Nhân Lý		
7	Thôn Từ Hồ	0	
8	Thôn Việt Cường	0	
	Thôn Mý Xá		
	Thôn Thanh Xá		
	Thôn Thái Nội		
9	Thôn Yên Hoà	0	
	Nhà văn hóa thôn Thung Linh		
	Nhà văn hóa thôn Khoá Nhu I		
	Nhà văn hóa thôn Đông Hoà		
10	Thôn Yên Phú	1.380	
	- Nhà văn hóa thôn Thái Hòa		
	- Nhà văn hóa thôn Tân Phú		
	- Nhà văn hóa thôn Từ Tây		
	- Nhà văn hóa thôn Lại Trạch	*1.380*	*01 sân bóng (1080 m2) 01 sân bóng chuyền (300m2)*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 16: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH TMDV TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Danh mục	Diện tích (ha)	Ghi chú
I	**Cấp đô thị**	2,17	
	Chợ nông sản Sông Hồng	1,96	
II	**Cấp đơn vị ở**	1,14	
	Chợ dân sinh Thụy Lân	0,09	
	Siêu thị WinMart		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 17: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC KHÔNG GIAN XANH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Danh mục	Diện tích (ha)	Ghi chú
I	**Cấp đô thị**		
1	Công viên		
2	Vườn hoa		
3	Sân chơi		
	Chợ		
	Khu thể dục thể thao	324 m^2	
4	Quảng trường		
II	**Cấp đơn vị ở**		
1	Vườn hoa		
	Biệt thự		
	Nhà phố		
2	Sân chơi		
	Khu căn hộ		
3	Khu cây xanh cây cảnh, vườn ươm		
4	Nhà vệ sinh công cộng		
	Công viên		
	Công viên		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 18: THỐNG KÊ TUYẾN PHỐ VĂN MINH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến đường giao thông (m)	Chiều dài tuyến văn minh đô thị (bề rộng lòng đường ≥ 7m; lộ giới ≥ 13m) (m)
	Tổng		
I	*Đường Giao thông đối ngoại*	*0*	*0*
II	*Đường Giao thông đối nội*	*0*	*0*
1	Các tuyến đường trục chính đô thị	0	0
2	Các tuyến đường liên khu vực (15-17m)	0	0
3	Các tuyến đường liên khu vực (10-12m)	0	0
4	Các tuyến đường nội bộ	0	0
5	Các tuyến đường xã	0	0
6	Các tuyến đường thôn	0	0

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

UBND XÃ VIỆT YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 19: KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN VÀ ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VIỆT YÊN

STT	Danh mục	Ghi chú
1	Kế hoạch phát triển đô thị	Chưa có
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn xã (%)	99,11
3	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch (%)	100
4	Quản lý phát triển đô thị thông minh	Chưa có
5	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị (%)	95
6	Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình dưới 01 vụ trong 03 năm gần nhất	1
7	Số vụ cháy nổ nghiêm trọng trung bình dưới 01 vụ trong 03 năm gần nhất	1
10	Công trình xanh	Chưa có
11	Di tích cấp quốc gia đặc biệt, di sản văn hoá vật thể, các khu vực có giá trị văn hoá lịch sử, sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống có phương án bảo vệ	13
12	Dự án tái sử dụng công trình có giá trị kiến trúc, công nghiệp	Chưa có

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

PHỤ LỤC
BẢN VẼ

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG

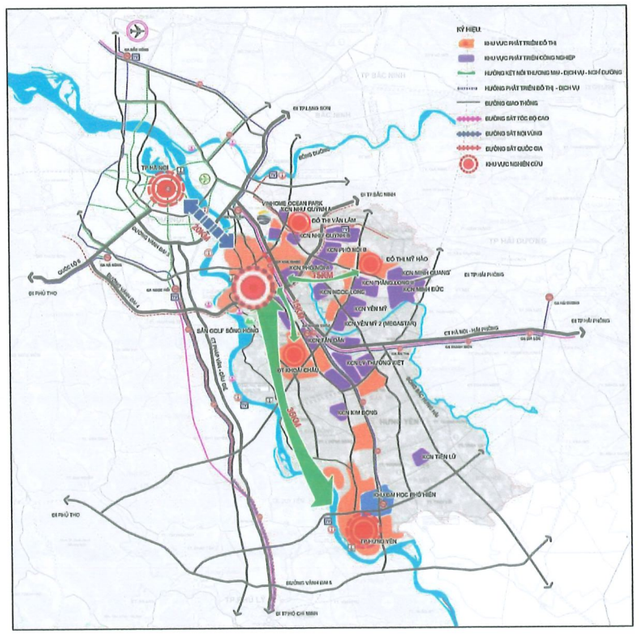
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ VIỆT YÊN TRONG NỀN BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, MỐI LIÊN HỆ VÙNG XÃ VIỆT YÊN ĐỐI VỚI KHU VỰC LÂN CẬN



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ VIỆT YÊN TRONG MỐI LIÊN HỆ VỚI THỦ ĐÔ HÀ NỘI VÀ TỈNH HƯNG YÊN



XÃ VIỆT YÊN NẰM Ở KHU VỰC PHÍA BẮC VÀ LÀ 01 TRONG 104 ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC TỈNH HƯNG YÊN, ĐƯỢC HÌNH THÀNH SAU KHI SÁP NHẬP TOÀN BỘ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN CỦA CÁC XÃ YÊN PHÚ, THANH LONG VÀ VIỆT YÊN. XÃ VIỆT YÊN CÓ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN LÀ 23,99KM2, QUY MÔ DÂN SỐ ƯỚC TÍNH 43.933 NGƯỜI. CÓ RANH GIỚI HÀNH CHÍNH TIẾP GIÁP NHƯ SAU:

- PHÍA ĐÔNG: GIÁP XÃ YÊN MỸ
- PHÍA TÂY: GIÁP XÃ TRIỆU VIỆT VƯƠNG
- PHÍA NAM: GIÁP XÃ VIỆT TIẾN
- PHÍA BẮC: GIÁP XÃ HOÀN LONG VÀ XÃ NGUYÊN VĂN LINH

M.S.D.N: 0104...
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

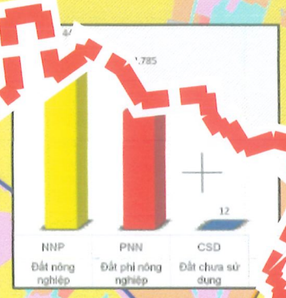
ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
SƠ ĐỒ PHẠM VI RANH GIỚI TOÀN ĐÔ THỊ VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRỰC THUỘC

M.S.D.N: 0100...
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

X. HOÀN LONG

X. NGUYỄN VĂN LINH

RANH GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ VIỆT YÊN
CÓ DIỆN TÍCH : 23,99 KM2



HUYỆN YÊN MỸ

X. YÊN MỸ

X. TRIỆU VIỆT VƯƠNG

X. VIỆT TIẾN

ĐƯỜNG CAO TỐC HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

Đường mới mai cao tốc

ĐT.379 ĐT.381 ĐT.382 ĐT.383 ĐT.384 ĐT.385 ĐT.386 ĐT.387 ĐT.388 ĐT.389 39A

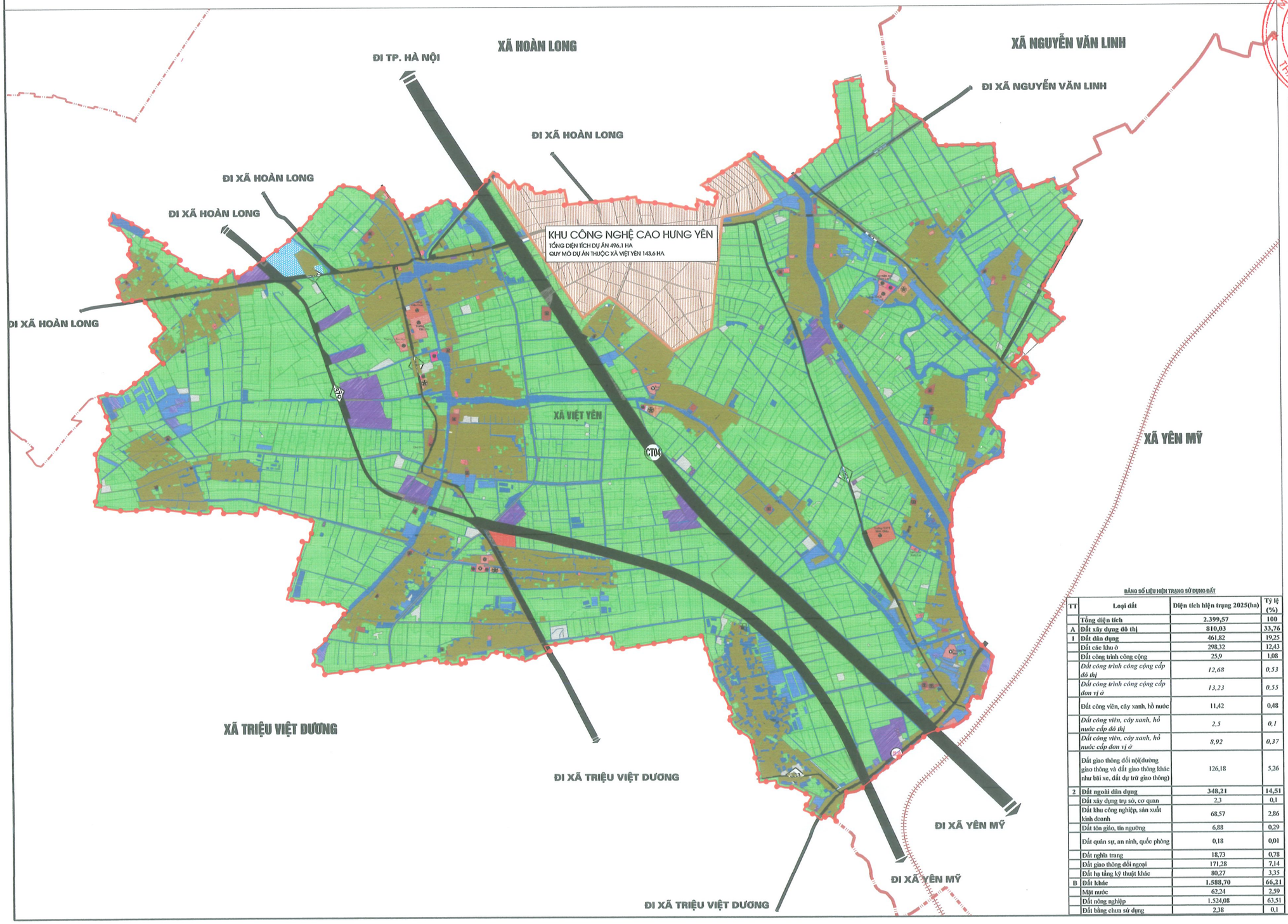
CHÚ DẪN

KÝ HIỆU	TÊN KÝ HIỆU
	Địa giới hành chính cấp tỉnh xác định
	Địa giới hành chính cấp huyện xác định
	Ranh giới khoanh đất
QL	Quốc lộ
ĐT.379	Đường tỉnh
	Đường huyện
	Đường liên xã
	Sông, suối, ao hồ
	Trụ sở UBND cấp tỉnh
	Trụ sở UBND cấp huyện
	Trụ sở UBND cấp xã
	Cầu
	Đập

ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ VIỆT YÊN TRÊN NỀN SƠ ĐỒ ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP ĐẤT ĐAI THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
(ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH HƯNG YÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 THEO VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH SỐ 579/QĐ-UBND NGÀY 27/2/2026 CỦA UBND TỈNH HƯNG YÊN)

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ VỊ TRÍ CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI



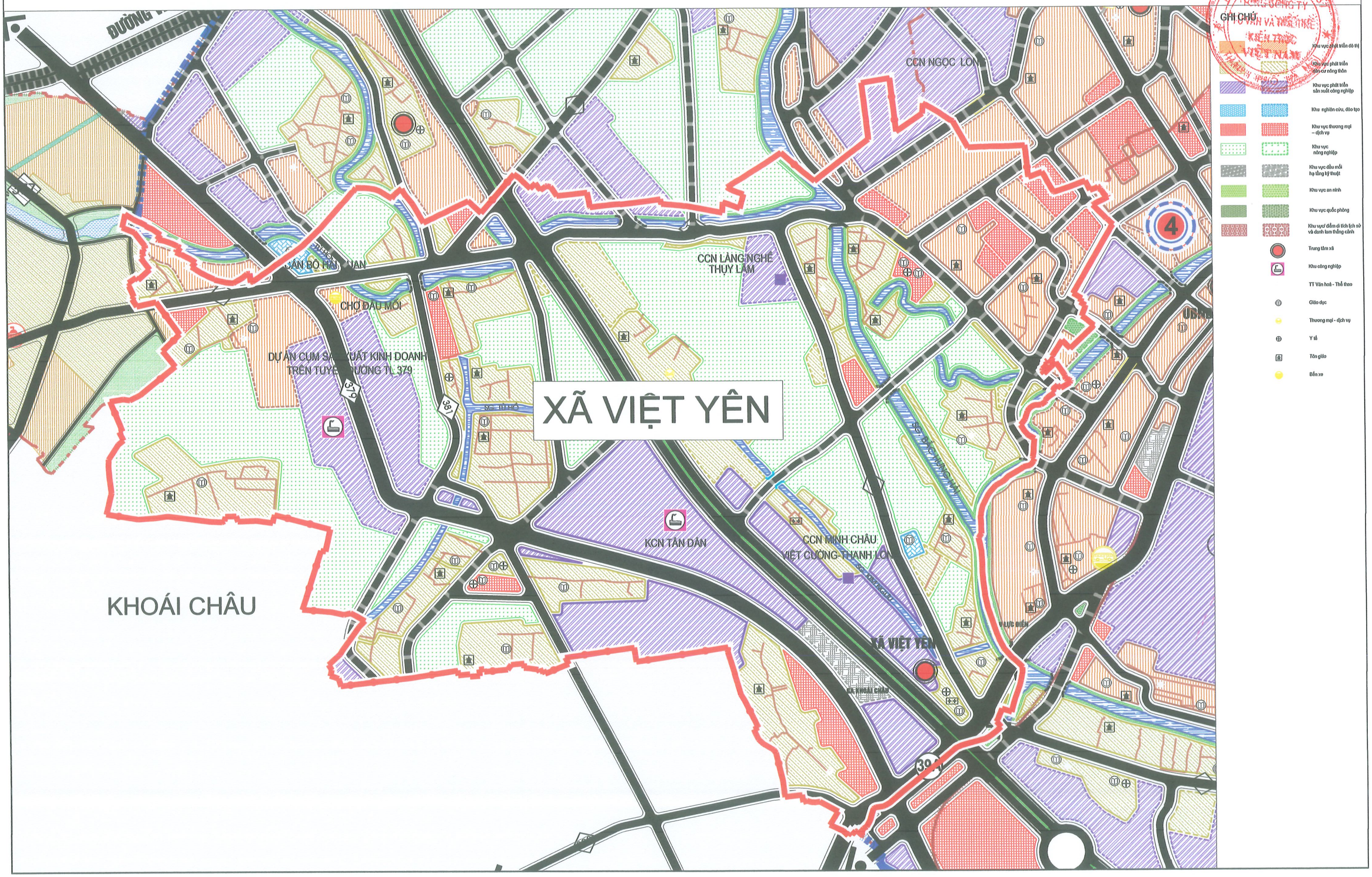


M.S.D.N: 0100413537
CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM

BẢNG SỐ LIỆU HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

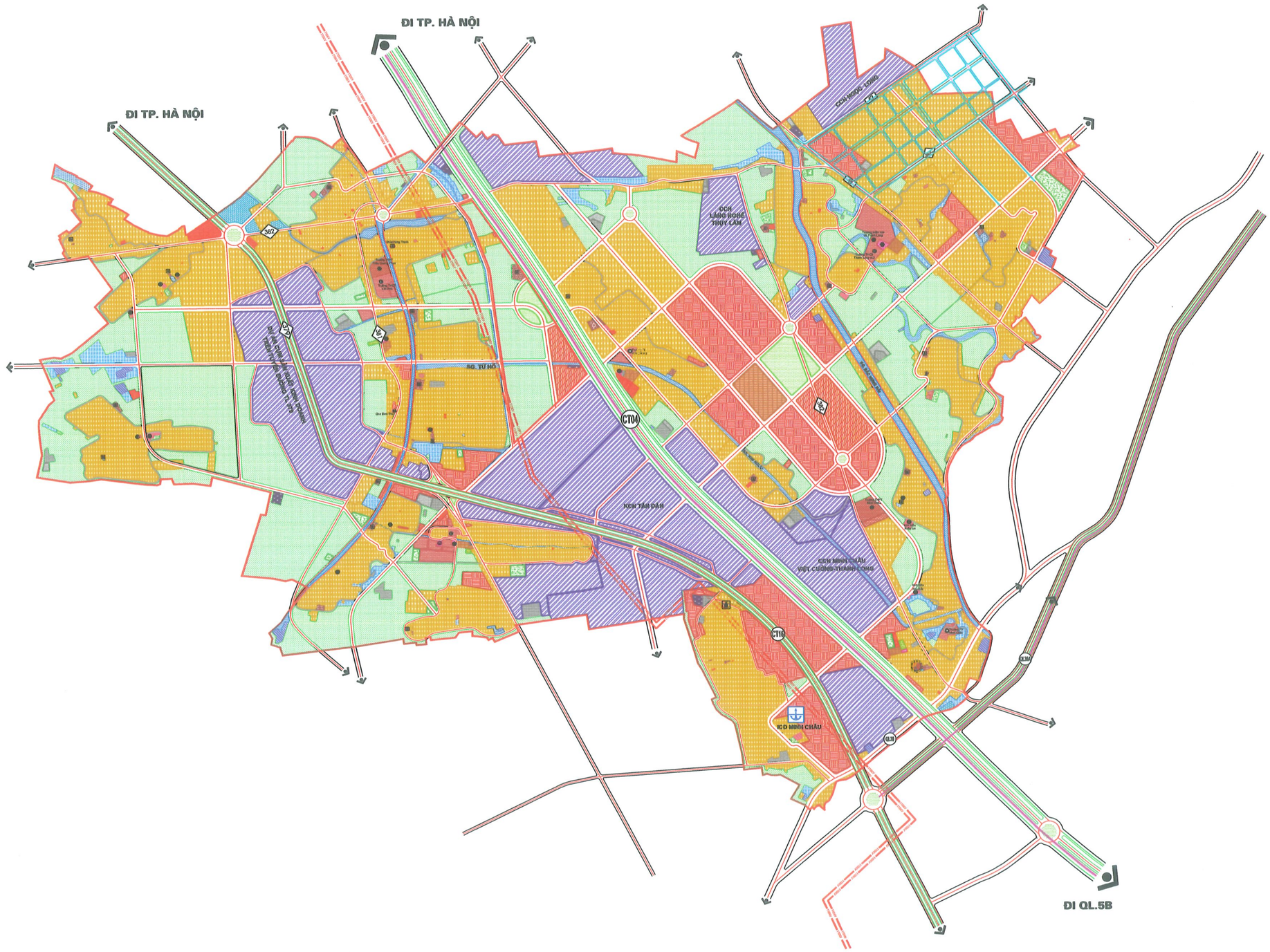
TT	Loại đất	Diện tích hiện trạng 2025(ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích	**2.399,57**	**100**
A	**Đất xây dựng đô thị**	**810,03**	**33,76**
1	**Đất dân dụng**	461,82	19,25
	Đất các khu ở	298,32	12,43
	Đất công trình công cộng	25,9	1,08
	Đất công trình công cộng cấp đô thị	*12,68*	*0,53*
	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở	*13,23*	*0,55*
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước	11,42	0,48
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước cấp đô thị	*2,5*	*0,1*
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước cấp đơn vị ở	*8,92*	*0,37*
	Đất giao thông đối nội(đường giao thông và đất giao thông khác như bãi xe, đất dự trữ giao thông)	126,18	5,26
2	**Đất ngoài dân dụng**	**348,21**	**14,51**
	Đất xây dựng trụ sở, cơ quan	2,3	0,1
	Đất khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh	68,57	2,86
	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	6,88	0,29
	Đất quân sự, an ninh, quốc phòng	0,18	0,01
	Đất nghĩa trang	18,73	0,78
	Đất giao thông đối ngoại	171,28	7,14
	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	80,27	3,35
B	**Đất khác**	**1.588,70**	**66,21**
	Mặt nước	62,24	2,59
	Đất nông nghiệp	1.524,08	63,51
	Đất bằng chưa sử dụng	2,38	0,1

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN NGẮN HẠN



ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN,TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN



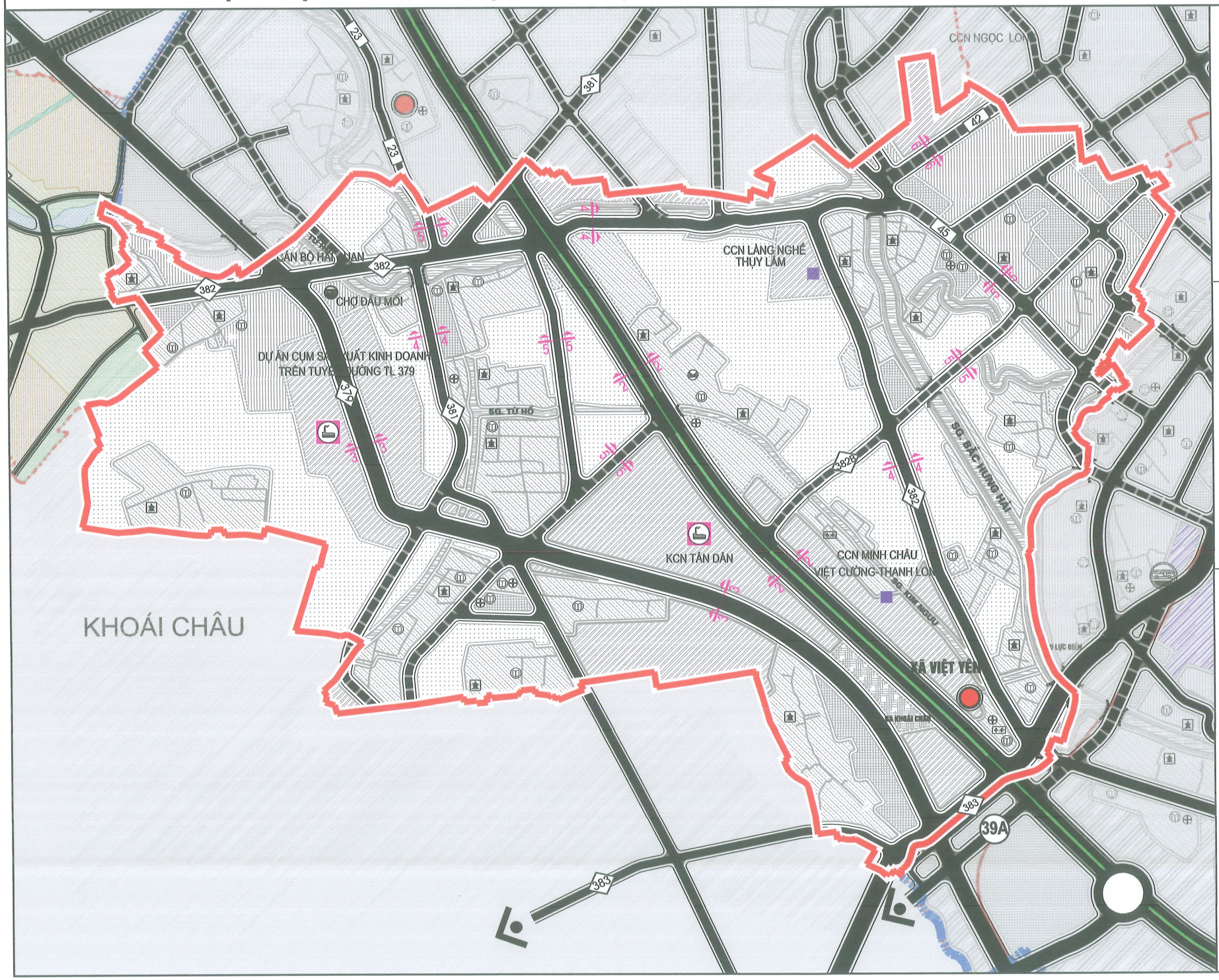
CHÚ THÍCH:

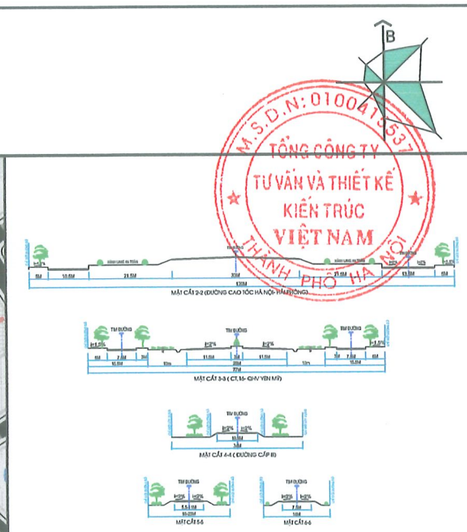
Hiện trạng	Quy hoạch ngắn hạn	Quy hoạch dài hạn	
			Nhóm nhà ở
			Hỗn hợp chung cư và dịch vụ
			Làng xóm, dân cư nông thôn
			Y tế
			Văn hóa
			Thể dục thể thao
			Giáo dục
			- Trường THPT
			- Trường THCS, tiểu học, mầm non
			Cây xanh sử dụng công cộng
			Cây xanh sử dụng hạn chế
			Cây xanh chuyên dụng
			Sản xuất công nghiệp, kho bãi
			Khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng
			Đào tạo, nghiên cứu
			Cơ quan, trụ sở
			Khu dịch vụ
			Khu dịch vụ du lịch
			Di tích, tôn giáo
			An ninh
			Quốc phòng
			Đường giao thông
			Đất bãi đỗ xe
			Nghĩa trang
			Hạ tầng kỹ thuật khác
			Sản xuất nông nghiệp
			Hồ, ao, đầm
			Sông, suối, kênh, rạch

	Cơ quan
	Y tế
	Bưu điện
	TT Văn hóa - thể thao
	Nhà văn hóa
	Trường THCS
	Trường Tiểu học
	Nhà trẻ
	Tôn giáo
	Di tích
	Bến xe khách
	Đường quốc lộ
	Đường tỉnh
	Đường trục chính
	Ranh giới quy hoạch

M.S.D.N: 0100413537
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ VIỆT YÊN , TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT GIAI ĐOẠN NGẮN HẠN





KÍ HIỆU:

HIỆN TRẠNG CẢI TẠO	QUY HOẠCH ĐẾN 2030	
		ĐƯỜNG CAO TỐC
		ĐƯỜNG QUỐC LỘ
		ĐƯỜNG TỈNH LỘ
		ĐƯỜNG HUYỆN LỘ
		ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH
		ĐƯỜNG KHU VỰC
		ĐƯỜNG GIAO THÔNG DỰ ÁN
		ĐƯỜNG SẮT

M.S.D.N: 0100417537
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI